

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mùa Phật Đản/La Grande Fête de Vesak 2014

Số/Nº: 48-04/2014



Lâm Tỳ-Ni sao mai đây ánh sáng
Cành vô ưu nở những đóa hoa tươi
Mùi hương thơm ngào ngọt bốn phương trời
Muôn màu sắc rạng ngời trong hoàn vũ.
Khắp muôn nẻo trời người đều hớn hở
Đón Như-Lai thị hiện xuống trần gian
Khắp cả đại thiên thế giới ba ngàn
Đều hướng về thành Ca-tỳ-la-vệ.
Giữa chốn kinh đô huy hoàng tráng lệ
Từ không trung nghe nhã nhạc tưng bừng
Của chư thiên hiển hiện nổi vui mừng
Để chào đón đấng Như-Lai xuống thế.

Hoàng hậu Ma-Gia dung nhan kiều mị
Bước đài trang trên thảm cỏ xanh tươi
Hoa ưu đàm khoe sắc nở môi cười
Cánh tay ngọc nhẹ nhàng vịn hoa quý.
Dưới cánh tay Như-Lai vừa giáng thế
Trong hình hài vị hoàng tử oai nghi
Hoa sen vàng nở dưới bước chân đi
Khắp trời đất chuyển mình trong hoan lạc.
Thế giới hôm nay bắt đầu đổi khác
Niềm hoan thay thế nét u sầu
Nhân loại với dần những nỗi khổ đau
Nhờ thấm nhuần Đạo nhiệm màu giải thoát.



Tết Giáp Ngọ 2014



Kinh Hoa Nghiêm

Đại Phương Quảng Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch: Thập Xoa Nan Đà

Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Vô lượng vô biên biển đại kiếp
Hiện khắp mười phương mà thuyết pháp
Chưa từng thấy Phật có đến đi
Diệu Quang Thiên Vương ngộ môn này.

“Vô lượng vô biên biển đại kiếp.” Phật ở trong vô lượng vô biên biển đại kiếp, thuyết pháp không ngừng nghỉ, đến khắp nơi phổ độ giáo hóa chúng sinh.

“Hiện khắp mười phương mà thuyết pháp.” Phật hiện khắp trong mười phương thế giới, mà vì chúng sinh thuyết pháp. Có khi “đảo giá từ thuyền” trở lại cõi chúng sinh mà vì chúng sinh thuyết pháp.

“Chưa từng thấy Phật có đến đi.” Tuy Phật hiện khắp trong mười phương thuyết pháp, mà chẳng nhìn thấy Phật đi đến mười phương, cũng chẳng thấy Phật từ mười phương đến. Ý nghĩa như thế nào? Cũng giống như mặt trăng hiện ở trong tất cả nước, mặt trăng trong tất cả nước, đều do mặt trăng trong hư không hiện ra. Mặt trăng vốn có tuy nhiên chiếu sáng ở trong nước, nhưng mặt trăng vốn có chẳng động. Mặt trăng trong nước là phản ánh ánh sáng mặt trăng vốn có mà thành, cho nên gốc chẳng động mà không đến đi.

Đức Phật giống như mặt trăng sáng, chiếu khắp mười phương mà không đến đi, trong tâm của chúng ta nếu thanh tịnh, thì quang minh của Phật sẽ xuất hiện, nếu dơ đục thì quang minh của Phật sẽ không hiện. Tu đạo tức là tu tâm, làm cho thanh tịnh, một bụi trần không nhiễm, một niệm không sinh, lúc này thì quang minh của Phật sẽ hiện tiền.

“Diệu Quang Thiên Vương ngộ môn này.” Môn giải thoát này vị Diệu Quang Thiên Vương đắc được.

Lại nữa, Thiện Hóa Thiên Vương

được môn giải thoát, khai thị tất cả nghiệp lực biến hóa.

Ở trên đã giải thích xong những bài kệ và môn giải thoát của mười vị Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương. Bây giờ giải thích kệ tụng tán thán công đức của Phật và các môn giải thoát đắc được của mười vị Hóa Lạc Thiên Vương.

Vị Thiện Hóa Thiên Vương này là Thiên Vương từng trời thứ năm thuộc về dục giới. Vị này khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, lừa khổ được vui, phá vô minh, hiển pháp tánh. Vì chúng sinh vô minh cho nên sinh ra mê hoặc. Do đó : “Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo.” Hiểu rõ thì tạo nghiệp lành, mê hoặc thì tạo nghiệp ác. Tạo nghiệp lành thì thọ quả báo lành, tạo nghiệp ác thì thọ quả báo ác.

Nghiệp phân ra làm ba thứ :

1. Nghiệp thiện : Bạn tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, đó là lục độ vạn hạnh, lợi ích chúng sinh đó là nghiệp thiện.

2. Nghiệp ác : Bạn không tu lục độ vạn hạnh, không lợi ích chúng sinh, chuyên làm việc tổn hại người, lợi mình, đó là nghiệp ác.

3. Nghiệp thiện ác hỗn tạp : Tạo nghiệp thiện thì có thể sinh về cõi trời, tạo nghiệp ác thì có thể đọa vào địa ngục. Nếu tạo nửa nghiệp thiện, nửa nghiệp ác, thì có thể làm người, cũng có thể làm súc sinh. Thiện nhiều ác ít thì gặp thuận cảnh, nếu ác nhiều thiện ít thì gặp nghịch cảnh, cho nên nếu chúng ta : “Đừng làm các điều ác, mà làm các điều thiện”, thì sẽ dứt sạch nghiệp ác, tăng trưởng nghiệp thiện, như thế thì sẽ đắc được giải thoát.

Vị Thiên Vương này dùng đủ thứ ngôn ngữ văn tự, để nói rõ về lý thiện ác, khiến cho chúng sinh biết nghiệp thiện và nghiệp ác, đều hổ tương biến hóa. Nếu trong thiện có ác, thì quả báo đắc được cũng có tốt, có xấu. Nếu trong ác có thiện thì quả báo đắc được cũng có khổ, có vui. Đó là sức lực

hỗ tương biến hóa. Tóm lại, trông nhân gì thì kết quả đó. Trông nhân thiện thì kết quả tốt, trông nhân ác thì kết quả xấu, đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đặc được.

Tịch Tĩnh Âm Quang Minh Thiên Vương, được môn giải thoát, lìa bỏ tất cả sự phan duyên.

Vị Tịch Tĩnh Âm Quang Minh Thiên Vương đặc được môn giải thoát, xả lìa tất cả phan duyên. Một số chúng sinh thường có đủ thứ tâm phan duyên. Phan duyên là gì ? Tức là muốn được lợi ích, dùng đủ thứ thủ đoạn để phan duyên, đó là vì danh mà phan duyên. Nếu khiến được sáu căn không phan duyên với sáu trần, thì tâm sẽ thanh tịnh. Trên thế giới này có hai loại người, một là vì danh mà phan duyên, một là vì lợi mà phan duyên. Cầu danh thì chết về danh, chết ở trong lửa, cầu lợi thì chết về lợi, chết ở trong nước. Danh thuộc về lửa, lợi thuộc về nước. Kẻ vì danh lợi mà phan duyên, thì không bị lửa thiêu chết thì cũng bị chết vì nước. Vị Thiên Vương này buông xả hết tâm phan duyên, đặc được môn giải thoát tự tại.

Biến Hóa Lực Quang Minh Thiên Vương được môn giải thoát, diệt trừ tâm si tối của tất cả chúng sinh, khiến cho họ được trí huệ viên mãn.

Vị Biến Hóa Lực Quang Minh Thiên Vương này, khiến cho tất cả chúng sinh tiêu diệt tâm ngu si đen tối, khiến cho trí huệ của tất cả chúng sinh đều viên mãn. Tại sao có tâm si ám ? Vì không có trí huệ. Vị Thiên Vương này, khiến cho chúng sinh tu tập Bát Nhã. Bát Nhã càng ngày càng tăng trưởng thì, đen tối càng ngày càng tiêu diệt. Như vậy thì trí huệ sẽ viên mãn, viên mãn tức là giác ngộ, giác ngộ tức là giải thoát. Đó là môn giải thoát của vị này đặc được.

Trang Nghiêm Chủ Thiên Vương được môn giải thoát, thị hiện vô biên âm thanh vừa ý.

Vị Trang Nghiêm Chủ Thiên Vương này do thanh trần mà ngộ đạo. Âm thanh của vị này phát ra, khiến cho chúng sinh nghe được đều sinh vui mừng, không những khiến cho chúng sinh vui mừng, mà cũng khiến cho chúng sinh được giải thoát, đó là môn giải thoát thị hiện vô biên âm thanh vừa ý của vị này đặc được.

Niệm Quang Thiên Vương được môn giải thoát, biết rõ vô tận tướng phước đức của tất cả chư Phật.

Vị Niệm Quang Thiên Vương minh bạch vô tận phước đức tướng, của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời. Ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp của Phật, đều là do lúc ở tại nhân địa, thì Phật tu từng chút từng chút mà thành, tích lũy từng chút từng chút, cho nên tu thành vô tận phước và vô tận đức, mới đặc được tướng tốt như vậy để trang nghiêm thân, đó là môn giải thoát của vị này đặc được.

Tối Thượng Vân Âm Thiên Vương, được môn giải thoát, biết hết tất cả kiếp, thứ tự thành hoại trong quá khứ.

Vị Vân Âm Thiên Vương này đặc được cảnh giới không gì mà chẳng biết. Trong quá khứ vô lượng vô biên kiếp thứ tự thành trụ hoại không. Kiếp nào thành, kiếp nào trụ, kiếp nào hoại, kiếp nào không, vị này đều biết. Biết rõ kiếp nào trước, kiếp nào sau. Thời đại chúng ta bây giờ gọi là kiếp Hiền, quá khứ gọi là kiếp Trang Nghiêm, vị lai gọi là kiếp Tinh Tú. Kiếp hiện tại sẽ có một ngàn vị Thánh hiền nhân xuất hiện ra đời. Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Thánh hiền nhân thứ tư. Tương lai vị Thánh hiền nhân thứ năm là Bồ tát Di Lặc. Đó là môn giải thoát của vị này đặc được.

Thắng Quang Thiên Vương, được môn giải thoát, khai ngộ trí huệ của tất cả chúng sinh.

Vị Thắng Quang Thiên Vương này, thắng hơn tất cả quang minh của Thiên Vương, vị này đặc được khai ngộ tất cả trí huệ tất cả chúng sinh. Trong sự khai ngộ bao quát : Khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến và nhập Phật tri kiến, bốn thứ. Khai ngộ tất cả chúng sinh trí, tức là khai ngộ tất cả chúng sinh, khiến cho họ đặc được bốn thứ tri kiến, cho nên gọi là nhất thiết trí. Nhất thiết trí tức là Phật trí, đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này.

Diệu Kế Thiên Vương, được môn giải thoát, phóng quang chiếu đầy khắp cõi hư không trong mười

phương.

Vị Diệu Kế Thiên Vương này, đặc được một môn giải thoát, đó là phóng quang chiếu sáng mười phương, tận hư không khắp pháp giới, không chỗ nào mà không chiếu, không chỗ nào mà không có. Cho nên quang minh của vị này phóng ra sung mãn tất cả cõi hư không, đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đặc được.

Hỷ Huệ Thiên Vương được môn giải thoát, sức tinh tấn tất cả việc làm không ai phá hoại được.

Vị Hỷ Huệ Thiên Vương hoan hỷ có đại trí huệ. Vị này đặc được tất cả việc thiện, chẳng có ai phá hoại được. Tất cả công đức của vị này làm, cũng chẳng có ai phá hoại được. Đạo nghiệp của vị này tu, cũng chẳng có ai phá hoại được. Vị này lại có sức tinh tấn, càng tu càng tinh tấn, càng tinh tấn càng phát tâm, càng làm việc thiện càng thích làm, càng tu công đức càng thích tu, luôn luôn tu hành, luôn luôn tinh tấn, đó là môn giải thoát của vị này đặc được.

Hoa Quang Kế Thiên Vương, được môn giải thoát, biết nghiệp thọ báo của tất cả chúng sinh.

Vị Hoa Quang Kế Thiên Vương đặc được cảnh giới, biết sự tạo nghiệp, sự thọ báo của tất cả chúng sinh tở hào cũng không sai. Tạo nghiệp sát sinh thì thọ quả báo sát sinh, tạo nghiệp trộm cắp thì thọ quả báo trộm cắp, tạo nghiệp dâm thì thọ quả báo dâm, tạo nghiệp vọng ngữ thì thọ quả báo vọng ngữ, đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đặc được.

Phổ Kiến Thập Phương Thiên Vương, được môn giải thoát, thị hiện thân hình đủ loại chúng sinh, khác biệt không nghĩ bàn.

Vị Phổ Kiến Thập Phương Thiên Vương, đặc được cảnh giới, thị hiện đủ loại hình chúng sinh. Mỗi loài chúng sinh, đều có hình khác nhau của mỗi loài, chẳng giống nhau, đó là môn giải thoát của vị này đặc được.

Bảy giờ, Thiện Hóa Thiên Vương, nương oai lực của đức Phật, quán khắp tất cả chúng Thiện Hóa Thiên, mà nói ra bài kệ.

Vừa lúc Phổ Kiến Thập Phương Thiên Vương nói xong, thì lúc bảy giờ vị Thiện Hóa Thiên Vương nương thân lực của Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng Thiện Hóa Thiên (Hoá Lạc Thiên) mà nói bài kệ này, khiến cho Thiên chúng minh bạch nghĩa lý Phật pháp.

Tánh nghiệp thế gian không nghĩ bàn

Phật vì quần mê mà khai thị Khéo nói nhân duyên lý chân thật Tất cả chúng sinh nghiệp khác nhau.

“Tánh nghiệp thế gian không nghĩ bàn.” Tánh nghiệp thế gian vi diệu vô cùng không thể nghĩ bàn.

“Phật vì quần mê mà khai thị.” Phật vì tất cả quần mê chúng sinh trên thế gian, mà khai thị nhân duyên không thể nghĩ bàn.

“Khéo nói nhân duyên lý chân thật.” Phật khéo dùng thiện xảo phương tiện, diễn nói nghĩa lý chân thật nhân duyên sinh diệt với nhau.

“Tất cả chúng sinh nghiệp khác nhau.” Chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, mỗi người đều khác nhau. (còn tiếp)

Nếu bị gãy thì cũng sẽ ngã về hướng Tây

Hồi xưa có một đệ tử hỏi Phật: “Nếu gặp chuyện bất trắc mà chết đi bất ngờ thì có thể vãng sanh được không?” Phật thí dụ: “Nếu có một cây mọc nghiêng về phía đông, nếu bị gãy thì cũng sẽ ngã về hướng đông”. Chúng ta niệm Phật cũng như cây mọc nghiêng về hướng tây, mỗi ngày đều hướng về tây mà lớn thêm, nếu bị gãy thì cũng sẽ ngã về hướng tây. Chúng ta phải tự hỏi mình có nghiêng về hướng tây không? (chỉ sợ là không có). Cái tâm của mình thường thường đều hướng về bốn phương tám hướng nhảy tùm lum, và không nhất tâm hướng thẳng về tây. Hai mươi bốn giờ trong ngày, thời gian thiết tha niệm Phật cũng không quá năm phút; nếu người siêng năng hơn một chút thì một ngày niệm được vài giờ, trong đó cũng không biết có bao nhiêu câu niệm được đàng hoàng (không xen tạp và không gián đoạn). Cho nên cây này đứng là mọc tùm lum, nếu bị gãy bất ngờ rồi ngã về hướng nào thì rất khó mà biết trước được. (còn tiếp)

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HÒA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Pháp sư Cửu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Vẽ họa làm tượng Phật
Trăm tướng phước trang
nghiêm

Tự làm hoặc bảo người

Đều đã thành Phật đạo.

Cho đến trẻ con chơi

Dùng cỏ cây và bút

Hoặc là dùng móng tay

Mà vẽ họa tượng Phật.

Hết thấy những người đó

Từ từ tích công đức

Đầy đủ tâm đại bi

Đều đã thành Phật đạo.

Giáo hóa các Bồ Tát

Độ thoát vô lượng chúng.

Đoạn Kinh văn ở trên, tuy nói dùng keo sơn vãi để tạo tượng Phật, nhưng ở trong giới luật chẳng đề xướng dùng keo sơn vãi để tạo tượng Phật. Vì keo sơn có một thứ mùi hôi. Và giới luật cũng nói, nếu tượng Phật đứng thì chúng ta người học Phật không thể ngồi ở trước tượng Phật. Nếu tượng Phật ngồi, thì chúng ta không thể nằm ở trước tượng Phật, các vị nên biết những điều nhỏ này.

"Vẽ họa làm tượng Phật" : Vẽ họa thành tượng Phật. "Trăm tướng phước trang nghiêm" : Vẽ họa tượng Phật rất trang nghiêm viên mãn. "Tự làm hoặc bảo người" : Tự mình làm tượng hoặc bỏ tiền ra nhờ người khác làm tượng Phật. "Đều đã thành Phật đạo" : Những hạng người này đều đã thành Phật. "Cho đến trẻ con chơi" : Nhấn đến trẻ con đùa giỡn. "Dùng cỏ cây và bút" : Hoặc dùng cỏ, hoặc dùng cây tạo tượng Phật, hoặc dùng bút vẽ tượng Phật. "Hoặc dùng đến móng tay" : Hoặc dùng móng tay chấm mực. "Mà vẽ họa tượng Phật."

Thuở xưa, tại Tứ Xuyên có một người chuyên đọc Kinh Kim Cang và dùng tay biên Kinh Kim Cang ở trong hư không. Mỗi ngày đều đứng tại chỗ đó

biên. Về sau mỗi khi trời mưa thì chung quanh chỗ ông ta biên Kinh Kim Cang mưa chẳng rớt xuống đất, người đã khai mở ngũ nhãn mới thấy được. Tuy ông ta dùng tay biên Kinh Kim Cang ở trong hư không, song, thiên long bát bộ cũng đều bảo hộ bộ Kinh Kim Cang này, khiến cho nước mưa chẳng rớt vào chỗ này. Cho nên về sau cũng tại chỗ này tạo dựng một ngôi chùa. Do đó, có thể thấy chỉ dùng tay biên ở trong hư không, mà có cảm ứng lớn như thế. chuyện này ghi ở trong Linh Di Lục của Kinh Kim Cang, là chuyện có thật.

"Hết thấy những người đó" : Những người nói ở trên là những người tạo tượng Phật. "Từ từ tích công đức" : Tích lũy công đức dần dần. "Đầy đủ tâm đại bi, đều đã thành Phật đạo" : Hiện tại đều đã thành Phật đạo. "Giáo hóa các Bồ Tát" : Phật giáo hóa các Bồ Tát, khiến cho bậc Duyên Giác, Thanh Văn đều hồi tiểu hướng đại tu pháp Bồ Tát, sau đó hồi hướng Phật thừa. "Độ thoát vô lượng chúng" : Độ thoát vô lượng vô biên chúng sinh, cũng đều cùng thành Phật đạo.

Nếu người nơi chùa tháp

Tượng báu và tượng vẽ.

Dùng hương hoa, phan, lọng

Cúng kính mà cúng dường

Hoặc khiến người tấu nhạc

Đánh trống thổi sừng ốc.

Tiêu, sáo, cầm, đàn sắt

Tì bà chụp chũ đồng

Các tiếng hay như thế

Dem hết để cúng dường.

"Nếu người nơi chùa tháp" : Nếu có người ở nơi chùa, hoặc tháp. "Tượng báu và tượng vẽ" : Bất cứ đối với tượng báu, hoặc tượng vẽ. "Dùng hương hoa phan lọng". Dùng hương hoa, phan báu và lọng báu, tức cũng bao gồm những dụng cụ khác như tràng chuỗi, y phục, thực phẩm, âm nhạc .v.v... "Cúng kính mà cúng dường" : Dùng tâm cung kính để cúng dường tượng Phật. "Hoặc

khiến người tấu nhạc" : Hoặc mời người hòa tấu âm nhạc. "Đánh trống thổi sừng ốc" : Đánh trống, hoặc thổi kèn sừng, hoặc kèn ốc. "Tiêu, sáo, cầm, đàn sắt" : Hoặc thổi ống tiêu, ống sáo, hoặc gảy đàn cầm, đàn sắt. "Tì bà chập chã đồng" : Hoặc gảy đàn tì bà, hoặc đánh chập chã. Dùng những thứ âm nhạc này để tán thán Phật, Pháp, Tăng. Ví như đánh mõ, đánh chuông, cũng là âm nhạc; tụng Kinh, đọc Chú, ngâm nga kệ tán, đó cũng đều là dùng âm nhạc để tán thán cúng dường Phật. "Các điệu âm như thế" : Những âm thanh vi diệu như thế. "Đem hết để cúng dường" : Dùng những âm thanh vi diệu trang nghiêm này để cúng dường Phật.

Hoặc dùng tâm vui mừng

Ca tụng công đức Phật.

Dù chỉ một vài lời

Họ đều đã thành Phật

Hoặc người tâm tán loạn

Cho đến dùng cành hoa.

Cúng dường trước tượng vẽ

Lần thấy vô số Phật

Hoặc có người lễ lạy

Hoặc là chỉ chấp tay.

Cho đến giơ một tay

Hoặc là hơi cúi đầu

Dùng để cúng dường tượng

Lần thấy vô lượng Phật.

Tự thành vô thượng đạo

Rộng độ vô số chúng

Vào Vô dư Niết bàn

Như củi hết lửa tắt.

"Hoặc dùng tâm vui mừng" : Hoặc có người dùng tâm vui mừng khen ngợi Phật. "Ca tụng công đức Phật" : Tán khen ngợi đức hạnh của Phật. "Cho đến một vài tiếng" : Dù chỉ ca ngợi tán thán đức hạnh của Phật một vài tiếng. "Đều đã thành Phật đạo" : Những người đó cũng đều đã thành Phật đạo, hà huống là người tán thán Phật rất nhiều, thì càng sớm thành Phật đạo. "Nếu người tâm tán loạn" : Nếu có người tâm tán loạn chẳng có định lực. "Cho đến dùng cành hoa" : Cho đến dùng một cành hoa để cúng tượng Phật vẽ. "Lần thấy vô số Phật" : Vì họ tích lũy công đức cúng dường tượng Phật vẽ, cho nên họ từ từ thấy được vô số Đức Phật. "Hoặc có người lễ lạy" : Hoặc có người đánh

lễ Phật. "Hoặc chỉ là chấp tay" : Hoặc có người chấp tay ở trước Phật. "Cho đến giơ một tay" : Hoặc là giơ một tay lên trán (đây là chỉ hành động ít cung kính). Hoặc là hơi cúi đầu xuống. "Dùng để cúng dường tượng" : Dùng tâm ít cung kính này để cúng dường tượng vẽ, tượng bấu. "Lần thấy vô lượng Phật" : Do ý niệm phát tâm ban đầu này, sẽ lần lần gặp được vô lượng Đức Phật. "Tự thành vô thượng đạo" : Vì mình tích công lũy đức mà được thành tựu Phật đạo. "Rộng độ vô số chúng" : Chẳng những mình thành Phật đạo, mà còn rộng độ vô lượng vô số chúng sinh. "Vào Vô dư Niết Bàn" : Vào cõi Vô dư Niết Bàn. "Như củi hết lửa tắt" : Giống như củi cháy hết thì lửa tắt. Cơ duyên của chúng sinh như củi, ứng hiện của Phật như lửa, cơ củi của chúng sinh đã độ tận thì lửa cũng phải tắt.

Hoặc người tâm tán loạn

Vào đến trong chùa tháp

Miệng niệm Nam Mô Phật

Họ đều đã thành Phật.

"Nếu người tâm tán loạn" : Tâm tán loạn tức là tâm chẳng chuyên nhất, chẳng có định lực, cũng giống như khách đến đây tham quan chùa, tham quan tượng Phật, chứ chẳng vì lễ Phật, chỉ là đến tham quan, đó đều gọi là tâm tán loạn, họ đều chẳng có tâm thành, tuy là đến chùa tham quan, nhưng vốn chẳng biết có Phật, cho nên có thể nói là, tán loạn trong sự tán loạn. "Vào đến trong chùa tháp" : Đến chùa, hoặc vào tháp Phật. "Miệng niệm Nam Mô Phật, họ đều đã thành Phật" : Ít nhất họ niệm được một tiếng Nam Mô Phật, do một niệm ban đầu này, mà cứu kính họ đều có thể thành Phật. Tại sao ? Vì đi ngàn dặm do khởi đầu bước thứ nhất; vạn đức viên dung, nhờ một niệm ban đầu. Nhờ trông nhân Phật một tiếng niệm Phật ban đầu, mà tương lai đắc được quả vị Phật.

Chúng ta niệm Nam Mô Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật. Bạn thấy rất dễ niệm, nhưng cơ hội này chẳng dễ gì gặp được. Bây giờ các bạn đều biết niệm danh hiệu Phật, nhưng mọi người hãy nghĩ xem, trên thế giới này người không biết niệm Phật nhiều, hay là người biết niệm Phật nhiều ? Cũng có thể nói người chẳng biết niệm Phật thì nhiều như sao trên bầu trời. Cho nên nói người biết niệm Phật, đều nhờ căn lành của kiếp trước chín mùi, nên đời này mới

gặp được pháp môn niệm Phật. Do đó, các vị phải trân tiếc căn lành của mình, đừng có bỏ lỡ.

Khi Đức Phật còn tại thế, thì Đề Bà Đạt Đa (anh em chú bác với Đức Phật) luôn luôn làm trái ngược với Đức Phật. Đức Phật dạy đệ tử ăn chay không ăn thịt, thì Đề Bà Đạt Đa nói với Phật và đệ tử của Phật không những không ăn thịt mà muối cũng không ăn, đó là muốn biểu thị ông ta cao hơn Đức Phật một bậc. Song, ông ta chẳng chịu niệm Phật. Ông ta một đời tạo tội nghiệp, khi ông ta sắp hãm vào địa ngục (tức là nhục thân sống này rơi vào địa ngục) thì ông ta đột nhiên nghĩ muốn niệm Phật. Song, ông ta muốn niệm Phật mà niệm chẳng ra, chỉ niệm được hai chữ "Nam Mô...", còn chữ Phật thì niệm chẳng ra, đó là vì nghiệp chướng che đậy ông ta, cho nên niệm chẳng ra được chữ Phật. Đức Phật nói : "Người này cũng rất đáng thương ! Các con đừng khinh thường ông ta, khi ông ta chịu hết khổ dưới địa ngục, được ra khỏi địa ngục lại tu hành, lúc đó có thể sẽ chứng Bích Chi Phật, danh hiệu của vị Bích Chi Phật đó là Nam Mô, vì ông ta lúc đó niệm được hai chữ Nam Mô. Cho nên các bạn đừng coi thường niệm Phật quá dễ dàng như thế, cho rằng lúc nào cũng có thể niệm Phật được. Hiện tại các bạn chẳng bị nghiệp chướng che đậy, cho nên mới niệm được dễ dàng, một khi bị nghiệp chướng che đậy thì bạn muốn niệm cũng niệm chẳng ra.

Và có câu chuyện này, cũng vào lúc Đức Phật còn tại thế, thì có một ông già rất nghèo. Ông ta thấy Đức Phật mỗi ngày dẫn một ngàn hai trăm vị đệ tử ôm bát đi khất thực, chẳng bận việc đời, rất thanh tịnh tự tại, do đó ông ta cũng muốn xuất gia. Ông ta đến vườn Cấp Cô Độc để xin xuất gia, nhưng ngày đó Đức Phật đi vắng. Đệ tử của Phật có những người khai mở ngũ nhãn, khai mở pháp nhãn, khai mở huệ nhãn, hoặc đã hoàn toàn chứng được ngũ nhãn lục thông, cũng có những người chứng sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán. Khai mở Phật nhãn chẳng phải là chứng quả, đó gọi là báo đắc thông. Vì rất nhiều người đời đã từng tu 42 tay và mắt (thủ nhãn) và Chú Lăng Nghiêm, đủ thứ pháp môn, cho nên đắc được quả báo này. Bậc Thánh chứng được sơ quả đến tứ quả, thì có thể biết được nhân duyên ở trong tám vạn đại kiếp. Ông già này muốn xuất gia, nên những vị đệ tử đại A La Hán của Phật, bèn quán sát xem căn cơ của ông già này thế nào, có thể xuất gia được chăng ? Sau khi quán sát thì thấy ông già này trong tám vạn đại kiếp chẳng cúng dường Phật, cũng chẳng tụng lễ Phật, cũng chẳng niệm Phật; căn bản chẳng có gieo trồng tư hào căn lành nào, do đó cho

rằng ông ta chẳng thể xuất gia. Cho nên có câu : "Đừng cho rằng việc xuất gia là dễ". "Đều nhiều kiếp trồng bồ đề" : Người xuất gia phải đời đời kiếp kiếp, gieo trồng nhiều căn lành, phát bồ đề tâm, sau đó mới có thể xuất gia, chứ chẳng phải nói tôi muốn xuất gia, thì có thể xuất gia. Nếu bạn chẳng có căn lành, thì dù muốn xuất gia cũng có rất nhiều chướng ngại, tức là xuất gia rồi, qua một ngày, hai ngày, hoặc một tháng, hai tháng thì hoàn tục; hoặc là xuất gia được một năm, hai năm lại hoàn tục, thậm chí ba năm, năm năm, mười năm sau đều có thể hoàn tục. Cho nên bạn đừng xem việc xuất gia quá dễ dàng.

Đệ tử của Đức Phật xem thấy ông già này, trong tám vạn đại kiếp chẳng có gieo trồng căn lành, do đó bèn nói với ông ta : "Ông không thể xuất gia được, vì ông đã lới tuổi, không thể tu hành được, ông nên trở về." Ông già nghe nói rất buồn rầu, vừa đi vừa khóc tự nhủ : "Ta cho rằng xuất gia quá dễ dàng, không ngờ đệ tử của Phật chẳng nhận ta, đại khái hiềm ta vừa già, vừa nghèo, ta một đời làm người cũng chẳng có ý nghĩa gì, chết đi cho xong !" Cho nên ông ta vừa khóc, vừa đi đến bờ biển.

Lúc đó Đức Phật đến bên ông ta, hỏi ông ta :

- "Ngày ông lão, tại sao ông muốn tự tử ?"

- Ông ta nói : "Tôi muốn xuất gia, đến vườn Cấp Cô Độc, đức Phật đi vắng, đệ tử của Đức Phật chẳng nhận tôi. Tôi nghĩ tôi chẳng còn muốn sống nữa, muốn chết đi cho rồi !"

- Đức Phật nói : "Ông muốn xuất gia phải chăng ? Chẳng có vấn đề gì hết ! Ông hãy theo ta trở về, ta hứa cho ông xuất gia."

Ông già theo đức Phật xuất gia tu hành, chẳng bao lâu thì chứng được quả A La Hán.

Đệ tử của Phật chẳng minh bạch việc này, đều cảm thấy kì lạ :

- "Ông già này chẳng có căn lành, sao lại chứng được quả A La Hán ? Trong tám vạn đại kiếp ông ta cũng chẳng làm việc tốt, tại sao Phật cho ông xuất gia ?" Do đó, bèn hỏi Đức Phật.

- Đức Phật bèn giải thích : "Các con chỉ có thể thấy biết được nhân quả trong tám vạn đại kiếp, còn việc ngoài tám vạn đại kiếp, các con chẳng biết được. Ông già này trước tám vạn đại kiếp cũng rất nghèo, một ngày nọ, ông ta vào rừng đốn củi, thì gặp con cọp muốn ăn thịt ông ta, ông ta leo lên cây trốn, nhưng vẫn quá sợ hãi bèn niệm "Nam Mô Phật", vì niệm một tiếng "Nam Mô Phật" thì cọp bỏ đi. Cho nên, đến bây giờ căn lành hạt giống ông ta niệm "Nam Mô Phật"

đã chín mùi, cho nên ông ta đến xuất gia và còn chúng được quả A La Hán. Từ câu chuyện này xem ra, đủ thấy xuất gia chẳng phải là việc dễ dàng.

Còn có câu chuyện này, tại Ấn Độ có một thứ ngoại đạo, họ chuyên cúng dường một tượng thiên thần. Thân thể của tượng Thiên thần này dùng bùn hoặc gỗ tạo thành, còn cái đầu thì làm bằng vàng. Tin này bị kẻ trộm biết được, y muốn đi trộm cắp đầu của Thiên thần. Y đến nơi, vì oai đức của vị Thiên thần bèn sinh tâm sợ hãi, lúc đó y bèn khởi niệm "Nam Mô Phật", thì tâm sợ hãi chẳng còn nữa. Do niệm một tiếng "Nam Mô Phật", mà khiến cho oai đức của Thiên thần chẳng còn linh hiển nữa, cho nên y bèn trộm cắp đầu vị Thiên thần. Trộm cắp đi rồi thì một số người nói : "Ê ! Bạn hãy xem kia, vị Thiên thần mà các vị đều tin là vị Thiên thần chẳng còn linh nữa, nếu Ngài linh thì sao lại bị mất đầu ? Các vị tin vị thần này chẳng có ích gì." Vừa nói như vậy thì linh tính của vị Thiên thần lập tức hiển hiện. (Thần có khi có linh khí, linh khí mà nhập vào ai, thì người đó bất tỉnh nhân sự.)

Lúc đó, Thiên thần nhập vào thân người vừa nói, bèn nói rằng : "Ta chẳng phải là không linh ! Kẻ trộm đó vốn chẳng dám ăn cắp cái đầu của ta, nhưng y niệm Phật một tiếng "Nam mô Phật", thì quang minh của Phật chiếu sáng, khiến cho mắt của ta nhắm lại chẳng còn mở được, cho nên chẳng có cách chi giữ được đầu của ta, mà bị y ăn cắp mất, chứ chẳng phải ta chẳng linh, mà là oai đức của Phật quá lớn so với ta, cho nên ta chẳng cách chi giữ được đầu của ta."

Nói đến đây, có phải nói Phật giúp tên trộm ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần, kêu y đi tạo nghiệp chẳng ? Chẳng phải, mà là công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn. Bất cứ người thiện niệm Phật, hoặc người ác niệm Phật, đều có công lực đồng nhau. Cho nên, tuy nhiên là tên trộm, nhưng y biết niệm "Nam Mô Phật", cho nên y ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần đi, đó chẳng phải Phật giúp y trộm cắp, mà là Phật thành tựu căn lành của y. Tại sao nói y ăn cắp đồ, mà còn có căn lành ? Trong Kinh Pháp Hoa nói : "Xung được Nam Mô Phật, đều cùng thành Phật đạo." Tuy lúc đó, y là tên trộm, nhưng y có căn lành niệm Phật, tương lai nhất định sẽ thành Phật. Đây gọi là : "Thuận nghịch đều tinh tấn". Do đó, mới nói chẳng phải Phật giúp y ăn cắp đầu vị Thiên thần, mà là Phật đối đãi với chúng sinh đều bình đẳng. Bất cứ người thiện kẻ ác niệm Phật đều có cảm ứng như nhau.

Nói đến đây, mọi người đừng hiểu lầm, niệm Phật thì có thể ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần, vậy tôi cũng niệm Phật đi ăn cắp đầu bằng bạc của vị Thiên thần, như thế thì không được. Tên trộm này chẳng hiểu Phật pháp, chẳng qua nghe họ nói niệm "Nam Mô Phật" là tốt, y bèn ghi nhớ. Đến lúc sợ sệt, thì y niệm "Nam Mô Phật", song, y vốn chẳng học qua Phật pháp. Chúng ta là người học Phật pháp, nên nhớ đừng y vào oai đức niệm Phật, nương quang minh của Phật mà đi trộm đồ, như thế thì chẳng được ! Vì bạn đã hiểu biết Phật pháp, biết ăn cắp là phạm giới, bạn đã biết rõ mà cố phạm, thì tội lại thêm tội, về điểm này, mỗi người đều phải nhận thức rõ ràng.

Tại sao phải nói về điểm này ? Vì xưa kia có vị Hòa Thượng, trước khi ông ta xuất gia là một quân nhân, về sau học Phật pháp thì ông ta rất tin pháp môn niệm Phật và còn luôn luôn hướng dẫn, một số người niệm Phật. Sau khi xuất gia thọ giới cũng có tôi ở đó, khoảng năm, sáu năm sau thì ông ta đến Hương Cảng.

Hương Cảng tân giới, có một cơ sở của Cơ Đốc Giáo gọi là "Đạo Phong Sơn", chuyên môn phá hoại Phật giáo, phá hoại người xuất gia. Dùng tiền và nữ sắc để dụ hoặc, khiến cho họ hoàn tục. Có những người xuất gia chẳng có tiền dùng, hoặc muốn tìm nữ sắc thì đều đi đến đó. Vị Hòa Thượng này cũng đến đó và làm việc nấu ăn. Người xuất gia đến đó đều ăn mặn, chẳng ăn chay, lại còn sát sinh, giết gà, giết vịt. Vị Hòa Thượng này làm bếp, cho rằng niệm Phật thì có thể siêu độ chúng sinh, cho nên khi ông ta giết gà giết vịt, thì vừa cầm dao giết thì vừa niệm "Nam Mô A Di Đà Phật ! Nam Mô A Di Đà Phật !" Ông ta cho rằng khi sát sinh niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", thì có thể siêu độ những con gà, con vịt đó. Kết quả, ở chưa quá nửa năm, thì phát sinh bệnh thần Kinh, chẳng bao lâu thì chết.

Do đó nên biết, biết rõ mà cố phạm thì tội tăng gấp ba. Không sai ! Niệm Phật có thể siêu độ, nhưng đừng có cho rằng ta giết con vật, thì nó lập tức được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, khi bạn chưa có công phu, thì không thể tùy tiện sát sinh, không thể nói ta giết nó, thì muốn nó vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Do đó, chúng ta đừng hiểu lầm niệm Phật, thì có thể tùy tiện tạo nghiệp. Tình hình vị Hòa Thượng đó chính tôi thấy được. Khi ông ta bệnh thần Kinh thì muốn đến gặp tôi, nhưng chẳng gặp được tôi. Tên của ông ta là Hoàn Huy, là đồ tôn của Lão Hòa Thượng Hư Vân. (còn tiếp)

Chú Lăng Nghiêm

giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

137. Ma ha bát la chiến trì.

Kệ :

Đại đạo tâm giả độ Ta Bà
Nguyệt Quang Bồ Tát tế ái hà
Siêu xuất luân hồi thoát khổ hải
Tứ hoàng thế nguyện cứu quần ma.

Tạm dịch :

Bậc đại đạo tâm độ Ta Bà
Bồ Tát Nguyệt Quang cứu sông ái
Vượt khỏi luân hồi thoát biển khổ
Bốn thế nguyện lớn cứu quần ma.

Giảng giải : Câu này dịch là "Bồ Tát Nguyệt Quang". Ma Ha dịch là "đại đạo tâm". Cho nên nói : "Bậc đại đạo tâm độ Ta Bà." Ta Bà là tiếng Phạn, dịch là kham nhẫn, là kham nhẫn sự khổ của thế giới này, còn chưa biết chán, chưa sớm cầu ra khỏi, còn cảm thấy vui sướng. Người có đại đạo tâm bèn đến giáo hóa, nói ra thế giới này như thế này như thế kia, có gì đáng lưu luyến, phải sớm giác ngộ.

"Bồ Tát Nguyệt Quang cứu sông ái." Bồ Tát Nguyệt Quang cứu chúng sinh từ trong sông ái ra.

"Vượt khỏi luân hồi thoát biển khổ." Khiến cho chúng sinh sớm thoát khỏi biển khổ.

"Tứ hoàng thế nguyện cứu quần ma." Bồ Tát trước tác bốn thế nguyện lớn :

"Chúng sinh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành."

Ngài đều phải độ tất cả thiên ma ngoại đạo, đều phải khiến cho chúng cải tà quy chánh, bỏ mê về giác. Đây là nguyện lực của Bồ Tát, nguyện cứu tất cả. Vì Ngài không bỏ tất cả chúng sinh, ma cũng là một loài trong chúng sinh, do đó Bồ Tát đều không phải vì chúng là ma mà không cứu, vẫn nghĩ hết cách để cứu độ chúng.

Hỏi : Rau cải cũng có mạng sống, tại sao chúng ta ăn ?

Đáp : Rau cải tuy có mạng sống, nhưng chẳng có trí huệ, chẳng thể chạy. Do đó bạn ăn được. Vì rau cải tuy có mạng sống nhưng đều chẳng biết sợ. Tất cả đều là pháp đối đãi, chẳng phải tuyệt đối. Tuyệt đối là một, một này là chân lý, thậm chí một cũng chẳng có. Đây là nói bạn đã minh bạch tuyệt đối, không thể lại chấp trước chân lý. Nếu bạn còn chấp trước tuyệt đối, chấp trước chân lý, đó vẫn là một thứ chấp trước, bạn phải tu luyện đến tuyệt đối cũng không. Do đó có câu "Vạn pháp quy một, một quy hợp." Tức là cho đến một cũng chẳng có, vậy là gì ? Tức đó là số 0. Số 0 sinh trời đất, sinh vạn vật, sinh tiên, sinh Phật, sinh Thánh nhân. Tất cả đều từ số 0 sinh ra. số 0 là vô cùng vô tận. Số một này thêm mười thì thành mười, lại thêm mười thành trăm, cứ thêm đến vạn vạn vạn .v.v., vô cùng vô tận, dù dùng máy điện toán cũng tính không ra. Nếu bạn làm cho số một không có, thì gì cũng chẳng có, vì chỉ số 0 thì không thành số mục. Có người nói bôn lai chẳng có Phật. Nói như vậy không đúng. Phật là có Phật, nhưng thành Phật thì không còn chấp trước Phật. Chẳng phải nói bôn lai không có, làm ra một pho tượng để chúng ta sùng bái. Lý luận tu hành phải rõ ràng.

Hằng ngày lạy Phật, lạy Bồ Tát, phải gần gũi Phật và Bồ Tát. Đừng cầu mong may mắn, có sở cầu, có sở tham, nếu không thì sẽ tẩu hỏa nhập ma. Như thấy hồ ly có thần thông bèn kết giao quan hệ với chúng, đó thì không nên. Phải hòa bình tương xử, không làm phiền phức cho ai. Còn bắt buộc kêu người làm gì cũng không đúng pháp. Cho dù Phật, Bồ Tát đến, cũng đừng có tâm tham, có sở cầu đối với các bậc ấy. Tu hành gặp cảnh giới gì tốt, xấu đừng có lay chuyển. Cảnh giới lành cũng chẳng màng, cảnh giới ác cũng chẳng màng. Phải :

"Mắt quán hình sắc trong chẳng có,
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay."

138. Ma ha điệp đa

Kệ :

Hoả Thủ Kim Cang đại tướng quân
Thanh tâm quả dục ly hồng trần
Nhiếp trì chánh niệm hành chân pháp
Vì chúng nghi hình thiện ác phân.

Tạm dịch :

Hỏa Thủ Kim Cang đại tướng quân
Thanh tâm quả dục thoát hồng trần
Nhiếp trì chánh niệm hành chân pháp
Vì chúng làm gương phân thiện ác.

Giảng giải : Ma Ha Điệp Đa là "Hỏa Thiên chúng". Thượng thủ là Hỏa Thủ Kim Cang tướng quân. Ngài xuất lãnh mang tất cả Hỏa Thiên chúng đến thế giới giúp đỡ người. Vị Hỏa Thủ Kim Cang này, lúc trước tâm dâm dục rất nặng. Lửa dục thiêu đốt Ngài chịu không thấu, nhưng Ngài vẫn nhẫn chịu. Khó nhẫn mà nhẫn được. Ngài nỗ lực tu hành, sau đó tu thành Hỏa Thủ Kim Cang. Trên đầu của Ngài sức nóng so với mặt trời còn nóng hơn. Cho nên gọi là Hỏa Thủ Kim Cang, là tướng quân trong tướng quân.

"Thanh tâm quả dục thoát hồng trần." Không thể nhẫn Ngài cũng nhẫn được, không thể làm Ngài cũng làm được. Lửa dục vốn phải dứt trừ, nhưng Ngài không thể một phen mà dứt sạch, do đó từ "thiếu dục" mà bắt đầu. Có câu rằng:

"Biết đủ không nhục,
Biết dừng không nguy."

Nguy tức là nguy hiểm. Ngài biết lúc nào sẽ dừng, do đó không đến nỗi nguy hiểm. Ngài muốn vượt khỏi hồng trần, hồng trần này xem ra hoa hòe lờ loẹt, thật ra rất là nguy hiểm.

"Nhiếp trì chánh niệm hành chân pháp." Ngài tuy dục niệm nhiều, nhưng thường nhiếp trì chánh niệm, không khởi vọng tưởng, không theo niệm dâm dục, trong tâm chẳng có tà niệm. Hành chân pháp tức là khử dục đoạn ái.

"Vì chúng làm gương phân thiện ác." Ngài làm mô phạm cho đại chúng. Tâm dâm dục vốn nặng như thế mà đều tu thành. Vị ấy tu thành rồi bèn đi tuần la quán sát thiện ác của thế giới. Người có công đức lành thì Ngài trợ giúp họ, người làm ác thì Ngài trừng phạt họ, làm việc thưởng thiện phạt ác.

139. Ma ha đế xà

Kệ :

Đại lượng bao dung Hư Không Tạng
Nhất thiết pháp giới tận bao dung

Thiên nhân tu la ngã quý chúng
Súc sinh địa ngục phóng tịnh quang.

Tạm dịch :

Hư Không Tạng đại lượng bao dung
Tất cả pháp giới bao hết thầy
Trời người Tu la và ngã quý
Súc sinh địa ngục phóng tịnh quang.

Giảng giải : Đế Xà tức là "hư không thiên chúng", thượng thủ là Bồ Tát Hư Không Tạng. Vị Bồ Tát này lượng bằng hư không, Ngài đều bao dung tận hư không biến pháp giới, cho nên nói : "Hư Không Tạng đại lượng bao dung - Tất cả pháp giới bao hết thầy." Tất cả chín pháp giới, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngã quý, địa ngục, đều bao dung hết.

"Trời, người, Tu la và ngã quý." A tu la có phước trời mà không có quyền trời, ngã quý chịu khổ trong địa ngục.

Súc sinh địa ngục phóng tịnh quang." Vị Bồ Tát này khiến cho cõi súc sinh và cõi địa ngục đều phóng quang minh thanh tịnh, thường chiếu sáng chúng sinh để cho họ lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử. Thời đại mạt pháp này, căn tính con người hạn hẹp. Do đó nếu bạn giảng chánh pháp thì rất ít người tin, nếu giảng tà pháp thì rất nhiều người tin. Đó là vì căn tính của chúng sinh càng ngày càng đọa lạc, hướng theo hạ lưu. Giảng chánh pháp cho họ, không những họ không tin mà còn sinh đủ thứ hủy báng, nghĩ cách phá hoại. Đem Chú Lăng Nghiêm ra nói, Chú Lăng Nghiêm này diệu không thể nói, không có cách chỉ mà nói thì mĩ hết được, bất quá chỉ lược giảng một phần trong vạn phần ý nghĩa của mỗi câu Chú. Bạn đừng chấp trước đây là ý nghĩa của câu Chú. Sự giải thích này chỉ là giải thích một khía cạnh. Nếu muốn nói ra hết diệu nghĩa của Chú, thì hết thuở vị lai cũng nói không hết. Nói nhiều quá thì chúng sinh nhầm chán, do đó chỉ nói sơ lược. Các bạn nghiên cứu Chú Lăng Nghiêm còn phải tự mình đi sâu vào, xét đoán cho rõ, dùng trí huệ của mình để liễu giải. Khắp thế giới này tìm không ra có một nơi nào nữa giảng Chú Lăng Nghiêm, vì sự thật chẳng có ai hiểu được. Bạn hỏi tôi làm thế nào hiểu được ? Học ở đâu ? Bạn đừng hỏi điều này. Nếu bạn tin tôi thì học theo tôi. Học pháp phải đứng vững trên mặt đất, hết lòng để nghiên cứu, đừng dụng công phu ngoài da. Như có người hỏi : "Phật đáo để sinh vào năm nào ? " Họ không hỏi Phật tu như thế nào mà thành ? Tức là làm một người học giả, dùng được gì ? Điều này chẳng có ích gì cho sự tu đạo. (còn tiếp)

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định
Tiếp theo kỳ trước.

38. A La Sâm, Phật La Xá Lợi.

"A La Sâm" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "chuyển luân pháp vương". Chuyển là vận chuyển, luân là bánh xe pháp, tức là Đấng Pháp Vương chuyển bánh xe pháp. Chuyển đại pháp luân là luôn luôn diễn nói diệu pháp đại thừa, đạo lý nói ra rất thâm sâu vi diệu, những người khác nói không được vi diệu pháp mà bạn giảng giải rất tỉ mỉ, đó gọi là chuyển luân pháp vương.

Thủ Nhân này là "Chủng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân". Bạn tu pháp này thì đời đời kiếp kiếp đều luôn luôn theo chư Phật tu học, luôn luôn sinh vào chỗ của chư Phật.

Ở Đài Loan cũng có vị Pháp sư nào đó giảng Chú Đại Bi, mỗi một Thủ Nhân ông ta đều giảng thành một vị Bồ Tát. Ví như "Chủng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân" thì ông ta nói là "Chủng Thượng Hóa Phật Bồ Tát Thủ Nhân". Đó là sai một ly đi một dặm. Tại sao? Vì vốn chẳng có tên vị Bồ Tát này ! Bạn hãy mở toàn bộ Đại Tạng Kinh ra, từ đầu đến cuối chẳng có một Bồ Tát nào gọi là "Chủng Thượng Hóa Phật Bồ Tát", chẳng có. Bạn có thể nói như vậy : "Bồ Tát tu Chủng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân"; ý nghĩa này khác nhau. Bạn đem tên của Thủ Nhân làm tên cho Bồ Tát, như thế thì chẳng có căn cứ, chẳng có căn cứ thì bạn tìm không ra tên của Bồ Tát này.

Giống như câu này ông ta cũng nói : "Nhu Ý Châu Bồ Tát Thủ Nhân". Như ý châu là tên của hạt châu, hoặc là có một vị Bồ Tát cũng gọi tên đó, song 42 Thủ Nhân chẳng phải là tên của 42 vị Bồ Tát, chẳng phải. Ở đây chỉ có thể nói "Bồ Tát tu Như Ý Châu Thủ Nhân", không thể nói : "Nhu Ý Châu Bồ Tát Thủ Nhân". Bạn nói như thế thì đã sai lại càng sai, bạn cũng không thể nói : "Bảo Bát Bồ Tát Thủ Nhân", chỉ có thể nói : "Bồ Tát tu Bảo Bát Thủ Nhân", chẳng phải Bảo Bát là tên của Bồ Tát. Tôi thấy họ ở Hương Cảng giảng lại

quyển "Đại Bi Kinh giảng nghĩa" cũng giảng như thế, biến 42 Thủ Nhân thành 42 tên của Bồ Tát, đó là sai lầm.

Bốn Mươi Hai Thủ Nhân này đều là sở tu của Bồ Tát, chứ chẳng phải là tên của 42 vị Bồ Tát, chỗ này, chúng ta học Phật pháp phải nên biết. Giảng Phật pháp nhất định phải có căn cứ, chẳng có căn cứ mà giảng Phật pháp thì không đúng đắn. Cho nên "A La Sâm" là Chủng Thượng Hóa Phật Thủ Nhân, là sở tu của Bồ Tát. Vị Bồ Tát nào? Vị Bồ Tát này không nhất định. Ai tu 42 Thủ Nhân thì người đó là vị Bồ Tát đó, ai không tu thì người đó chẳng phải là vị Bồ Tát đó. Bạn tu 42 Thủ Nhân thành công rồi, thì bạn sẽ chứng đắc quả vị Bồ Tát.

"Phật La Xá Lợi" là Tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "giác thân tử". Các bạn còn nhớ Xá Lợi Phất còn gọi là "Xá Lợi Tử" chẳng ? Dịch ra nghĩa là "thân tử", tức là "xá lợi".

"Phật La Xá Lợi" là 'giác thân tử,' đây là Sở Châu Thủ Nhân sở tu của Bồ Tát; sở châu cũng là niệm châu. Bồ Tát tu Sở Châu Thủ Nhân thì có thể đắc được mười phương chư Phật cấp tốc đến nhiếp thọ, mười phương chư Phật tiếp dẫn vị đó đến mười phương thế giới thành Phật.

39. Phật Sa Phật Sâm.

"Phật Sa Phật Sâm" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "hoan ngữ hoan tiêu", tức là thích nói, rất hoan hỉ nói. Còn có một ý nghĩa nữa, dịch ra là "Đại Trượng Phu"; còn có một ý nghĩa nữa, dịch ra là "Vô Thượng Sĩ", đó là ba ý nghĩa.

Trong 42 Thủ Nhân thì câu Chú này thuộc về "Bảo Cung Thủ Nhân", ai tu Thủ Nhân này, nếu là người tại gia thì có thể làm quan lớn, nếu là người xuất gia thì có thể chứng quả A La Hán.

40. Phật La Xá Gia.

"Phật La Xá Gia". Ở trên là "Phật La Xá Lị", dịch ra nghĩa là "giác thân tử", còn "Phật La Xá Gia" dịch ra nghĩa là "tượng". Ý ở đây nói là, nếu trong tâm của bạn giác ngộ thì làm con của Đấng Tượng Vương. Con của Đấng Tượng Vương tức cũng là Pháp Vương Tử (con của Đấng Pháp Vương), tương lai sẽ làm Đấng Pháp Vương tối cao, cho nên nói "giác tâm giác tượng vương", là ý nghĩa đại khái của câu Chú này.

Câu Chú "Phật La Xá Gia" này là nói bản thân của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là sư phụ của Bồ Tát Quán Thế Âm; vì Bồ Tát Quán Thế Âm nơi nơi đều cung kính sư phụ của Ngài, cho nên Ngài nói Chú Đại Bi cũng là tôn trọng sư phụ của Ngài. Câu Chú này là Phật A Di Đà phóng quang để chiếu đến người trì Chú. Câu Chú này tức cũng là "Tử Liên Hoa Thủ". Trong 42 Thủ Nhân có Bạch Liên Hoa Thủ, Thanh Liên Hoa Thủ, Tử Liên Hoa Thủ, Hồng Liên Hoa Thủ. Tu Tử Liên Hoa Thủ Nhân có thể gặp được mười phương chư Phật, do đó Tử Liên Hoa Thủ này rất là quan trọng.

41. Hô Lô Hô Lô Ma La.

"Hô Lô Hô Lô Ma La" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tác pháp, như ý", còn có ý nghĩa nữa là "tổ pháp mặc ly ngã". Câu Chú này là "Kim Chạc Ngọc Hoàn Thủ Nhân". Chúng ta tu 42 Thủ Nhân gọi là "tác pháp". "Như ý" là toại tâm như ý. Bạn tu Thủ Nhân này thành công rồi thì sẽ toại tâm như ý.

"Tổ pháp mặc ly ngã", "tổ pháp" tức là tu hành, tức là chính mình phải tu hành, chứ chẳng phải kêu người khác tu hành. Cho nên tu pháp này thì pháp này chẳng lìa ta, ta cũng chẳng lìa pháp này, "ta, pháp", biến thành một. Tức nhiên biến thành một, cũng chẳng có pháp, cũng chẳng có ta; ta và pháp hai chấp đều không; cũng chẳng có pháp chấp, cũng chẳng có ngã chấp, đây gọi là "mặc ly ngã". Tu Kim Chạc Ngọc Hoàn Thủ Nhân hay khiến cho tất cả chúng sinh đều nghe sự giáo hóa của bạn; bạn giáo hóa họ tu hành pháp gì thì họ tu pháp đó.

42. Hô Lô Hô Lô Hê Lị.

"Hô Lô Hô Lô Hê Lị": Câu Chú này cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tác pháp vô niệm". Còn gọi là "tác pháp tự tại". Ở trên là tác pháp như ý, đây là tác pháp vô niệm. Như ý thì vẫn còn có một ý niệm; bây giờ vô niệm thì dù một niệm

cũng chẳng có, tác pháp thì chẳng có bất cứ một niệm gì. Còn một niệm thì còn vọng tưởng, bạn chẳng còn niệm thì chẳng còn vọng tưởng; chẳng còn vọng tưởng cho nên tác pháp tự tại, biến thành Quán Tự Tại.

Câu Chú này là "Bảo Bát Thủ", là Thủ Nhân thứ ba trong 42 Thủ Nhân. Bảo Bát Thủ có công năng gì? Hay giải trừ tất cả bệnh đau của chúng sinh. Giống như bây giờ một số người xuất gia rất tin Chú Đại Bi, bèn gia trì 'nước Chú Đại Bi'. Nếu ai có bệnh thì gia trì một ly 'nước đại bi' cho họ uống. Uống vào có khi bệnh khỏi, có khi bệnh không khỏi, đó là xem nhân duyên của bạn. Nhân duyên của bạn uống 'nước Chú Đại Bi' khỏi bệnh thì bạn sinh niềm tin, tin Bồ Tát Quán Thế Âm; có khi bệnh không khỏi thì bạn chẳng tin, chẳng tin Bồ Tát Quán Thế Âm.

Kỳ thật, có khi cũng không khỏi, có khi mau khỏi, đó là xem nhân duyên của bạn với bệnh nhân. Nếu bạn và y có duyên thì y uống 'nước đại bi' của bạn sẽ khỏi bệnh; nếu chẳng có duyên mà uống 'nước đại bi' thì y cũng chẳng có niềm tin, bệnh cũng chẳng khỏi. Nói tóm lại, có đủ thứ nhân duyên mới có thể giúp thành pháp duyên này. Nếu bạn có sự tu hành thì đối phương mới có tâm thành. Song, bạn có sự tu hành mà đối phương chẳng thành tâm uống 'nước đại bi', hoặc là không khỏi bệnh. Hoặc bạn chẳng có sự tu hành mà đối phương có tâm thành, uống 'nước đại bi' thì cũng sẽ khỏi bệnh. Ở đây có đủ thứ quan hệ, có khi người này nghiệp chướng nặng, và 'nước đại bi' của bạn không có công lực lớn mấy, cho nên y uống vào thì bệnh cũng chẳng hết. Có khi người đó nghiệp chướng nhẹ, và 'nước đại bi' của bạn rất có công phu. Gì gọi là có công phu? Tức là bạn luôn luôn trì Chú Đại Bi thì có một sức lực cảm ứng đạo giao, cho nên bệnh của người đó được lành. Do đó, bất cứ việc gì cũng đều có đủ thứ nhân duyên ở trong đó để hỗ trợ, có đủ thứ trợ duyên mới thành tựu. Bạn đừng cho rằng tôi tu "Bảo Bát Thủ", tôi gia trì 'nước đại bi', sao chẳng có chút công hiệu nào? Phải chăng 'nước đại bi' chẳng có công hiệu, là vì công phu của bạn không đủ, cho nên công hiệu cũng giảm bớt.

Vì vậy, có những kẻ ngoại đạo cũng dùng 'nước đại bi' cho bệnh nhân uống, rất linh nghiệm, rất có công lực. Tại sao? Vì có những kẻ ngoại đạo có thiên ma đến trợ giúp họ. Thiên ma trợ giúp người tu hành đó, khiến cho một số người tin họ thì họ dễ dàng dẫn những người đó đi vào trong

thiên ma ngoại đạo. Cho nên cùng tu một pháp môn mà có nhiều sự việc khác nhau.

Chúng ta muốn dùng ‘nước đại bi’ để cho bệnh nhân uống, đó cũng là một trong những hạnh của Bồ Tát đạo, song bạn phải hành Bồ Tát đạo, trước hết tu Bồ Tát hạnh. Bạn phải tôn tâm cháng có tướng người, tướng ta, tướng thọ mạng, tướng chúng sinh.

Bạn đừng cho rằng : Tôi hay trị lành bệnh cho mọi người, tôi niệm Chú Đại Bi rất có cảm ứng. Đừng có tâm niệm như thế, tại sao ? Vì bạn có tâm niệm như vậy là có sự chấp trước, có chấp trước thì có ma chướng. Nếu bạn chẳng có tâm niệm như thế thì vẫn có ma chướng. Vì một số người có ma bệnh, hoặc là nghiệp, hoặc là ma. Nếu bị nghiệp chướng mà bạn chữa khỏi, thì chẳng có vấn đề gì, nếu họ bệnh về ma chướng, có ma mà bạn nghĩ muốn cho họ hết bệnh, thì con ma sẽ nghĩ muốn tìm bạn để đấu tranh. Nếu đạo lực của bạn không đủ, thì sẽ nhập vào cảnh giới ma vương. Dù bạn có đạo lực cũng sẽ kết oán với con ma đó. Kết oán thì con ma sẽ muốn tìm cơ hội để đấu tranh với bạn. Trong quá khứ, tôi rất thích trị bệnh cho người, ai có bệnh thì tôi nhất định nghĩ cách trị cho khỏi, song về sau tôi gặp rất nhiều ma chướng.

Tôi đã từng nói qua, lúc tôi ở tại Đông Bắc bên Trung Quốc thì quái vật ở trong nước muốn dùng nước giết chết tôi, song chẳng giết chết tôi được, chúng giết chết khoảng năm sáu chục người, nhà cửa bị sập đổ khoảng tám chín trăm căn nhà. Về sau khi tôi từ Thiên Tân đến Thượng Hải, đi bằng đường biển thì quái vật ở trong biển lại muốn làm lật thuyền có tôi đi, cho nên cũng sém làm mồi cho cá. Từ đó về sau, tôi đến nội địa rất ít chữa bệnh cho người.

Việc chữa bệnh rất dễ kết oán, lại rất dễ kết duyên. Nếu bạn chữa bệnh cho người khỏi hẳn, thì người đó sẽ biến phương pháp để cúng dường bạn, hoặc là cho bạn ăn vật ngon, hoặc là cho bạn đồ tốt, hoặc là cúng dường chút tiền cho bạn. Đó cũng rất dễ hóa duyên, song cũng rất dễ kết oán, cho nên vấn đề này cũng có tốt, cũng có xấu. Nếu bạn chẳng còn tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, bốn tướng, thì có thể làm. Nếu bốn tướng chưa phá được thì rất dễ bị ma chướng. Muốn kết duyên chữa bệnh cho người, nên có đủ thứ quan hệ như thế. (còn tiếp)

Tiền không mua được thời gian

Có một người rất keo kiệt, lúc nào cũng chắt bóp chẳng dám ăn tiêu gì. Tích góp cả đời, anh ta để dành được cả một gia tài lớn.

Không ngờ một ngày, Thần Chết đột nhiên xuất hiện đòi đưa anh ta đi. Lúc này anh ta mới nhận ra mình chưa kịp hưởng thụ chút gì từ số tiền kia. Anh ta bèn nài nỉ:

- Tôi chia một phần ba tài sản của tôi cho Ngài, chỉ cần cho tôi sống thêm một năm thôi.
- Không được. – Thần Chết lắc đầu.
- Vậy tôi đưa Ngài một nửa. Ngài cho tôi nửa năm nữa, được không? – Anh ta tiếp tục van xin.
- Không được. – Thần Chết vẫn không đồng ý.
- Anh ta vội nói: Vậy... tôi xin giao hết của cải cho Ngài. Ngài cho tôi một ngày thôi, được không?
- Không được. – Thần Chết vừa nói, vừa giơ cao chiếc lưỡi hái trên tay.
- Người đàn ông tuyệt vọng cầu xin Thần Chết lần cuối cùng: Thế thì Ngài cho tôi một phút để viết chúc thư vậy.

Lần này, Thần Chết gật đầu. Anh run rẩy viết một dòng: Xin hãy ghi nhớ: “Bao nhiêu tiền bạc cũng không mua nổi một ngày”.

Thời gian quan trọng như thế nên chúng ta cần phải biết quý từng giờ từng phút. Trong cuộc sống chúng ta đôi lúc chệnh mảng và kiếm chuyện để giết thời gian. Thời gian qua đi thì sẽ không bao giờ quay trở lại, cho nên hãy tận dụng và sống tốt trong cuộc đời.

Hãy thôi những tiếng thở dài và than thở tại sao thời gian qua chậm chạp thế nhỉ? Trong khi những công nhân, sĩ tử đang tận dụng từng ngày từng giờ để hoàn tất công việc của mình thì chúng ta ngồi đây, một số người tự hành hạ trách móc bản thân khi cuộc tình tan vỡ, một số người nằm dài người ngao ngán cho qua ngày... hãy tỉnh thức để tìm niềm vui mục đích sống thật bình an.

Thời gian không mua được nên chúng ta phải biết sử dụng nó một cách hợp lý, đừng vì những lời nói của ai kia mà tự hủy hoại bản thân vào những thú vui vô bổ và phá hỏng tương lai phía trước, đánh mất chính bạn, đánh mất thời gian...

Hãy nhớ rằng tiền có thể mua được đồng hồ nhưng không mua được thời gian.

PHÁP NGỮ CỦA THIÊN SƯ HƯ VÂN

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

4. Ngày thứ tư, (3.3).

"Phật pháp cao siêu rất nhiệm màu. Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu".

Trở lại chùa Ngọc Phật đả thiên thất, thật là nhân duyên thù thắng. Các vị cư sĩ nam nữ khắp nơi đến tham gia, trồng nhân chân chánh thành Phật. Thật là điều hy hữu khó được.

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phật nói:

- Nếu người tâm tán loạn, đang khi ở trong tháp miếu, xưng "Nam Mô Phật" một lần, thì đều thành Phật đạo.

Người người trên thế gian, sống trong vại thập niên, không biết tỉnh giác, chỉ để ngày tháng trôi qua vô ích. Lúc còn sống, nếu có tiền thì xài hoang phí trong rượu chè sắc dục. Kẻ không tiền thì bị miếng cơm manh áo hành hạ, khiến phải bôn ba cực nhọc làm lưng khổ sở vô ngần, hiếm khi được an nhàn tự tại. Song, những người này do nhờ đời quá khứ đã trồng căn lành, nếu có một lần nào đến chùa lễ Phật, thấy cảnh trang nghiêm thanh tịnh, khiến sanh tâm vui vẻ, hoặc thấy tượng Phật tượng Bồ Tát bèn tùy hỷ xưng niệm danh hiệu Phật, hoặc do thấy cảnh chùa thanh tịnh liền khởi tâm cảm kích, xưng tán hồng danh Như Lai kiết tường hy hữu, thì sẽ mau chóng thành Phật đạo.

Bình thường, mắt chúng ta ngắm trăng hoa gió tuyết, tai nghe ca ngâm hát xướng, miệng tham trần châu mỹ vị, tức là tư tưởng bị nhiễm ô. Tư tưởng bị nhiễm ô tức là tâm tán loạn, tâm sanh tử, tâm không vọng. Ngày nay, đến chùa chiêm xưng một danh hiệu Phật, đó là tâm giác ngộ và tâm thanh tịnh, cùng là gieo hạt giống Bồ Đề, và sẽ được rốt ráo thành Phật.

Chữ Phật, tiếng Phạn gọi là Phật Đà. Tiếng Tàu gọi là Giác giả. Giác giả tức là không ngu mê. Tự tánh thanh tịnh tức là tâm giác ngộ.

Hôm nay, chúng ta không vì danh lợi mà đến, chỉ do lực của tâm giác ngộ thúc đẩy. Song, có nhiều người khi nghe đến danh từ đả thất thì sanh tâm sợ sệt mà chẳng hề biết ý nghĩa là gì, chỉ dùng tâm tò mò để đến xem nơi nhộn nhịp, nên không phải là người phát tâm tu hành bậc thượng.

Nay đã đến đây, như người leo lên núi châu báu, đừng mang tay không về. Phải phát tâm vô thượng, ngồi cho được một cây hương, trồng nhân chân chánh thành Phật, thì tương lai ai ai cũng đều thành Phật.

Xưa kia, đệ tử Phật là Tu Bạt Đà La, vốn cô độc bản cùng, không nơi nương tựa, tâm tư thường ưu sầu phiền muộn, nên muốn theo Phật xuất gia. Ngày nọ, ông đến nơi đáng Thế Tôn đang ở, gặp lúc Ngài vừa mới ra ngoài. Các đại đệ tử A La Hán quán sát nhân duyên trong tám mươi ngàn kiếp, thấy ông chưa từng gieo trồng căn lành, nên không dám thu nhận, mà bảo hãy trở về nhà. Lúc đó, tâm tư ông lại thêm ưu sầu buồn bực cùng cực, tự trách nghiệp chướng nặng nề, nên đi ra ngoài thành, định đập đầu vào vách thành tự vẫn. Nào ngờ đâu, vào lúc ấy Đức Thế Tôn tiến đến, hỏi rõ nguyên nhân. Ông thuật lại tường tận. Phật liền thấu nhận ông làm đồ đệ. Trở về chùa, trong bảy ngày tu tập, ông chứng được quả A La Hán. Các đại đệ tử không biết rõ chuyện, nên hỏi han. Phật đáp:

- Các ông chỉ biết việc trong vòng tám mươi ngàn kiếp trở lại thôi. Hơn tám mươi ngàn kiếp trước, ông Tu Bạt Đà La đã từng trồng căn lành. Bảy giờ, ông cũng rất nghèo khổ, thường vào rừng đốn củi sinh sống. Ngày nọ, đang lúc lượm củi, ông gặp hổ trên núi, không biết chạy trốn nơi đâu, bèn leo lên cây lán nạn. Hổ thấy ông leo lên cây, liền đi vòng quanh, nhắm cắn gốc cây. Khi cây gần ngã, ông run sợ vô cùng vì không ai tới cứu. Lúc đó, ông chợt nghĩ đến chư Phật đại giác, đầy đủ tâm lực từ bi, luôn cứu hộ chúng sanh khổ não, nên xưng: "Nam mô Phật! Xin Ngài thương xót, mau đến cứu con!"

Hổ nghe tiếng "Nam Mô Phật" nên liền bỏ đi, chưa hại gì được ông. Do trồng nhân lành thành Phật chân chánh, nên nay đã thành thực, chứng được đạo quả.

Các đại đệ tử nghe xong liền hiểu rõ, tâm rất vui mừng, tán thán việc chưa từng có.

Chúng ta hôm nay gặp được duyên lành thù thắng, đến đây ngồi thiền tĩnh tọa vài cây nhang,

tức vun bồi nghiệp thiện nhiều hơn ông Tu Bạt Đà La rồi. Do đó, trăm vạn phần chớ cho là trò chơi trẻ nít. Nếu vì nhộn nhịp mà đến thì thật phí uổng cơ duyên tu hành.

5. Ngày thứ năm, (3.4).

Người có tín tâm thâm sâu đầy đủ, nơi thiên đường luôn nỗ lực dụng công. Chư thượng tọa chuyên môn tham thiền thì đương nhiên công phu thuần thực. Nhưng khi đã thuần thực rồi, phải biết dụng công tương ứng, xoay về cội nguồn, cho đến cùng nguyên triết để, sự lý viên dung, động tịnh không ngại, chớ ngồi chết lì ra, để lạc vào trầm không thủ tịch, hay đắm thích cảnh giới tịch tĩnh. Nếu tham đắm cảnh giới tịch tĩnh, không biết trợ công hỗ tương, thì như cá bơi trong nước ú đọng, không hy vọng nhảy ra cửa của loài rồng, và là cá nằm trong băng giá, thật rất vô dụng.

Người sơ phát tâm dụng công tu hành phải nhớ nỗi thống khổ của sanh tử, mà khởi tâm hổ thẹn và xả bỏ muôn duyên, thì khi tu trì mới mong có chút định lực. Nếu không thể xả bỏ thân tâm thì sanh tử quyết định không thể cắt đứt.

Từ vô thủy đến nay, chúng ta mê lầm trong thất tình lục dục. Hiện tại, từ sáng đến tối chúng ta mãi lần quần trong âm thanh sắc tướng, không biết chân tâm thường trụ, nên phải trầm luân lặn hụp trong biển khổ. Ngày nay, chúng ta đều biết rõ mọi việc trên thế gian đều là khổ não, nên phải tận tình xả bỏ hết tâm vọng tưởng, quyết định tu hành thành Phật.

6. Ngày thứ sáu, (3.5).

Lần tham gia đá thất này, theo tôi nhận thấy thì nam nữ sơ phát tâm chiêm đa số, nên quy củ phép tắc đều không thông hiểu. Vì vậy, mỗi động tác đi đứng nằm ngồi đều làm phiền người khác. Song, Ngài trụ trì rất từ bi, giúp đỡ chúng ta mau thành tựu đạo nghiệp. Quý thầy Ban Thủ cũng phát đạo tâm vô thượng, lãnh đạo dẫn dắt, khiến chúng ta tu trì đúng như pháp. Đây là cơ hội khó gặp trong muôn kiếp. Chúng ta phải đồng mãnh tinh tấn tu hành, trong tâm lẫn ngoài thân.

Bên trong, phải luôn đề khởi câu thoại đầu "Ai đang niệm Phật", hay thường niệm câu "A Di Đà Phật", chớ khởi tâm tạp loạn, tham lam sân hận si mê, để pháp tánh chân như được hiển lộ.

Bên ngoài, phải giữ giới không giết hại, và cố gắng phóng sanh; đem mười việc ác chuyển thành mười việc lành. Chớ ăn thịt uống rượu, say sưa từ

sáng đến tối, tạo bao nghiệp tội. Nên nhớ rằng hạt giống Phật chỉ khởi lên khi duyên lành đầy đủ. Nghiệp ác nếu tạo quá nhiều thì nhất định sẽ đọa địa ngục. Nếu vun bồi nhiều nghiệp lành thì phước lợi sẽ tự đến. Chư cô đức thường dạy:

- Các việc ác chớ làm. Hãy làm tất cả việc thiện.

Nếu xem lại nhân duyên vua Lưu Ly giết hại dòng họ Thích Ca thuở xưa, thì quý vị sẽ hiểu rõ hơn.

Gần đây, trên thế giới, nhân loại luôn bị thiên tai hoạn nạn. Nghiệp sát hại nặng nề đều do quả báo xấu đã tạo thuở xưa. Chúng ta phải luôn khuyên người thế tục nên giữ giới không sát hại, và cố gắng phóng sanh, cùng ăn chay niệm Phật. Đó chính là chúng ta tự giúp mình tránh quả báo xấu trong nẻo luân hồi. Quý vị hãy nên tin tưởng thực hành, trồng nhân lành thì sẽ thành tựu quả vị Phật.

7. Ngày thứ bảy, (3.6).

*"Đời phù du như mộng
Huyễn chất không bền chắc
Nếu không nương Phật từ
Làm sao siêu thăng được?"*

Trong cuộc sống như huyễn như mộng, chúng ta điên điên đảo đảo, không biết sự cao siêu của đạo Phật, không nghĩ đến việc thoát ra khỏi sanh tử, chỉ thảng trầm trong nghiệp lành nghiệp ác, nên tùy theo nghiệp lực mà cảm thọ quả báo. Người thế gian làm lành thì ít, mà tạo nghiệp ác lại nhiều. Người giàu sang thì ít, còn người nghèo hèn lại quá đông. Chúng sanh cứ trôi lăn trong sáu đường, chịu khổ sở muôn trùng. Có người sáng sanh chiều chết, hoặc sống vài tuổi rồi chết, hoặc chết vì tuổi cao. Người người đều không thể tự chủ được. Ngày nay nương nhờ oai lực từ bi của chư Phật, mới biết được cách thức tu hành.

Chư Phật, chư Bồ Tát thường phát những đại hạnh nguyện từ bi hỷ xả, cứu độ chúng ta, xuất ra khỏi biển khổ sanh tử, đạt đến bờ giác.

Từ bi nghĩa là thấy tất cả chúng sanh bị bao thống khổ, nên khởi tâm thương xót cứu hộ, khiến họ xa rời khổ nhọc, đạt được an lạc.

Hỷ xả tức là thấy chúng sanh tạo bao công đức, hoặc phát khởi những tâm niệm lành, đều khen ngợi vui theo. Đối với tất cả mọi cầu nguyện của chúng sanh, chư Phật đều tùy theo tâm thành mà gia hộ.

Lúc Đức Thế Tôn còn tu hành tại nhân địa, Ngài hành hạnh Bồ Tát xả đầu não xương tủy. Vì vậy Ngài thường bảo:

- Trong ba ngàn đại thiên thế giới, không có hạt bụi nào mà không phải là nơi thân thể xương tủy của Ta thí xả.

Ngày nay, quý vị nên nỗ lực, giữ chặt câu thoại đầu, đừng để thời gian trôi qua uổng phí.

(còn tiếp)

Hám Sơn đại sư tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Năm 1598, quan ngự giám Phàn Hữu Hiên, có liên hệ việc giảm tiền chi tiêu trong cung nội để dành tiền trùng tu lại chùa Báo Ân, nên bị đày tới Lôi Châu. Đầu tiên, ông ta đến gặp Ngài tại Ngũ Dương. Khi ấy, Ngài đang thảo lại bản văn chú giải kinh Lăng Già. Lúc ông ta hỏi về phong cảnh của Lôi Dương như thế nào, Ngài liền đưa bản thảo chú giải kinh Lăng Già cho ông xem và bảo: "Đây là phong cảnh của Lôi Dương."

Xem xong, ông ta rất kinh ngạc và tán thán Ngài. Ông cũng gom góp tiền cúng dường để khắc bản chú giải này lên bản gỗ để ấn loát. Chu Hải Môn, trưởng quan thuế muối tại Quảng Đông, thường tới lui hỏi han Phật pháp nơi Ngài. Vì trú tại Nam Thiều, nên ông ta thỉnh Ngài viết biên sử chùa Nam Hoa ở Tào Khê (Biên sử chùa Nam Hoa ở Tào Khê, nói rõ về lịch sử thành lập chùa, quy chế tự viện được các vị cao tăng lập ra, tên những vị pháp sư trú ngụ tại chùa để tu học trước và sau ngài Lục Tổ, cùng những việc liên hệ đến Phật pháp).

Khi ấy, có rất nhiều người tại Quảng Đông không hiểu Phật pháp. Quan triều Châu Đơn Thích, đang dạy huyền học Vương Dương Minh. Ông cũng thường dẫn các đệ tử đến thăm viếng và hỏi đạo nơi Ngài. Một đệ tử của ông tên là Long Sanh, khi nghe Ngài luận nghị, tâm rất kính phục. Trở về nhà, Long Sanh bảo bạn mình là Vương

An Sanh và Phùng Xương Lịch: "Lời thuyết pháp của vị Thiên Sư từ miền Bắc xuống, thật là vi diệu."

Nghe thế, Vương An Sanh và Phùng Xương Lịch đến cầu thỉnh vấn đạo nơi Ngài. Được Ngài chỉ dạy pháp hướng thượng, họ tin tưởng xác thật không nghi ngờ, nên phát khởi ý chí thiết tha tham tâm tu học. Hai cậu học trò này thật có phước đức. Số người quy y Tam Bảo ngày một tăng thêm. Từ đó, người biết đến Tam Bảo (Phật Pháp Tăng) tăng rất nhiều. Thế nên, sự giáo hóa của Phật pháp lan tràn khắp nơi. Ba cậu học sinh cống hiến sức lực rất nhiều trong việc giúp đỡ Ngài truyền bá Phật pháp. Khi xưa, Thiên Sư Đạt Quán có nguyện rằng sẽ tụng kinh Pháp Hoa một trăm lần để cầu chư Phật gia bị cho Ngài mau sớm thoát cảnh khổ tù đày. Mùa Hè năm đó, để đền đáp ân nghĩa của Thiên Sư Đạt Quán, Ngài cho xây một Thiên đường bên trong thành. Ngài mặc khăn đóng trong khi giảng kinh thuyết pháp giống như Thiên Sư Đại Huệ thuở xưa (Lúc xưa, ở Tàu, dân thường mặc khăn đóng, nhưng tăng sĩ thì không. Thiên Sư Đại Huệ và ngài Hám Sơn mặc khăn đóng vì không muốn tăng đoàn bị mang tai tiếng do lỗi lầm của cá nhân mình).

Để tụng kinh cùng giảng thuyết kinh Pháp Hoa, Ngài nhóm họp những đệ tử xuất gia tại chùa Pháp Tánh dưới cội cây Bồ Đề như Thông Ngạn, Siêu Dật, Thông Quýnh v.v...tổng cộng hơn một chục người. Khi giảng đến phẩm Hiện Bảo Tháp, Ngài chợt liễu ngộ ý của đức Phật. Nơi cội Ta Bà, Ngài thấy trước mặt mình là cõi Tịnh Độ của chư Phật. Sau đó, Ngài viết bài chú giải Pháp Hoa Kích Tiết (bài chú giải tán thán kinh Pháp Hoa.)

Định Hữu Võ tánh tình rất nóng nảy, nhưng rất khảng khái. Ông biết cung kính chư Tăng, nhưng không hiểu Phật pháp. Khi tiễn đưa ông ta ra bến tàu để trở về quê quán, Ngài véo ông ta một cái khiến cho ông ta chợt đại ngộ. Sau đó, Ngài đặt pháp danh cho ông ta là cư sĩ Giác Phi. Ngài cũng viết kệ "Trừng Tâm Minh" để thức tỉnh ông ta trong mọi trường hợp:

"Chân tánh thậm thâm
Như nước lắng trong
Nếu bị ái dục động
Sóng phiền não khởi
Khởi rồi không ngưng
Tự tánh vẫn đục;
Phiền não vô minh
Lại tăng bất giác

Dùng ngã buộc người
Như bùn trong nước
Dùng người động mình
Như mỡ thêm lửa
Người loạn ta chân
Loạn thật ngã sanh
Nêu không sanh ngã
Kiếp hòa thành băng
Thế nên người trí
Phải không ngã tướng
Nêu không ngã tướng
Chưong kia sao sanh
Công phu bỏ ngã
Phải nên kiên nhẫn
Tập khí vừa phát
Phải mau tỉnh giác
Nơi tỉnh tức giác
Một niệm hồi quang
Quét sạch dấu vết
Lập tức mát trong
Mát trong tịch tĩnh
Thản nhiên độc lập
Điềm đạm di thân
Vật không đối địch."

Vì phải thay đổi để thích hợp môi trường mới, Ngài bắt buộc phải viết thi kệ để diễn đạt cảm giác nội tâm. Ngài phân chia sự khác biệt giữa kệ tụng trong kinh Phật và thơ kệ (tức thơ kệ viết những việc thế sự). Trong lời giới thiệu về quyển "Mộng Du Thi Tập", Ngài bảo rằng nhận thấy theo truyền thống, thi kệ được viết với những ngôn từ mỹ miều, diễn đạt cảm tưởng dồi dào, không phải là phương tiện chân chánh để miêu tả chân lý nhà Phật. Song, Ngài biện hộ thi kệ của mình mới thật bộc lộ tư tưởng của nhà Phật; cuộc đời trôi nổi lang thang như giấc mộng dài.

Công nghiệp hoằng pháp của Ngài cũng ảnh hưởng lớn đến quần chúng địa phương. Giết hại sanh vật để cúng tế tổ tiên là truyền thống xưa nay của người Tàu. Tại Quảng Đông, phong tục này lại càng được thịnh hành. Mỗi năm vào dịp lễ Trung Nguyên tức ngày Rằm tháng Bảy âm lịch, tại các đạo tràng Phật giáo, tăng sĩ thường tổ chức những buổi lễ cầu siêu độ cô hồn tử sĩ, tụng đọc kinh điển cùng làm lễ phóng sanh. Khi ấy, Phật tử thường đến chùa cúng dường Tam Bảo. Tuy nhiên, đối với dân dã vào những ngày này, họ thường giết heo, bò, gia súc để cúng tế ông bà, cô hồn uông tử.

Hầu mong chuyển đổi phong tục tập quán xấu xa, Ngài thiết hội lễ Vu Lan Bồn để cầu siêu độ cho vong linh quá cố cùng ngựa quý đói khát. Trong những dịp đó, Ngài cũng khai đường giảng 'Hiếu Thuật Sao' để khuyến khích dân chúng giữ trai giới, phóng thả súc sanh hầu mong cầu siêu độ tổ tiên, và chỉ cúng đồ chay cho tổ tiên ông bà. Ngài lại thuyết giảng về hiếu hạnh, mạnh mẽ cổ động Phật tử cúng dường trai tăng. Người nghe theo lời khuyên của Ngài rất nhiều. Từ đó, trong những dịp tang chế, sinh nhật cha mẹ, lễ cầu tiêu tai hoạn nạn, lễ sám hối, hay lễ phóng sanh, đều được thiết đãi bằng đồ chay và động vật cũng được phóng sanh. Chẳng bao lâu, hội phóng sanh được thành lập rất nhiều nơi. Các hội đoàn này trợ giúp Ngài rất nhiều trong việc chuyển hóa quần chúng quy y Phật pháp.

Theo truyền thống, tại các tự viện thường có đào ao thả cá phóng sanh. Tăng sĩ hay cư sĩ thường mang chim chóc ra đồng vắng hay lên núi cao thả. Đại sư Liên Trì, sống cùng thời với ngài Hám Sơn, là nhân vật quan trọng trong việc cổ động truyền thống phóng sanh.

Mặc dầu không còn mặc y ca sa, năm năm mươi bốn tuổi Ngài vẫn tiếp tục giảng kinh, viết chú giải. Vừa khi đến Lôi Châu, việc khắc bản gỗ quyển Lăng Già Bút Ký được hoàn tất. Nhân dịp đó, Ngài giảng bộ kinh Lăng Già cho các đệ tử nghe. Một trăm bộ Lăng Già Bút Ký được ấn tống và gởi đi đến các tự viện nổi tiếng cùng các đại quan triều đình, hộ pháp, nhằm chứng minh rằng tuy bị hoạn nạn, Ngài vẫn không quên làm việc Phật sự. Trong trường hợp Ngài mất đi mà không ai hay biết, quyển chú giải kinh Lăng Già này sẽ tiết lộ mục đích tu hành của Ngài. Tuy vậy, vẫn có người không tin mà lại hủy báng Ngài.

Vào tháng năm, quan đại tư mã Trần Chế Phủ đi kinh lý, đến trấn phủ. Vừa bước xuống xe, chưa kịp gặp mặt quan địa phương thì ngã lăn ra chết. Ngài bảo môn hạ của ông ta làm một trăm món thức ăn chay để làm lễ tang chế. Từ đó, ai ai cũng biết cúng chay rất là quan trọng trong những dịp tang lễ.

Quan nhân ở Huệ Châu, Dương Thiệu Tể, xưa vốn là bạn hữu thân thiết của Ngài, đã trở về quê quán để tang cha mẹ. Trong mùa Thu, khi Ngài đến viếng thăm thì ông ta đã qua đời trước đó. Sáng hôm sau, vừa định trở về núi, thì nghe tin

linh cữu của ông ta được mang đến thị trấn. Ngài liền đến nơi làm tang lễ và tặng một chiếc hòm cho ông ta (Trước khi mất, ông ta chẳng để lại đồng nào.)

Quan quản đốc họ Nhậm đưa Ngài đến Huệ Dương và thỉnh Ngài đến Tây Hồ. Ngài cùng ông ta leo lên Bạch Hạc Quán, nơi Tô Đông Pha thờ xưa đã từng trú ngụ. Ngài rất khâm phục Tô Đông Pha, một đại thi hào triều Tống và là một Phật tử có kiến thức Phật pháp thâm sâu. Đối với tâm tánh và vận mạng, Ngài và Tô Đông Pha rất tương hợp. Hai vị đều có biệt tài, được thái hậu ban đặc ân, nhưng cũng bị triều đình bắt tội mà giải vào Nam.

Khi trở về, Ngài không tiếp khách và tự biệt lập tu hành Thiền Định.

Năm 1600, toàn trấn bị chấn động vì sự hiện diện của quan thu thuế. Lại nữa, sự quấy nhiễu của hải tặc Nhật khiến nhân tâm đều lo âu sợ hãi. Ngài bảo các đệ tử phải tản mát đi nơi khác, còn Ngài và Phước Thiện ẩn cư bẻ quan. Song, chẳng bao lâu dân chúng hai tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến vì gạo lúa mà phát sanh quấy loạn, đến bao vây doanh phủ của đại tướng quân. Vì lời yêu cầu của đại tướng quân mà Ngài bắt buộc phải xuống núi giải cứu.

Tỉnh Quảng Đông sản xuất lúa gạo thơm ngon. Người Phúc Kiến thường dùng tàu bè vận chuyển lúa gạo. Vì vậy, người Quảng Đông sợ giá lúa gạo sẽ tăng, nên rất căm hận người Phúc Kiến. Do đó thường có sự xung đột giữa người Quảng Đông và Phúc Kiến. Vào năm đó, vị đại tướng quân có quan hệ mật thiết với Ngài chuẩn bị từ quan về hưu. Vị tân đại tướng quân lại là người Phúc Kiến. Công tử con của ông cựu đại tướng quân có mấy chiếc tàu mới. Người địa phương thấy vậy hoài nghi rằng ông cựu đại tướng quân cùng tân đại tướng quân câu thông chở lúa gạo. Quan thuế do vua Thần Tông phái đến, lợi dụng lúc ông cựu đại tướng quân sắp về hưu, định soán đoạt quyền lực của ông tân đại tướng quân, nên cố ý đưa tin báo rằng tân đại tướng quân đem rất nhiều lúa gạo tặng cho con ông cựu đại tướng quân. Dân chúng địa phương bèn tụ tập cả hàng ngàn người, lấy gạch ngói ném các chiếc tàu của công tử con của cựu đại tướng quân. Thấy việc này chưa đủ, ông quan thuế lại bảo quần chúng: “Việc này đều do tân đại tướng quân làm dấy động. Vậy

mọi người hãy đến tìm cựu đại tướng quân thì mới được giải đáp thoả đáng.”

Vì thế, dân chúng cầm binh khí như côn, quyền đao v.v... đến vây và tấn công doanh phủ. Tân đại tướng quân là người khiêm hòa. Lúc đó ba ty huyện phủ quan sử đều đến Đoàn Châu dự lễ. Đại tướng quân tuy có binh mã, nhưng không thể điều động, nên đành thúc thủ. Trong cơn hiểm nạn đó, có một ông lính nghĩ đến ngài Hám Sơn. Thật ra, lúc đó họ chỉ muốn dùng ngựa chết để cứu ngựa sống. Trong vùng đó, danh tánh của Ngài ảnh hưởng quần chúng rất lớn, nên tân đại tướng quân tin tưởng lời nói của Ngài đối với dân chúng rất có tác dụng, nên cho ông lính kia đi mời Ngài đến để cứu nạn. Ông lính đó liền giả dạng thường dân, xuất thành để tìm Ngài. Đến nơi, ông ta bảo: “Đại tướng quân có nạn. Hy vọng Đại Sư mau chóng qua doanh phủ để cứu trợ.”

Thấy Ngài không phản ứng gì, ông lại nói: “Đại Sư! Hiện nay có hàng ngàn dân chúng đang vây quanh doanh phủ. Thủ hạ binh mã của đại tướng quân tuy nhiều, nhưng ba ty quan sử đều ra ngoài tỉnh, nên không cách nào điều động được. Tình hình hiện tại thật rất nguy kịch.” Song, thấy việc xuất đầu lộ diện trong vụ này thật rất vô lý, nên Ngài khước từ, bảo: “Tôi chỉ là người tầm thường, không có thần thông huyền thuật thì làm sao giải được nạn đó?”

Ông lính nói: “Nếu Đại Sư không nghĩ đến tình riêng với đại tướng quân thì cũng được, nhưng còn sanh linh bá tánh trong vùng thì sao? Nếu họ xung đột lẫn nhau, tức song phương phải bị tử thương. Đại Sư nhẫn tâm ngồi nhìn được sao?”

Vì thân phận bị tù đày, nên Ngài không muốn dính vào những chuyện thị phi. Nhưng vì tánh mạng của hàng ngàn người dân, Ngài không thể từ chối, nên đành lòng ra thất. Ngài tự một mình đi đến gặp loạn dân để chiêu an. Lúc đến gặp họ, Ngài nói to: “Quý vị tạo náo loạn để mong giảm giá gạo, nhưng thật ra đã vi phạm luật triều đình, nên tự chiêu lấy tội chết. Nếu chết rồi thì việc giảm giá gạo có ích lợi gì?” Dân chúng ô hợp nghe lời của Ngài rất có lý, nên giật mình sợ hãi mà tự động giải tán. Dinh phủ không còn bị bao vây. Cuộc sống trở lại bình thường. Các trưởng lão trong thị trấn rất cảm kích Ngài. Danh tánh của Ngài từ đó lại càng vang xa. Ngài dự biết từ đây về sau sẽ không còn tu hành an ổn. Thật vậy,

sau này có rất nhiều quan lại đến thăm viếng Ngài.

Đang dự tiệc tại Tuyền Châu, ba vị quan phủ nghe việc dân chúng nổi loạn, liền trở về Quảng Đông ngay lập tức. Khi về đến, thị trấn yên ổn như bình thường, nhưng họ biết được là nhờ Ngài mà quần chúng mới chịu giải tán. Quan sử họ Nhâm nghe tin nên viết thư cho Ngài, bảo: "Nếu Ngài không xuống núi thì vùng này sẽ xảy ra chuyện gì? Nay đã xuống núi thì việc gì sẽ xảy ra đến với Ngài?"

Vào tháng Bảy, nhân dịp quan sử Chúc Tinh Tồn ở Nam Thiều mời đến Tào Khê, Ngài thừa dịp này mà vào núi hầu Lục Tổ (Ngài thích đến thánh địa để tu hành như đã dự định khi trước, còn hơn ở lại thị trấn náo động). Trước khi đi, Đái Diệu, tân thống đốc của Quảng Đông, biết Ngài có công trong việc trấn an loạn dân, nên muốn gặp mặt Ngài. Ông ra lệnh cho viên đại tướng người Phước Kiến, dẫn Ngài đến gặp mặt. Lúc đến, Ngài được ông tiếp đãi buổi cơm chay thân mật. Được biết Ngài sẽ trở về Tào Khê, ông ta hứa rằng sẽ hết lòng hộ pháp. Nếu Ngài cần chi, ông ta sẽ giúp đỡ. Việc này khiến Ngài được an tâm đôi phần. (còn tiếp)

Giáo huấn của các vị Tổ Tịnh Độ

ĐẠI SƯ TRIỆT NGỘ - Tổ Liên tông thứ mười hai - đời Thanh

1. **Một** là thật vì sanh tử mà phát tâm Bồ đề, đó là học đạo chơn chánh.

Hai là lấy tín nguyện thâm sâu, trì danh hiệu Phật làm chánh tông Tịnh độ.

Ba là lấy sự nhiếp tâm chuyên chú niệm làm phương tiện hạ thủ công phu.

Bốn là lấy việc chiết phục phiền não đang hiện hành làm sự tu tâm chính yếu.

Năm là lấy sự chuyên trì bốn luật nghi chính yếu làm chỗ căn bản nhập đạo.

Sáu là lấy các pháp khổ hạnh làm việc trợ duyên tu đạo.

Bảy là lấy sự nhất tâm bất loạn làm chỗ quay về của Tịnh độ.

Tám là lấy sự trông thấy các linh ảnh tốt đẹp làm chỗ nghiệm chứng vãng sanh.

Tám điều trên đây, người tu Tịnh nghiệp không thể không biết.

2. Một câu A di đà Phật là thuốc A già đà, không có bệnh nào mà không trị lành; là vua ngọc châu như ý, không có nguyện nào mà không được thỏa mãn; là thuyền Từ vượt qua biển khổ sanh tử, không có khổ nào mà không được độ thoát; là đèn trí tuệ soi sáng vô minh tăm tối, không có bóng tối nào mà không bị chiếu tan. Chỉ cần một lần nghe qua câu Phật hiệu là đã có duyên, chỉ cần một niệm tín tâm liền có thể tương ứng với Phật. Tín tâm chơn thật, lúc nào cũng nguyện mong được vãng sanh. Trong tâm thường trụ hai pháp tín - nguyện này, như trung thân phụng mạng mật chỉ của minh quân, như đứa con hiếu thảo vâng lời đáng cha lành, nhớ nghĩ không quên làm một việc vô cùng trọng yếu, thì cho dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, yên tĩnh hay náo nhiệt, thanh thoi hay bận rộn, niệm nhiều hay niệm ít, nói chung đều là chánh nhân vãng sanh. Chỉ sợ không nhiệt tâm thực hành mà thôi. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta mãi ở trong vòng sanh tử luân hồi, lẽ nào không phát tâm cầu xuất ly, tu hạnh hướng đạo! Vì chạy theo sự biếng nhác thoái hóa cho nên chúng ta mới ở mãi trong biển sanh tử, chịu vô lượng khổ não. Nay được nghe pháp môn trì danh giản yếu, nhưng nếu vẫn đi theo lối cũ bại hoại, không có tâm huyết chí khí thì sao có thể gọi là bậc Đại Sĩ đệ nhất được!

3. Niệm Phật nên sanh bốn loại tâm. Những gì là bốn?

Một là nên sanh tâm hổ thẹn, sám hối những nghiệp từ vô thủy đến nay mình đã tạo.

Hai là nên sanh tâm vui thích khi được nghe pháp môn này.

Ba là tự thương xót mình, vì nghiệp sâu dày nên không gặp được pháp môn này sớm.

Bốn là nên sanh tâm cảm kích lòng từ bi như thị của Phật.

Trong bốn loại tâm này, chỉ cần có một tâm thì cũng có thể thành tựu Tịnh nghiệp. Niệm Phật cần phải dài lâu liên tục, không được gián đoạn. Gián đoạn thì Tịnh nghiệp không thể thành tựu. Dài lâu phải nên vững mạnh, không được biếng nhác. Biếng nhác thì Tịnh nghiệp không thể thành. Dài lâu mà không vững mạnh tức là thoái đạo. Vững mạnh mà không dài lâu tức là không tiến bộ.

ĐẠI SƯ ÁN QUANG - Tổ Liên tông thứ mười ba - Dân Quốc

Sư thường dạy: Vì pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn Viên đốn đệ nhất, trên thành Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh của mười phương ba đời chư Phật, nên phải hết lòng tán thán hồng truyền.

Lại trong Tập hoài hạnh thư, sư viết: Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn cực khó mà cũng cực dễ. Nói nó khó chính là chỗ người đại triệt đại ngộ, thâm nhập kinh tạng còn không tin nổi. Nói nó dễ chính là chỗ kẻ tầm thường ngu dốt cũng thực hành được, nếu chí thành nỗ lực niệm thì khi lâm chung liền thấy các tướng tốt đẹp xuất hiện, có khả năng vãng sanh Tây phương. Đối với pháp môn này, người đại triệt đại ngộ, thông hiểu kinh luận sâu xa còn chối bỏ, không hướng tâm đến. Vì một bên chuyên nương vào tự lực, bỏ đi Phật lực. Còn một bên chuyên nương vào Phật lực, nhờ Phật lực để phát huy tự lực. Vì biết khế hợp ba pháp: Phật lực, pháp lực và lực sẵn có của tự tâm nên có khả năng siêu phàm nhập Thánh, liễu thoát sanh tử. Tối trọng yếu của pháp môn này chính là tín, hạnh, nguyện. Có tín, nguyện thì chắc chắn đó là người tu hành chơn chánh. Đã tu trì thì nhất định được vãng sanh.

Lại trong Ấn thí cực lạc viên tự đã tán thán sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ: Ôi, thật kì diệu! Giáo của pháp môn Tịnh độ chỉ thẳng tâm người, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Vậy mà còn không khoa trương sự thù thắng của nó.

Người niệm Phật, niệm niệm không gián đoạn, trải qua số kiếp, tu chứng cần phải phát huy tính cao siêu của nó. Pháp môn này phổ cập cho mọi căn cơ cao thấp, thu nhiếp tất cả các tông như Luật, Thiền, Giáo... Như khi trời mưa, tất cả vạn vật đều được thấm nhuần, như trăm sông cùng chảy ra đại dương. Pháp môn này cũng lại như vậy, trùm khắp hết thảy các pháp đốn, tiệm, không một pháp nào mà không lưu xuất từ pháp giới này. Tất cả các hạnh quyền thật của Đại, Tiểu thừa, không có một pháp nào mà không qui về pháp giới này. Không đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào hàng Bồ xú, tức ngay đời này viên mãn Bồ đề. Chín cõi chúng sanh lìa pháp môn này thì không thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì không thể lấy gì làm lợi ích cho quần sanh. Vì vậy, hải chúng của Hoa nghiêm hết lòng tuân theo vua mười đại nguyện. Một khi xưng niệm Pháp hoa thì liền chứng được thật tướng các pháp. Hạnh phương tiện tối thắng, ngài Mã Minh nêu bày trong Khởi tín. Đạo dễ hành và mau thành, Long Thọ diễn bày trong Tỳ bà sa. Bậc đại trí Long Thọ

được xem là hậu thân của đức Thích Ca, nói Thập nghi luận, mà ý chuyên hướng về Tây phương. Vĩnh Minh được xem là Di đà thị hiện, trước tác Tứ liệu giản, trọn đời niệm Phật. Hết thấy năm tánh, ba thừa đều chứng chơn thường. Trên thánh dưới phàm đều qua bờ giác. Nên được chín cõi quay về, mười phương chư Phật tán thán. Ngàn kinh đồng nêu bày, vạn luận đều tuyên dương.

CUỘC ĐỜI CỦA H.T TUYÊN HOÀ

Tiếp theo kỳ trước

52. Tâm bệnh kỳ lạ.

Văn Quả Mật là một bé trai duy nhất trong gia đình em, cũng là cháu đích tôn đời thứ Chín dòng họ Văn. Khác hẳn với những bạn đồng lứa, cấp sách đến trường, tung tăng chạy giỡn, tham gia các trận đánh cầu, đá bóng... mà riêng em phải ở trong nhà dưỡng bệnh suốt khoảng hai năm liền từ lúc lên mười ba tuổi; Vì theo lời bác sĩ bảo, tim em có thể ngừng đập bất cứ lúc nào nên rất nguy hiểm đến tánh mạng.

Một hôm em chợt phát hiện, người chị lớn hơn em bốn tuổi đã trốn nhà đi quy y theo Phật giáo, và còn mang về quyển sách Tiểu sử Thiên Sư Độ Luân. Việc này chị em đã bí mật giấu kín vì gia đình em vốn là tín đồ Cơ Đốc giáo. Đọc xong quyển sách trong lòng em cảm thấy rất kính phục vị Sư trong sách nên đã yêu cầu người chị dẫn em đi gặp vị Thầy mà chị đã quy y. Nhưng chị em cứ khước từ mãi và bảo: Phải leo cả ba trăm bậc thềm đá mới đến Chùa Tây Lạc Viên, lúc đó bệnh tim của em chắc tái phát, chị làm sao gánh nổi trách nhiệm này.

Từ ngày đó, em âm thầm đối trước ảnh Ngài trong quyển sách mà đánh lễ. Ba tháng sau, một hôm em đang lễ bái trong phòng thì thấy vị Sư trong bức ảnh bước ra xoa đầu em; vì thế em nhất quyết đến Tây Lạc Viên bái kiến vị Sư này. Cuối cùng, chị em đã cảm động bởi lòng thành của em nên đồng ý dắt em đi.

Lạ thay! Khi lên núi em không cảm thấy đau nhức ở tim chút nào, hơi thở vẫn bình thường, không có một triệu chứng gì về bệnh tim cả. Từ đó em thường lén nhà đến Chùa lễ Phật. Đến lần tái khám bác sĩ đã không ngờ được là bệnh tim

của em đã không còn trong thời kỳ tình trạng nguy hiểm nữa.

Dù em nghĩ học đã lâu nhưng nhờ bản tính thông minh nên khi trở lại trường thì em vẫn học vượt hẳn bạn bè. Em tốt nghiệp trung học lúc lên mười chín tuổi. Ngoài việc gắng sức học hành, em còn biết dụng công tu thiền và có thể nhập định bất cứ nơi đâu kể cả trong phòng vệ sinh.

Có lần tại Phật Giáo Giảng Đường, Ngài ngồi trên pháp tòa nhưng không thuyết một lời nào, mà chỉ có Quả Mật lên diễn giảng, lúc đó thính chúng kê đầu to nhỏ trong tâm tỏ ý không phục nghĩ: Chúng ta đến nghe Ngài thuyết pháp, chớ không phải đến đây để nghe thằng bé chưa đầy mười tuổi này lên đài nói bá láp (Quả Mật có dáng người nhỏ thấp.) Sau buổi giảng, Ngài đã dạy: Chúng ta thường chấp vào hình tướng bên ngoài, như vừa thấy không phải là Pháp Sư thuyết pháp, không luận người đó giảng pháp đúng hay không đúng, liền sanh tâm phân biệt lập tức. Thật ra những lời Quả Mật đã nói đều cũng là những gì tôi muốn nói, vì em đã y theo tâm tôi mà thuyết đó.

53. Trùng hưng cổ tự.

Hương cảng là một thuộc địa của Anh quốc, phần lớn dân cư theo đạo Cơ Đốc nên đạo tràng Phật giáo vắng lặng ít người. Trong thành phố chỉ có Chùa Phổ Đà ở Tuyên Loan và Chùa Bảo Liên ở Ngang Bình trên núi Đại Tự mà thôi. Vào năm 1953 do thời cuộc chánh trị ngày một rối loạn ở Đại Lục nên một số lớn Tăng sĩ phải lưu lạc sang Hương Cảng, vì không có nơi nương trú thích hợp nên kết quả là đạo nghiệp tu hành, thiền tập của họ trở thành chênh mặng, định lực bị chi phối, tán thất rất nhiều.

Khi chứng kiến cảnh trạng này, Ngài nhận thấy không thể trì hoãn việc kiến hưng Phật giáo, gây dựng Tùng lâm hầu giải quyết nạn thiếu cơ sở cho tu sĩ tu hành. Mặc dù Ngài nhiệt tâm hết lòng hộ trì Tam Bảo nhưng Ngài đã không đủ tài nguyên để giải quyết vấn đề to lớn này. Khi ấy Chùa Tây Lạc Viên ở trong khu náo nhiệt, diện tích lại nhỏ hẹp, nên không có dư phòng cho Tăng chúng từ các nơi khác đến trú.

Đến mùa Thu năm 1953, cư sĩ Đồng Quả Kỳ phát đại nguyện cúng dường chư Phật tòa biệt thự hai tầng tọa lạc tại Đại Tự Sơn, Vạn Trượng Bộc. Tòa biệt thự bằng gạch đá rất hợp cho việc kiến tu đạo tràng. Cơ duyên đến và trùng hợp thay là

bên trái của biệt thự này là Thiền viện Quốc Thanh đã bị bỏ phế từ lâu vì do quân Nhật đốt cháy trong thời kỳ Hương Cảng bị Nhật xâm chiếm, Hòa Thượng Trụ trì đã bị tử nạn trong cơn tai biến này. Thiền viện nay chỉ còn lại vài bức tường loang lổ, chung quanh chánh điện toàn là cỏ dại mọc um tùm trông thật tiêu điều hoang vắng. Tuy nhiên nơi đây rất tĩnh lặng vì được bao bọc bởi nhiều đồi núi nên thường vang tiếng quạ kêu, chim hót. Đường dẫn lên núi hiểm trở cheo leo vắng người qua lại, nên được yên ổn rất thuận lợi cho sự tu hành. Ngài vui mừng khôn xiết vì được khu đất thánh này. Sau khi thương lượng và được ban chấp hành của cựu thiền viện đồng ý việc phối hợp ngôi biệt thự và Thiền viện lại để tiến hành công trình trùng kiến khu Tu viện. Vì tài lực có hạn, nên Ngài chỉ bắt đầu sửa chữa tòa biệt thự, tạm thời làm ngôi chánh điện, sau này có một số người biết đó chính là viện cánh trái của Thiền viện Từ Hưng. (còn tiếp)

Câu chuyện CON RÁI CÁ

Có một vị hòa thượng trước khi xuất gia, chuyên săn bắt rái cá.

Một ngày nọ, ông vừa ra ngoài đã săn được một con rái cá.

Sau khi đã lột bộ da quý của nó, ông đặt con rái cá còn sống lên một bãi cỏ.

Buổi tối, ông quay về chỗ cũ, nhưng lại kiếm không được con rái cá.

Ông quan sát thật kỹ, phát hiện trong đám cỏ có dính một chút máu, vết máu dẫn đến một cái hang nhỏ gần đó.

Khi đến gần hang, ông ngỡ ngàng giật mình : Thì ra con rái cá chịu nổi đau hành xác mất da, chạy về hang của mình.

Tại sao lại phải làm như thế ?

Khi ông ta lột con rái cá đã tắt thở ra, mới phát hiện hai con rái cá con vẫn còn chưa mở mắt, chúng đang ngậm chặt xác chết khô của vú mẹ.

Nhìn cảnh tượng ấy, ông bàng hoàng và chột ngốt ra, từ trước đến giờ ông chưa hề nghĩ đến động vật lại có tình cảm mẹ con thiêng liêng đến thế, ngay cả con người khó có thể làm tốt được. Trước lúc chết vẫn còn nghĩ đến cho con thơ bú sữa, vì sợ con mình đói.

Nghĩ tới đó, nước mắt ông rơi, cảm thấy tội lỗi, xấu hổ cho hành động của mình.

Sau cùng, ông rửa tay hoàn thiện, quyết tâm xuất gia để chuộc lại những lỗi lầm của mình.

*** "Nếu có một ước nguyện, tôi xin ước nguyện

cho dân tộc tôi sớm chấm dứt được nghiệp sát hại và ăn thịt loài chó, cùng nghiệp sát sinh các loài vật khác."

HỌA PHÚC TƯƠNG SINH

Họa và phúc tương sinh với nhau và sự chuyển hóa này khó mà lường trước được. Họa là gốc của Phúc, Phúc là gốc của Họa. Họa – Phúc luân chuyển và tương sinh. Dưới đây là một vài câu chuyện nói về điều này. Có một vị quốc vương, khi ra ngoài đi săn không may bị đứt một ngón tay, mới hỏi vị đại thần thân cận nên làm thế nào? Đại thần nói với giọng lạc quan, nhẹ nhõm: “Đây là việc tốt!” Quốc vương nghe vậy giận lắm, trách ông hí hửng khi thấy người khác gặp nạn, vì thế ra lệnh nhốt ông vào đại lao.

Một năm sau, quốc vương lại ra ngoài đi săn, bị thổ dân bắt sống, trói vào đàn tể, chuẩn bị tể thần. Thầy phù thủy đột nhiên phát hiện quốc vương khuyết mất một ngón tay, cho rằng đây là vật tể không hoàn chỉnh, bèn thả quốc vương ra, thay vào đó viên đại thần tùy tùng làm vật hiến tế.

Trong niềm vui thoát nạn, quốc vương nghĩ tới viên đại thần vui vẻ từng nói rằng mất ngón tay là việc tốt, liền ra lệnh thả ông, và xin lỗi vì đã vô cớ bắt ông chịu nạn 1 năm trong ngục tối. Vị đại thần này vẫn lạc quan nói: “Cái họa 1 năm ngồi tù cũng là việc tốt, nếu như tôi không ngồi tù, thì thử nghĩ vị đại thần theo người đi săn mà bị lên đàn hiến tế kia sẽ là ai?”

Bởi vậy, việc tốt chưa chắc đã tốt hoàn toàn, việc xấu cũng chưa chắc đã hoàn toàn xấu. Đạo Phật dạy “vô thường”, mọi chuyện có thể thành tốt, mọi chuyện có thể nên xấu. Người bi quan mãi mãi nghĩ đến mình chỉ còn một triệu đồng mà buồn lo, người lạc quan vẫn cảm thấy hạnh phúc vì mình vẫn còn mười ngàn đồng.

Khi Tô Đông Pha bị giáng về đảo Hải Nam, sự cô tịch, hoang vu trên đảo so với thời kỳ đầu ông mới được thăng chức vùn vụt đúng là hai thế giới khác nhau một trời một vực. Nhưng sau đó, Tô Đông Pha nghĩ, giữa vũ trụ này, sống trên hòn đảo cô độc này thực ra không chỉ có một mình ông. Trái đất cũng là một hòn đảo cô độc giữa

biển cả, giống như con kiến giữa chấu nước, khi leo lên một phiến lá, đây cũng là một hòn đảo nhỏ. Vì thế, Tô Đông Pha cảm thấy chỉ cần biết hài lòng là có thể vui vẻ.

Ở trên đảo, mỗi lần ăn một món hải sản địa phương, Tô Đông Pha lại thấy mình thật may mắn vì đã được đến đảo Hải Nam này. Thậm chí, ông nghĩ nếu trong triều có vị đại thần nào đến đây sớm hơn ông, ông làm sao có thể được tự mình nếm những món ăn ngon lành như thế?

Họa là gốc của Phúc, Phúc là gốc của Họa. Họa – Phúc luân chuyển và tương sinh. Sự biến đổi ấy không thể nhìn thấy được, chỉ thấy cái kết quả của nó. Hai điều họa phúc cứ xoay vần với nhau, khó biết được, nên khi được Phúc thì không nên quá vui mừng mà quên đề phòng cái Họa sẽ đến; khi gặp điều Họa thì cũng không nên quá buồn rầu đau khổ mà tổn hại tinh thần. Việc đời, hết may tới rủi, hết rủi tới may, nên cần giữ sự thản nhiên trước những biến đổi thăng trầm trong cuộc sống.

Namo Buddhaya

70 tuổi và 10 tuổi

Haki từ khi 20 tuổi biết về Phật Pháp và ngày ngày hành trì pháp môn niệm Phật rất tinh tấn.

- Qua 10 năm công phu niệm Phật Haki đã gần đạt đến niệm Phật tam muội, nhất tâm đến vô niệm tự niệm.

Một hôm Haki gặp một Thiên đình trẻ, hai người cùng trao đổi Phật Pháp.

- Thiên sinh hỏi: Thiện hữu đang tu pháp môn gì?

- Haki đáp: Mạc nhân đang tu pháp môn niệm Phật.

- Thiên sinh liền nói: Nay thiện hữu pháp môn này không nhanh đắc thần thông bằng tham thiền. Ngay lúc ấy Thiên sinh thi triển một số thần thông biến hoá, Haki thấy rất thích liền bái Thiên sinh làm thầy và xin vị Thiên sinh chỉ dạy tham thiền.

Thế là Haki chuyển qua tham thiền miên mật, công phu hành thiền rất tiến triển, và có một số thần thông, rất lấy làm thích thú, rồi cũng qua đi 20 năm học thiền.

- Một hôm Haki đang hành thiền trong khu rừng, một vị học giả mật tông đi qua nhìn thấy.

- Học giả mật tông hỏi: Nay bạn ngồi đây làm gì thế?

- Haki đáp: tham thiền.
- Học giả mật tông hỏi: Bạn tham thiền được bao lâu rồi?
- Haki đáp: Đã 20 năm.
- Học giả mật tông liền nói: Nay Bạn việc tham thiền không nhanh có cảm ứng bằng trì Chú đầu, ngay lúc ấy vị học giả mật tông liền trì chú cho một cái cây đã chết khô gần đó, vừa trì xong cái cây lại xanh tươi tốt trở lại. Haki thấy thế rất lấy làm thú vị và bái vị học giả mật tông làm Thầy và xin truyền dạy cho thần chú.

Thế là từ đó Haki trì chú suốt 20 năm và ngày ngày đều thấy cũng có một số cảm ứng.

Một hôm Haki đang trì Chú thì nghe có mùi thơm lạ, và âm thanh rất vi diệu lan toả khắp nơi, khi ấy Haki nhìn lên bầu trời thì ở phía xa xa nơi một ngôi nhà có hào quang sáng chói rực rỡ, Haki tò mò liền đi đến đó xem sao, khi đến nơi Haki thấy một em bé độ 10 tuổi đang ngồi niệm Phật mà được vãng sanh, Thánh chúng vây quanh, chư Phật gia hộ, tiếp dẫn hào quang rực rỡ. Thật bất khả tư nghì.

Cũng nhờ Phật quang gia hộ ngay lập tức Haki nhận ra mình đã uổng phí hết thời gian 70 năm đi lòng vòng.

Chú Tiểu hay ăn cắp vật

Ở Chùa nọ, Hoà Thượng Trụ Trì có nhiều chú xuất gia lắm. Trong số đó có một chú Sa di tuổi còn nhỏ hay có tật ăn cắp. Hễ cái gì hở ra là chú lấy. Bị mất đồ riết, trong chùa ai cũng phàn nàn. Có lần bị bắt gắp quả tang, chú sám hối xin chừa. Nhưng mà rồi vẫn chứng nào tật ấy... Một lần, hai lần, ba lần rồi nhiều lần... chú không thể nào bỏ được thói xấu của mình. Chịu hết nổi, cả chùa (dĩ nhiên là trừ chú đó ra) đề đơn xin HT đuổi chú ấy ra khỏi chùa. HT bắt bỏ đơn đề nghị. Mọi người nói, nếu HT không đuổi, họ sẽ bỏ đi. HT bảo: "Các con đã được rèn luyện đầy đủ tư cách, hãy cứ ra đi. Để chú này ở lại đây với thầy, để thầy dạy. Chú chưa có tư cách, đuổi chú đi, chú sẽ bị người

Quý vị có thể đọc Báo Phật Pháp trên trang nhà: chuakimquang.com
Vào mục Phật pháp thì sẽ thấy.

ta hất hủi. Không nơi nương tựa, chú sẽ sa vào những nơi lầm lạc, lại càng trở thành người xấu hơn." Nói đến đây ai cũng cảm động tấm lòng từ bi của HT. Tất cả đều xin ở lại.

Qua câu chuyện này, nếu trong Chùa hay ở nhà, ở xã hội, nếu có Bạn nào chưa tốt, bị lầm lỗi Quý Vị cũng đừng vội mà hất hủi bạn ấy, hay đuổi Bạn ấy ra khỏi Chùa khỏi nhà khỏi xã hội. Hãy để cho Bạn ấy có cơ hội tới Chùa mà sửa đổi, và học điều hay. Nếu họ không tới Chùa, không học hỏi, họ sẽ đi vào những nơi sa đọa, vô tình mình đã làm cho người ta trở thành con người xấu hơn.

con lừa trong giếng nước

Một ngày nọ, con lừa của người nông dân bị rơi xuống một cái giếng sâu. Con vật khóc lóc thảm thiết trong nhiều giờ và người nông dân đang cố hình dung ra mình phải làm gì. Cuối cùng ông ấy quyết định: Con vật này đã già rồi, và cái giếng cũng cần lấp đầy. Chẳng đáng gì phải cứu nó cả.

Ông ấy mời những người hàng xóm của mình để giúp lấp giếng lại. Tất cả bọn họ chụp lấy xẻng và bắt đầu xúc đất đổ vào giếng. Con lừa nhận thấy chuyện gì đang xảy ra, rống ầm ĩ. Tiếp theo là sự ngạc nhiên của mọi người, nó yên lặng dần. Người nông dân ngạc nhiên bởi những gì mình nhìn thấy. Mỗi lần đất rơi xuống lưng con lừa thì nó đã tự rung mình để đất rớt xuống và bước lên đóng đất đó.

Những người nông dân còn lại vẫn tiếp tục xúc đất đổ vào giếng, còn lừa lại rung mình để đất rơi xuống và bước lên cao hơn. Mọi người nhanh chóng nhận ra rằng khi đóng đất cao dần lên thì con lừa đã có thể bước ra khỏi bờ giếng, nó đã thoát khỏi cái bẫy.

Cuộc sống sẽ đổ tất cả mọi loại chất bẩn lên bạn. Mẹo để vượt qua chuyện này là hãy rung mình cho những chất bẩn ấy rớt xuống và bước về phía trước. Mỗi rắc rối chúng ta gặp phải là một hòn đá lót đường cho ta đi tới thành công.

Đừng vội phán đoán hình dáng bên ngoài

Thuở xưa tại một ngôi chùa Trung Quốc, có một vị sư nổi tiếng về hạnh thanh bần, lem luốt...

Thầy không đủ điều kiện thân tướng trang nghiêm để thọ giới, vì thế mặc dù thầy ở chùa đã lâu, thầy vẫn giữ chức vụ của chú tiểu là làm các công việc ở nhà vệ sinh và trong bếp, ngoài vườn. Tất cả những công việc nặng nhọc dở dáy thầy đều phát nguyện phụ trách. Thầy làm tất cả mọi sự với tâm hoan hỷ, không phàn nàn, lúc nào nụ cười cũng nở trên môi.

Mặc dù y phục rách rưới dở dáy, nét mặt thầy luôn rạng rỡ. Có điều đáng phàn nàn nhất về thầy là mặc dù tuổi đã lớn, không còn bé bỏng gì, thế mà thầy luôn luôn để mũi chày thò lò như một cậu bé, không chịu lau chùi, không bao giờ rửa mặt. Cho nên tuy thầy rất dễ thương, cũng ít ai dám đến gần vì nhèm gớm. Mỗi khi các bạn đồng tu đề nghị:

- Xin chú làm phúc quét mũi dùm đi. Dở dáy lắm. Thầy chỉ cười hề hề:
- Em không có thời giờ quét mũi, sư huynh ạ!
Rồi bỏ đi một nước...

Một hôm nhân ngày lễ Vu Lan, nhà Vua thỉnh tất cả vị tăng trong chùa không chùa nào, vào cung để dự trai tăng. Nhà vua tha thiết yêu cầu vị hòa thượng đứng để vị nào ở lại chùa, vua sẽ cho người đến giữ chùa trong thời gian tăng chúng vào cung.

Sở dĩ nhà vua muốn như vậy là vì Ngài có dụng ý. Vua vốn là người mộ đạo tha thiết, cầu gặp Thánh tăng để khai thị cho mình yếu nghĩa bộ kinh Kim Cương. Do lòng chí thành, một hôm vua được thần nhân báo mộng trong ngôi chùa lớn ấy có một vị Thánh tăng, hãy thỉnh về cung thuyết pháp.

Tỉnh dậy, nhà vua hoang mang không biết Thánh tăng ấy là ai, trong ngôi chùa đông cả ngàn tăng chúng đó. Sau một hồi bàn luận với cận thần, vua được bày một mưu kế hay ho, và vội thực hành ngay kế ấy để tìm gặp Thánh tăng. Thế là vua cho sửa soạn một buổi trai tăng cúng dường toàn thể tăng chúng trong ngôi chùa nọ.

Về phần tăng chúng trong chùa, họ bàn nhau:

- Hôm nay vua thỉnh toàn thể chư tăng vào cung thọ trai không chùa một vị nào ở lại giữ chùa. Vậy cần nhắc nhở chú ấy chỉnh trang một tí, chứ không thì mắc tội với nhà vua.

Tăng chúng bằng lòng theo sự sắp đặt ấy và báo tin cho chú ở dở sửa soạn theo hầu chư tăng vào cung dự lễ. Họ không quên dặn chú làm phúc quét mũi dùm trước khi ra đi. Chú cười hề hề:

- Dạ được rồi, quý huynh đừng lo. Lần này em xin lau mặt mũi sạch sẽ để theo hầu quý sư huynh. Vua và đình thần đứng xếp thành hàng rào danh dự đón chư tăng đang đủ uy nghi từ từ bước qua cổng chính để vào cung. Mặt nhà vua hơi lộ vẻ thất vọng khi thấy gần hết chư tăng đều điềm nhiên bước qua cổng lớn. Khi người cuối cùng của cả hàng dài tăng chúng đắp y đã đi qua cửa cung, sắp có lệnh đóng cửa, thì một vị sư không đắp y, ăn mặc dở dáy ở đâu nhảy bổ tới, lộn nhào hai ba vòng để tránh dẫm chân lên ngưỡng cửa, vừa lồm bồm nói một mình:

- Chết chưa! Ai dám dẫm chân lên pháp bảo của đức Như Lai.

Vua và đình thần quỳ mọp xuống trước vị thánh tăng, dâng bộ y quý giá:

- Ngưỡng bạch Hòa thượng, đệ tử xin cung thỉnh người thăng pháp tòa, để chúng con được ân triêm pháp nhủ.

Thánh tăng từ tốn bước lên pháp tòa dành sẵn, giảng kinh Kim Cương như nước chảy hoa bay cho tất cả đại chúng và triều đình. Đến đoạn "Ly nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật", nhà vua hoát nhiên đại ngộ.

Sau thời thuyết pháp, nhà vua quỳ sám hối trước đại chúng. Vì lòng tha thiết cầu gặp Thánh tăng, nhà vua buộc lòng phạm đến pháp bảo bằng cách chôn một quyển kinh Kim Cương ngay lồi vào cung điện. Với kế đó nhà vua đã tìm ra vị thánh tăng trong hơn nghìn tăng chúng, ấy là vị có thần thông biết được chỗ chôn kinh và tránh dẫm lên pháp bảo bằng cách lộn nhào qua cửa ngo môn.

Trong đời thường cũng thế, bạn cần dành ít thời gian trước khi phán đoán về một người nào đó. Có thể họ chỉ là người bán vé số, người làm công phụ giúp bạn dọn dẹp nhà cửa, hay một bảo vệ công ty... nhưng hơn hết là tâm hồn của họ luôn trong sáng, sẵn sàng giúp đỡ bất kỳ ai mà không cần đền đáp, có thể là đó "tấm lòng vàng" rất đáng quý trong cuộc sống này đấy.

BIÊN ƯỚC MƠ THÀNH HIỆN THỰC

Ngày xưa có hai đứa trẻ đều có nhiều ước vọng rất đẹp đẽ.
"Làm sao có thể thực hiện được ước vọng"

Tranh luận hoài 2 đứa trẻ mang theo câu hỏi đến cụ già, mong tìm những lời chỉ bảo.

Cụ già cho mỗi đứa trẻ một hạt giống, và bảo:

- Đây chỉ là hạt giống bình thường, nhưng ai có thể bảo quản nó tốt thì người đó có thể tìm ra con đường thực hiện ước vọng!

Nói xong cụ già quay lại rồi đi khuất ngay.

Sau đó mấy năm, cụ già hỏi hai đứa trẻ về tình trạng bảo quản hạt giống.

Đứa trẻ thứ nhất mang ra một chiếc hộp được quấn bằng dây lụa nói:

- Cháu đặt hạt giống trong chiếc hộp, suốt ngày giữ nó.

Nói rồi nó lấy hạt giống ra cho cụ già xem, thấy rõ hạt giống nguyên vẹn như trước.

Đứa trẻ thứ hai mặt mũi xám nắng, hai bàn tay nổi chai. Nó chỉ ra cánh đồng mênh mông lúa vàng phần khởi nói:

- Cháu đem gieo hạt giống xuống đất, mỗi ngày lo tưới nước chăm sóc bón phân diệt cỏtới nay nó đã kết hạt mới đầy đồng.

Cụ già nghe xong mừng rỡ nói :

- Các cháu, ước vọng cũng như hạt giống đó. Chỉ biết khư khư giữ lấy nó thì chẳng có thể lớn lên được. Chỉ khi dùng mồ hôi, sức lực, tưới tắm vun trồng cho nó thì mới có thể biến thành hoa trái, mùa màng bội thu thôi!

Mỗi chúng ta ai cũng có hạt giống, bạn gieo hạt bình an thì bạn sẽ gặt quả hạnh phúc, bạn gieo một nụ cười thì bạn nhận lại nhiều nụ cười, và bạn đầu tư công sức lao động đúng đắn, bạn sẽ hưởng kết quả tốt đẹp.

Tu cái miệng là tu hơn nửa đời người

Chúng ta muốn tu hành được tinh tấn và thành tựu thì phải tránh những chuyện thị phi, vì thị phi mất rất nhiều thời gian một cách vô ích, mà lại gây tạo rất nhiều nghiệp khổ, oan trái.

Nghiệp là hành động tạo tác nhiều lần có chủ ý, của Thân, Miệng và Ý, nguyên nhân đưa tới quả báo, cả hai “nghiệp” và “quả báo” tạo thành” luật nhân quả”, tuần hoàn không dứt, đưa con người luân hồi khắp sáu cõi. Nếu gieo nghiệp thiện thì sẽ sanh ở cõi Trời, Người, Atula, còn nếu tạo nghiệp ác thì sẽ bị đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Trong đó phần Miệng là gieo tạo nghiệp nhiều nhất. Nhưng đối với đạo Phật Tu là chuyển được nghiệp.

Cổ kinh vân:

“Phù sĩ xử thế, phủ tại khẩu trung,
Sở dĩ trạm thân, do kỳ ác ngôn”.

Nghĩa là, xét người ở đời, búa để trong miệng, sở dĩ giết người, do lời nói ác. Cổ nhân cũng có dạy: “Bệnh từ cái miệng do ăn uống mà đem vào, họa cũng từ cái miệng do nói chuyện thị phi mà tạo ra. Phật dạy trong mười (10) cái nghiệp của con người thì trong đó cái miệng đã chiếm bốn (4) gần một nửa:

(1/ chuyện không nói có, chuyện có nói không, 2/ nói lời hung ác, 3/ nói lời dối chiêu, 4/ nói lời thêu dệt. Nhưng trong cuộc sống hằng ngày ngoài bốn điều trên, cái miệng còn tạo thêm nhiều nghiệp nữa như: 5/ ăn uống cầu kỳ, 6/ phê bình, khen chê, 7/ rêu rao lỗi của mọi người, (tứ chúng) toàn là những điều tổn phước và tội phải đọa vào địa ngục, cũng như làm rách lòng, gây mâu thuẫn, hận thù giết hại lẫn nhau mà thôi. Do vậy kinh cũng dạy, trong sinh hoạt hằng ngày có 4 hạng người chúng ta nên tránh: 1/ Hay nói lời kẻ khác, 2/ hay nói chuyện mê tín, tà kiến, 3/ miệng tốt, bụng xấu (khẩu Phật, tâm xà), 4/ làm ít kẻ nhiều. Từ cái miệng mà ta có thể biết tâm ý và đánh giá được người khác, để có cách ứng xử thích nghi.

Của cải dù to lớn như núi, nhưng cái miệng ăn lâu ngày cũng hết. Phước đức dù cực khổ gieo tạo nhiều đời, nhưng do cái miệng tạo nghiệp, phê bình, chỉ trích, nói lời ác... thì trong giây phút cũng có thể tiêu tan. Làm ơn hay bị mắc oán, cũng do cái miệng nầy hay kể công, mắng nhiếc, nói sỉ nhục người. “Thần khẩu nó hại xác phàm, Người nào nói quá họa làm khổ thân. Lỡ chân

gượng được đỡ lên. Lỡ miệng gây họa phải đền trả thôi” Cái miệng này rất tai hại, ăn uống thì cầu kỳ muốn nuốt vào những món ngon vật lạ cho khoái khẩu, vừa hao tổn tiền của, vừa đem bệnh vào thân, vì động thực vật bây giờ sản xuất chạy theo lợi nhuận nên sử dụng hóa chất rất nhiều, nếu không biết kiêng cử thì bệnh nan y mang vào thân, để tự làm khổ mình và làm khổ bao người, phải lo chạy chữa, là chuyện đương nhiên.

Người xưa cũng có dạy: “Khẩu khai thần khí tán. Thiệt động thị phi sanh” tức là mở miệng nhiều lời sẽ hao tổn thần khí, lưỡi động thường nói chuyện phải trái, hơn thua, đẹp xấu, khen chê...đề rồi phải tranh đấu, mạ lị lẫn nhau khiến sanh ra lắm chuyện thương tâm.

Đây là chỉ nói sơ qua những điều tai hại thường xảy ra hằng ngày của cái miệng, còn lại suốt trong một đời người, do thoả thích cho cái miệng mà chúng ta đã tạo không biết bao tội lỗi. Do vậy mà Tây phương cũng có dạy:” trước khi nói phải uống lưỡi bảy lần” là vậy.

Cũng có kệ rằng:

“Trăm năm vật đổi sao dời.
Một câu quý giá muôn đời con ghi.
Mở lời trước phải xét suy.
Rằng ta cất tiếng ích chi chẳng là”.

Lại có thơ:

“Lời nói đôi trắng thay đen,
Thiên đàng, địa ngục bon chen lồi vào?
Trục ngôn tâm chẳng lao xao.
Giữ tâm thiên định biết bao an lành”

Cái miệng cũng có nhiều cái lợi: dùng để ăn uống tốt, nuôi dưỡng cơ thể, dùng để nói năng giao tiếp trong hằng ngày, tạo mối thâm tình, giao hảo hài hòa, thông hiểu lẫn nhau, dùng để thuyết giảng, tụng niệm, dạy học, truyền kiến thức và những điều lợi ích đến được nhiều người.

Đọc câu chuyện trong quốc văn giáo khoa thư sau đây sẽ thấy được sự lợi hại về cái miệng, lưỡi: “Một hôm ông phú hộ ra lệnh cho người làm giết heo và chọn phần quý nhất của con heo làm cho ông một món ăn. Người làm vâng lời và sau đó dâng cho ông một món ăn mà phần quý nhất là cái lưỡi heo. Ông phú hộ hỏi tại sao thì người làm trả lời rằng cái lưỡi là bộ phận quý nhất, vì nhờ cái lưỡi mà con người có thể diễn đạt những tình cảm chân thành, những ý tưởng cao siêu, ích nước lợi dân và có ích cho nhân loại.

Ít lâu sau, ông phú hộ lại ra lệnh cho người làm giết heo và chọn một bộ phận xấu xa nhất làm cho ông một món ăn. Người làm vâng lời và sau đó dâng cho ông phú hộ một đĩa đồ ăn mà bộ phận xấu xa nhất lại cũng là cái lưỡi heo. Ông phú hộ hỏi tại sao, người làm bèn trả lời rằng vì cái lưỡi có thể nói lên những lời nói xấu xa nhất, tàn ác nhất, làm tan nát gia đình xã hội và có thể khuynh đảo nước nhà ngay cả làm hại cho nhân loại. Ông phú hộ vô cùng ngạc nhiên khen sự thông minh của người làm”. Thật là cái lưỡi không xương nhiều đường lác léo. Người xưa cũng có nói “nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ tán bang” nghĩa là một lời nói có thể xây dựng nước nhà, mà cũng có thể làm tan nát nước nhà.

Lược sơ qua những điều lợi hại, thì chúng ta đã thấy cái miệng, lưỡi của người thế gian điều hại sẽ nhiều hơn điều lợi rồi, Tạo hóa sinh ra con người có hai lỗ tai, nhưng chỉ có một cái miệng, cho nên phải nghe nhiều hơn nói, mới đúng với tự nhiên, được thân người là khó, có đầy đủ lục căn và miệng lưỡi trọn vẹn là phước đức quá rồi, hãy nhân vốn phước báu này mà gieo trồng thêm phước đức ra nữa, thì mới là người khôn, bởi vậy phải lo Tu cái miệng là điều cần thiết nhất và xem như Tu hơn nửa đời người rồi.

HT Thích Thiện Hoà dạy:

“Người khôn nói ít nghe nhiều,
Lựa lời đối đáp, lựa điều hỏi han,
Trước người hiểu rõ khôn ngoan.
Nhường trên một bước rộng đường dễ đi.
Việc người chớ nói làm chi.
Chuyện mình mình biết, vậy thì mới khôn”

Người đời cũng có câu:

“Chim khôn hát tiếng rảnh rang.
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.
Nghe rồi tỏ ngộ Bồ đề.
Khuyên người niệm Phật đồng về Tây phương”.

TT Chân Tín cũng có thơ:

“Bớt đi lời nói thị phi,
Bớt đi tội lỗi sân si đau buồn
Thêm câu niệm Phật nhiều hơn.
Phước điền thêm lớn tâm hồn thêm vui”.

Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh có dạy:

“Ít nói một câu chuyện,
Niệm nhiều một câu Phật,
Đánh chết được vọng niệm,
Pháp thân ta hiện tiền”.

Trong kinh Pháp cú Phật có dạy:

“Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
tốt hơn một câu nghĩa,
nghe xong được tịnh lạc”.

Hay:

“Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí,
An ổn không oán sợ,
Thật đáng gọi bậc trí”

“Không phải vì nói nhiều
Là thọ trì chánh pháp
Người nghe ít diệu pháp
Nhưng trực nhận viên dung
Chánh pháp không buông lung
Là thọ trì Phật Pháp”.

Phật cũng có dạy: “Làm tinh như chánh pháp, nói năng như chánh pháp” là như vậy. Là Phật tử, một lời nói ra phải giúp cho nhiều người thông hiểu, an lạc, lợi ích, thì chúng ta không tiếc lời, phước đức cũng rất vô biên, nhưng rất phải cẩn ngôn, cẩn ngữ khi phải nói ra những lời khiến người khác phải khổ đau, thiệt hại, thì chúng ta sẽ phải gặt hái những điều tương ứng. Tạo Phước đức cả một đời, nhưng chỉ cần một lời ác khẩu nói ra là tiêu tan trong giây phút. “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Nhất là chúng ta muốn tu hành được tinh tấn và thành tựu thì phải tránh những chuyện thị phi, vì thị phi mất rất nhiều thời gian một cách vô ích, mà lại gây tạo rất nhiều nghiệp khẩu, oan trái.

Có bài thơ rất hay:

“Lời qua tiếng lại - giải quyết chi đâu ?
Sao không dừng lại - kéo hồ thêm sâu.

Lời qua tiếng lại - đưa ta đến đâu ?
Sao không thở nhẹ - mỉm cười nhìn nhau.

Lời qua tiếng lại - đưa ta đến đâu ?
Sao không dừng lại - thở nhẹ và sâu”.

Xin luôn nhớ cho rằng:

“Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”.

“Ai ơi ! ít nói là vàng
Nói nhiều tội lỗi trái ngang cũng nhiều
Chi bằng ít nói bao nhiêu
Khởi điều phiền não, khởi điều thị phi.
Hằng ngày tam nghiệp vô vi
Không tranh nhân quả có gì đảo điên

Không nghiệp chướng chẳng lụy phiền
Vô ưu, vô não nương thuyền tiêu dao.

Lợi hại như vậy đây, nên mỗi chúng hãy mau lo tu cái miệng vậy.

Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta thường đối đãi với nhau, cái miệng phải luôn mỉm cười, nhay lời xin lỗi và trọng lời cảm ơn. Phải tương kính, dùng ái ngữ, không tiếc lời khen, tán dương, ca tụng, truyền rao những người tốt, việc tốt, những điều hay, lẽ phải, để nhân những điển hình tốt đẹp ra thêm làm tô thắm cuộc đời, nhưng rất dè dặt tiếng chê, nên ăn chay để bảo vệ môi trường và cứu tinh cầu, không nói dối, mà phải nói những lời chân thật, không dối gạt, ta sẽ nhận được nhiều uy thế, tiếng tăm. Không nói lời thù ghét, mà nói những lời trung thực, sẽ được nhiều người kính mến. Không nói lời đâm thọc, mà nói lời hoà hợp sẽ được nhiều người ủng hộ. Không nói lời thô ác, mà nói toàn những lời hòa nhã, thương yêu, sẽ có cuộc sống cao sang. Đây là những pháp tu cho cái miệng, rất hay, rất bổ ích, chúng ta cần thực hiện theo, để gặt hái được nhiều phước đức, lúc đó cuộc đời, gia đình và xã hội, trong hiện tại được thanh bình, an đẹp và tương lai sẽ sanh vào nơi an lạc, thật hạnh phúc nào bằng.

Nghiệp miệng chuyên tạo điều lành
Sống thời an lạc, tái sanh cõi hiền
Viên thành, những ngày tịnh dưỡng

Thơ về NGHIỆP KHẨU

Kinh dạy cái miệng tội lỗi vô cùng
Nghiệp khẩu có bốn, nói chung rất nhiều
Lời thời hung ác, lưỡi lại đôi chiều
Chuyện không nói có, có thời nói không
Nhiều lời thù ghét, lắm chuyện viển vông
Đâm bị thóc nọ, thọc bị gạo kia
Khiến cho bao kẻ chịu cảnh chia li
Nát tan nhà cửa gia đình thảm thương
Lại thêm rao lổn tứ chúng bốn phương
Trước mặt khen nịnh sau lưng chê cười
Thương thay người lại biến thành đười ươi
Để cho đánh mất tình người trong ta
Cái miệng ăn uống rất đổi xa hoa
Giết bao loài vật để mà nuôi thân
Nhậu nhẹt say khướt như kẻ ngu đần
Thân mình phá hoại bệnh tình phải mang
Ung thư đột quỵ bệnh gút rõ ràng
Nhà hàng ăn uống cầu kỳ nhẫn tâm
Quan diêm hưởng thụ tạo mọi lỗi lầm
Cũng từ cái miệng ăn càng nói xiên

Hoạ tai lại đến lăm chuyện nã phiền
Lỡ lời một tiếng hận thù ngàn năm
Lòng ta trong sáng tựa ánh trăng rằm
Chiếu soi nhân thế tỏ đường quy y
Khiêm cung đối đãi tôn trọng lễ nghi
Nhạy lời xin lỗi trọng lời cảm ơn
Nhân văn đẹp tuyệt còn có nào hơn
Tán dương ca tụng trọng người hơn ta
Miệng cười tươi đẹp thanh thoát như hoa
Thành người cao quý trên đời tôn vinh
Khẩu nghiệp không tốt nay biến thành xinh
Ăn sạch nói đẹp thanh bình hoan ca.

Hạnh Trung

Lời Phật dạy về đạo làm người

Kinh Thiện Sanh, là bản kinh căn bản dạy cho ta biết cách giữ gìn các mối quan hệ đó một cách tốt đẹp, ở đó ta thấy được các quan hệ được Phật dạy đều theo hai chiều rất tinh tế, như đời: “đường hai ngõ xuống lên”.

Bây giờ, đã đến lúc đức Thế Tôn khoác y – bát lên đường vào thành khát thực, trên đường đi, đức Thế Tôn thấy một chàng thanh niên đang lễ bái, là người con có hiếu nên nghe theo lời dạy của cha trước khi mất, cứ mỗi sáng, sau khi tắm gội xong anh ta ra đường thực hành việc lễ bái sáu phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới. Cuộc gặp gỡ là duyên khởi cho bản Kinh Thiện Sanh ra đời.

Đây là một bản kinh nguyên thủy, ngắn gọn, ghi lại lời Phật dạy cách đối nhân xử thế, cách thực thi các bổn phận và trách nhiệm của người Phật tử đối với bản thân, gia đình và xã hội, rộng hơn là Phật dạy cách kiến tạo một xã hội hài hòa, một cuộc sống đầy an lành và hạnh phúc.

Trong tạng A-hàm, theo bản dịch Việt từ Hán mới nhất của Thượng tọa Tuệ Sỹ thì Kinh Thiện Sanh thuộc No.16, Phần II, Trường A-hàm. Trong tạng Nikaya, theo bản dịch Việt từ Pali của Hòa Thượng Thích Minh Châu, tương đương kinh Thiện Sanh là Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt (Sigalovada sutta) thuộc No.31, Trường Bộ Kinh. Bài viết chủ yếu trích từ ấn bản điện tử từ trang nhà Phatviet.com của TT.Tuệ Sỹ, tất cả các đoạn trích đều được đóng mở “.”, phần lễ bái sáu phương, hầu hết lấy nguyên văn trong kinh.

Tránh bốn việc ác và sáu việc làm hao tổn tài sản

Khi Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, dẫn đầu đoàn khát thực với đại chúng hai ngàn năm trăm vị Tỳ-

Kheo đi vào thành, đức Thế Tôn thấy một gia chủ từ tên Thiện Sanh đang lễ sáu phương, Ngài hỏi:

- “Vì sao, người vào buổi sáng sớm ra khỏi thành, đi đến khu công viên, với cả người còn ướt đầm, mà người lại lạy các phương như thế?”

- Thiện Sinh bạch Phật: “Khi cha con sắp chết có dặn: “Nếu con muốn lạy, trước hết hãy lạy các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới”. Con vâng lời cha dạy không dám chống trái.”

- Phật bảo Thiện Sanh: “Này con trai trưởng giả! Quả có cái tên các phương đó chứ không phải không. Nhưng trong pháp Hiền Thánh của ta chẳng phải lễ sáu phương như thế là cung kính đâu.”

- Thiện Sinh thưa: “Cúi xin đức Thế Tôn thương dạy cho con cách lễ sáu phương theo pháp Hiền Thánh.”

- Phật bảo Thiện Sinh: “Nếu trưởng giả, hay con trưởng giả nào biết tránh bốn nghiệp kết không làm ác theo bốn trường hợp và biết rõ sáu nghiệp hao tổn tài sản. Như thế, này Thiện Sinh, nếu trưởng giả, hay con trai trưởng giả nào tránh được bốn việc ác là lễ kính sáu phương”

Bốn nghiệp kết mà Phật dạy: Sát sinh, trộm cắp, dâm dật, vọng ngữ, đây là bốn điều xấu ác mà bất cứ ai cũng nên tránh, hàng ngày đọc báo chúng ta vẫn thường thấy nhan nhản các tội phạm phạm bốn điều trên: giết người, cướp của... gây cho xã hội những bất an thường nhật. Rõ thấy, những điều mà Phật dạy chẳng có gì khác ngoài những chuyện thực thường ngày ở thế gian.

Bốn trường hợp ác: Tham dục, sân hận, sợ hãi, ngu si. Về tham dục, không phải cứ tham dục là điều xấu, mà tham dục cần phân biệt có hai loại, loại tham dục phục vụ ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) khiến cho tâm trí mê mờ, dẫn đến những vọng tưởng điên đảo, sân hận, sợ hãi và ngu si... loại tham dục này thì cần phải loại bỏ. Loại tham dục thứ hai phục vụ cho chánh kiến, chánh tư duy, chánh nghiệp... cho sự học hành, phát triển nhân cách, tinh thông trí tuệ, nâng cao dân trí, sự phồn thịnh xã hội, sự bình an, sự hạnh phúc..thì cần thực hành và phát huy.

Sáu nghiệp hao tổn tài sản cần tránh:

1. Đam mê rượu chè.
2. Cờ bạc.
3. Phóng đãng.
4. Đam mê kỹ nhạc.
5. Kết bạn người ác.

6. Biếng lười.

- Phật bảo Thiện Sinh: “Này Thiện Sinh, nếu trưởng giả, hay con trai trưởng giả, biết rõ bốn kết hành không làm ác theo bốn trường hợp, lại biết sáu nghiệp tổn tài ấy là, này Thiện Sinh, tránh được bốn trường hợp, cúng dường sáu phương, thì đời này tốt đẹp, đời sau tốt đẹp; đời này căn cơ và đời sau căn cơ; trong hiện tại được người trí ngợi khen, được quả báo bậc nhất; sau khi chết được sanh lên trời, cõi thiện”.

Như vậy, Phật dạy người nào tránh được bốn nghiệp kết, bốn việc ác, sáu nghiệp hao tổn tài sản, thì không những đời này đẹp và cả đời sau cũng được hưởng những quả tốt đẹp, đời này có duyên lành và đời sau cũng có duyên lành, trong hiện tại được người ngợi khen, xã hội ngợi khen, gia đình ngợi khen và trên hết phương ấy được an ổn, xã hội ấy được tốt đẹp, không lo sợ...

“Người nào không làm ác,
Do tham, hận, sợ, si,
Thì danh dự càng thêm,
Như trăng hướng về rằm”.

Bốn hạng kẻ thù và bốn hạng người đáng thân

Trong Trung Hoa Kim Cổ Kỳ Nhân có thuật lại tình bạn giữa Bá Nha – Tử Kỳ, một tình bạn đẹp lưu danh muôn thuở. Bá Nha là một vị quan làm đến chức Thượng đại phu, còn Tử kỳ chỉ là một chàng nông dân kém Bá Nha chục tuổi. Nhưng chỉ mỗi Bá Nha hiểu được tiếng đàn của Tử Kỳ, từ đó hai người trở thành tri kỷ, khi nghe tin Tử Kỳ chẳng may qua đời, Bá Nha đã cầm đàn đập mạnh vào tảng đá, cây đàn vỡ tan, sau đó đọc bốn câu thơ:

“Dao cầm đập nát đau lòng phượng,
Đã vắng Tử Kỳ đàn với ai?
Gió xuân bốn mặt, bao bè bạn.
Muốn tìm tri âm, thật khó thay!”

Trong cuộc sống ai cũng cần có bạn, tình bạn kiểu Bá Nha – Tử Kỳ thuộc dạng xưa nay hiếm, nhưng cũng cần phải lựa bạn tốt mà chơi, vì nếu “giao du với bạn xấu có sáu lỗi:

1. tìm cách lừa dối.
2. Ưa chỗ thâm kín.
3. Dụ dỗ vợ người.
4. Mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người.
5. Xoay tài lợi về mình.
6. Ưa phan phui lỗi người”.

Đó là sáu tai hại về bạn xấu. Nếu chúng ta làm bạn với kẻ ác mãi thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu

tán”.

- Phật bảo Thiện Sanh: “Có bốn hạng kẻ thù mà như người thân, người nên biết. Bốn kẻ ấy là những ai?

1. Hạng úy phục.
2. Hạng mỹ ngôn.
3. Hạng kính thuận.
4. Hạng ác hữu.

1). “Hạng úy phục thì thường hay làm bốn việc:
A. cho trước đoạt lại sau.
B. Cho ít mong trả nhiều.
C. Vì sợ gượng làm thân.
D. Vì lợi gượng làm thân.

2). “Hạng mỹ ngôn thì thường hay làm bốn việc:
A. Lành dữ đều chiều theo
B. Gặp hoạn nạn thì xa lánh.
C. Ngăn cản những điều hay.
D. Thấy gặp nguy tìm cách đùn đẩy.

3). “Hạng kính thuận thì thường làm bốn việc:
A. Việc trước đối trá.
B. Việc sau đối trá.
C. Việc hiện đối trá.
D. Thấy có một chút lỗi nhỏ đã vội trách phạt”.

4). “Hạng bạn ác thì thường làm bốn việc:
A. Bạn lúc uống rượu.
B. Bạn lúc đánh bạc.
C. Bạn lúc dâm dật.
D. Bạn lúc ca vũ.”

“Có bốn hạng người thân đáng thân vì thường đem lại lợi ích và che chở. Những gì là bốn?

1. Ngăn làm việc quấy.
2. Thương yêu.
3. Giúp đỡ.
4. Đồng sự.

Đó là bốn hạng người thân đáng thân cận”.

1). Này Thiện Sinh, hạng ngăn quấy thì thường làm bốn việc đem lại nhiều lợi ích và hay che chở:

- a. Thấy người làm ác thì hay ngăn cản
- b. Chỉ bày điều chánh trực
- c. Có lòng thương tưởng
- d. Chỉ đường sinh Thiên.

Đó là bốn trường hợp ngăn cản việc quấy, đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

2). Hạng thương yêu thì thường làm bốn việc:

- a. Mừng khi mình được lợi
- b. Lo khi mình gặp hại

c. Ngợi khen đức tốt mình
d. Thấy mình nói ác thì tìm cách ngăn cản.
Đó là bốn điều thương yêu đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

3). Hạng giúp đỡ có bốn việc. Những gì là bốn? Đó là:

- Che chở mình khỏi buông lung
- Che chở mình khỏi hao tài vì buông lung
- Che chở mình khỏi sợ hãi
- Khuyên bảo mình trong chỗ vắng người.

4) Hạng đồng sự thì thường làm bốn việc:

- Không tiếc thân mạng với bạn.
- Không tiếc của cải với bạn
- Cứu giúp bạn khỏi sợ hãi.
- Khuyên bảo bạn lúc ở chỗ vắng người.”

Lễ bái sáu phương hay cách thức xây dựng một xã hội hạnh phúc

Sáu phương là gì, tại sao phải lễ bái sáu phương như chàng Thiện Sanh đã làm, anh ta làm vì nghe lời cha mà không hiểu ý nghĩa của việc lễ bái đó. Phật dạy: “Sáu phương là gì? Phương Đông là cha mẹ, phương Nam là sư trưởng, phương Tây là thê thiếp, phương Bắc là bạn bè thân thích, phương trên là các bậc trưởng thượng, Sa-môn, Bà-la-môn, phương dưới là tôi tớ”. Bài dạy lễ sáu phương là cách mà Phật dạy đạo làm người.

Đạo hiếu làm con, phận làm cha mẹ.

Kẻ làm con phải kính thuận cha mẹ với năm điều:

- Cung phụng không để thiếu thốn.
- Muôn làm gì thưa cha mẹ biết.
- Không trái điều cha mẹ làm.
- Không trái điều cha mẹ dạy.
- Không cản chánh nghiệp mà cha mẹ làm.

Kẻ làm cha mẹ phải lấy năm điều này chăm sóc con cái:

- Ngăn con đừng để làm ác.
- Chỉ bày những điều ngay lành.
- Thương yêu đến tận xương tủy.
- Chọn nơi hôn phối tốt đẹp.
- Tùy thời cung cấp đồ cần dùng.

Này Thiện Sinh, kẻ làm con kính thuận và cung phụng cha mẹ, cha mẹ thương con, bảo bọc cho con như thế, thì gia đình ấy được hạnh phúc, xã hội bình an, phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

Đạo nghĩa thầy trò

Đệ tử cung phụng sư trưởng có năm điều:

- Hầu hạ cung cấp điều cần.
- Kính lễ cúng dường.
- Tôn trọng quý mến.
- Thầy có dạy bảo điều gì không trái nghịch.
- Thầy có dạy bảo điều gì nhớ kỹ không quên. Kẻ làm đệ tử cần phải thờ kính sư trưởng với năm điều ấy.

Thầy cũng có năm điều để săn sóc đệ tử:

- Tùy thuận pháp mà huấn luyện.
- Dạy những điều chưa biết.
- Giải nghĩa rành rõ những điều trò hỏi.
- Chỉ cho những bạn lành.
- Dạy hết những điều mình biết không lẫn tiếc.

Nếu đệ tử kính thuận, cung kính nghe lời sư trưởng, thầy thì thương trò, chỉ bảo dạy dỗ tận tình cho học trò, thì nền giáo dục xã hội ấy phát triển, phương ấy vững bền, an ổn không có điều lo sợ.

Đạo nghĩa vợ chồng

Chồng phải có năm điều đối với vợ:

- Lấy lễ đối đãi nhau.
- Oai nghiêm không nghiệt.
- Tùy thời cung cấp y, thực.
- Tùy thời cho trang sức.
- Phó thác việc nhà.

Vợ cũng phải lấy năm việc cung kính đối với chồng:

- Dậy trước.
- Ngồi sau.
- Nói lời hòa nhã.
- Kính nhường tùy thuận.
- Đón trước ý chồng.

“Chồng đối với vợ thương yêu, tôn trọng, vợ đối với chồng cung kính đối đãi nhau, như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ”.

Quan hệ bạn bè, tình làng nghĩa xóm

Người ta phải lấy năm điều thân kính đối với bà con:

- Chu cấp.
- Nói lời hiền hòa.
- Giúp ích.
- Đồng lợi.
- Không khi dối.

Bà con cũng phải lấy năm điều đối lại:

- Che chở cho mình khỏi buông lung.

2. Che chở cho mình khỏi hao tài vì buông lung.
3. Che chở khỏi sự sợ hãi.
4. Khuyên răn nhau lúc ở chỗ vắng người.
5. Thường ngợi khen nhau.

“Tình người, tình làng nghĩa xóm, biết thân kính bà con như vậy thì phương ấy được yên ổn không điều chi lo sợ”.

Quan hệ chủ tớ, trên dưới

Này Thiện Sinh, chủ đối với tớ có năm điều để sai bảo:

1. Tùy khả năng mà sai sử.
2. Tùy thời cho ăn uống.
3. Phải thời thường công lao.
4. Thuốc thang khi bệnh.
5. Cho có thời giờ nghỉ ngơi.

Tôi tớ phải lấy năm điều phụng sự chủ:

1. Dậy sớm.
2. Làm việc chu đáo.
3. Không gian cấp.
4. Làm việc có lớp lang.
5. Bảo tồn danh giá chủ.

“Này Thiện Sinh, nếu chủ đối với tớ được như vậy thì phương ấy được an ổn không điều chi lo sợ”.

Quan hệ giữa đàn việt với Sa-môn

Kẻ đàn việt cung phụng hàng Sa-môn với năm điều:

1. Thân hành từ.
2. Khâu hành từ.
3. Ý hành từ.
4. Tùy thời cúng thí.
5. Không đóng cửa khước từ.

Sa-môn, Bà-la-môn cũng khuyên dạy theo sáu điều:

1. Ngăn ngừa chớ để làm ác.
2. Chỉ dạy điều lành.
3. Khuyên dạy với thiện tâm.
4. Cho nghe những điều chưa nghe.
5. Những gì đã được nghe làm cho hiểu rõ.
6. Chỉ vẽ con đường sanh Thiên.

“Này Thiện Sinh, nếu đàn việt kính phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ”.

- Bấy giờ Thiện Sinh bạch Phật: “Lành thay, bạch Thế Tôn! Thật quá chỗ mong ước của con xưa nay, vượt xa những lời dạy của cha con. Như lật ngửa những gì bị úp xuống; như mở ra những gì

bị đóng kín; như người mê được tỏ, đang ở trong nhà tối được gặp đèn, có mắt liền thấy. Những gì được Như Lai thuyết giảng cũng như thế; bằng vô số phương tiện khai ngộ cho kẻ ngu tối; làm rõ pháp thanh bạch. Phật là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, do đó có thể chỉ bày, hướng dẫn cho đời. Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi xin đức Thế Tôn chấp thuận cho con được làm ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.”

Đọc toàn bộ nội dung kinh, một bản kinh ngắn, súc tích, ngôn ngữ Phật dùng rất rõ ràng mà bất cứ ai đọc cũng có thể nắm bắt, lời dạy như luồng sáng mở ra những gì bị đóng kín; như người mê được tỏ, đang ở trong nhà tối được gặp đèn, có mắt liền thấy, rất thiết thực, căn bản, rất cần cho chúng ta trong ứng xử với các mối quan hệ thường ngày trong cuộc sống.

Các pháp đều nương với nhau mà tồn tại, cũng vậy, mỗi người trong cuộc sống cũng đều phải có nghĩa vụ và trách nhiệm về một điều gì đó với một ai đó, mỗi một ai đó sẽ là phần còn lại về nghĩa vụ và trách nhiệm của người nào đó, suy ra sẽ nhìn thấy một ma trận ngang dọc, ma trận vuông tròn các quan hệ. Quan hệ cha mẹ, con cái, ai cũng ít nhất một lần làm học trò, ai cũng ít nhất có một người bạn, ai cũng phải làm một việc gì đó để sống,... vì vậy cần phải ứng xử sao cho hợp đạo hợp nghĩa, đúng mực để tự bảo vệ bản thân tức là bảo vệ cho gia đình, cho xã hội.

Kinh Thiện Sanh, là bản kinh căn bản dạy cho ta biết cách giữ gìn các mối quan hệ đó một cách tốt đẹp, ở đó ta thấy được các quan hệ được Phật dạy đều theo hai chiều rất tinh tế, như đời: “đường hai nẻo xuống lên”.

Ứng dụng lời Phật dạy vào đời sống hàng ngày

Tu không cần đi chùa nhiều, đọc kinh nhiều, ăn chay giỏi, làm công quả chuyên cần, xây chùa cất miếu...nếu làm được những điều này thì tốt. Nhưng vấn đề chính yếu của tu là thấu hiểu và "quyết tâm" ứng dụng những điều Phật dạy vô đời sống hàng ngày của mình.

Lâu không gặp tôi ở mấy đám tiệc tùng, nhảy nhót, ca hát bạn bè hỏi thăm tôi đi đâu mà vắng bóng lâu vậy? Tôi trả lời: "Đi chùa, bấy giờ tôi tu

rồi!".

Nghe tôi trả lời như vậy bạn bè thất vọng kêu trời "Đời sống ba vạn sáu ngàn ngày có là mấy, sao đang làm ăn thành công như vậy mà lại bỏ ngang, lo tu?". Mấy người trong bàn tiệc bắt đầu xoay qua đề tài "Tu và Đạo Phật". Người thì bàn bây giờ còn trẻ để hưởng cho hết cuộc đời trước, khi nào già rồi hãy tu. Người thì lý luận sống là tranh đấu, tu là bị quan yếm thế. Có người tiếc rẻ cho mấy người tu, được sống ở Mỹ có nhiều thịt cá không ăn cho khoái khẩu mà ăn chay, kiếp sau sinh ra ở Ấn Độ hay Phi châu không có thịt cá để ăn, sẽ hối tiếc! Hồi trước nếu nghe người nào nói trái ý, xúc phạm đến tôn giáo của tôi là tôi nhào vô cãi lầy, hùng biện, tranh luận, phải trái hơn thua, có khi nổi nóng tôi nói nặng làm mất bạn bè vì những chuyện không đâu. Nay nhờ đi chùa và nghiên ngẫm kinh sách tôi không phản ứng ngay, mà trầm tĩnh quan sát người ta thảo luận. Tôi thấy người nào cũng giành phần đúng về mình, người nào không đồng ý với mình thì cho người đó dốt, không hiểu vấn đề... Thấy mấy ông bạn bàn về triết lý cao siêu của Đạo Phật tôi nghĩ đến chuyện những người mù xem voi.

Không riêng gì những người không đi chùa nên không hiểu đạo, mà ngay cả người đi chùa thường xuyên cũng hiểu đạo sai lầm. Phần đông người đi chùa là những người đàn bà lớn tuổi, nhiều bà cầm nhang lạy tứ phương rất mềm dẻo, thiện nghệ. Nhưng họ đi chùa không mong gì hơn là để "được phước kiếp này và kiếp sau". Kiếp này được Trời Phật phù hộ cho có được đời sống an lành, con cái ăn học nên người, gia đình yên vui hạnh phúc. Kiếp sau được sinh ra ở cõi Trời, hay có làm người thì được sinh ra trong gia đình khá giả hơn...

Rất nhiều người đi chùa, cúng dường nhiều chỉ để cầu xin Trời Phật phù hộ cho mình, cho gia đình mình (ngã) có đời sống tốt đẹp hơn (tham). Đi chùa với tâm ý trao đổi tiền bạc với phước đức như vậy thì chẳng khác nào bỏ tiền ra "hối lộ" Trời Phật, bỏ tiền ra "mua" phước đức. Đi chùa như vậy, có đi suốt đời cũng không giúp ích gì cho mình và cho người bao nhiêu. Có người nói "Bữa nay tôi ăn chay, nếu không tôi cào nhà nó rồi". Ca dao mình cũng có nhiều câu châm biếm mấy người đi chùa mà tâm không tu là "Miệng tụng Nam mô mà bụng chứa một bồ dao găm".

Các bà chị của tôi rất thích đi hành hương, nhất cử mà lưỡng tiện, vừa du ngoạn cảnh lạ đường xa, vừa được thăm viếng, lễ bái nhiều chùa được

nhiều phước đức. Có lúc các chị không thích đi hành hương nữa, tôi hỏi tại sao thì các chị cho biết, không thích đi từ hồi nghe thầy Thanh Từ giảng. Thầy nói các bà đi chùa cúng có mấy trái chuối, mấy trái cam, mà cầu xin Phật cho nhiều thứ, xin cho mình, cho con mình, rồi cho cháu mình nữa. Phật dạy tu thì không tu mà chỉ muốn cầu xin, nếu ai xin cũng được Phật cho như ý, thì trên đời này đâu có ai khổ, ai nghèo? Các chị nghe thầy Thanh Từ nói Phật không phải là thần linh, có bùa phép ban cho Phật tử điều này điều nọ, các chị chán quá ở nhà luôn.

Không riêng gì người bình dân ít học mà đôi khi ngay cả người trí thức phụ trách việc giảng dạy Phật pháp cũng có người không hiểu đạo. Một cư sĩ kia có bằng cấp cao nên rất được quý trọng, trọng dụng trong hàng lãnh đạo Phật giáo. Ông được mời giảng dạy đạo pháp và hướng dẫn Phật tử trong các lớp tu học.

Một bữa kia một Phật tử có ý kiến, theo tôi bài giảng của ông không đúng ở điểm này, điểm nọ. Ông cư sĩ có vẻ khó chịu và từ đó giữ trong lòng "ác cảm" lâu dài với Phật tử này.

Sự thật là vậy, là ít người chịu khó suy ngẫm để thấu hiểu được rằng Phật bỏ cung vàng điện ngọc, bỏ cả vợ con chỉ vì thấy "Đời là bể khổ". Phật vào rừng sâu, sống khổ hạnh chỉ để tìm cách Cứu Khổ. Và hầu hết kinh sách Phật được lưu truyền lại ngày nay là để dẫn dắt chúng ta con đường Thoát Khổ.

Đạo Phật không phải là một Tôn Giáo huyền bí, không đặt niềm tin ở Thượng Đế và Phật không tự cho mình là con của Ngọc Hoàng, là Đấng Tạo Hóa toàn năng tạo ra vạn vật, có khả năng ban phước, hay giáng họa cho ai. Luật Nhân Quả không phải do Ngài đặt ra, và Niết Bàn cũng không phải là nơi do Ngài tạo nên, do Ngài kiểm soát cho phép ai ra, ai vào.

Đạo Phật Là Một Con Đường Giải Thoát, Giác Ngộ. Phật là người đã tìm ra chân lý, tìm ra Con Đường đi đến sự giải thoát, an vui, tự tại (chấm dứt khổ đau). Con đường đó Phật giảng giải, chỉ vẽ dựa theo kinh nghiệm "Ngộ" mà Ngài đã chứng nghiệm được sau sáu năm khổ hạnh tu tập và 49 ngày nhập định dưới cây bồ đề. Sau thời gian tu tập này Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn, đạt đến Niết Bàn và Phật đã bình đẳng tuyên bố "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành, nếu các người tu theo con đường ta chỉ dạy".

Theo Phật con người khổ là vì Tham Sân Si,

Chấp và Ngã...

Tham là muốn chiếm đoạt vật gì làm của riêng của mình, có một muốn hai, có hai muốn bốn. Lòng tham thúc đẩy con người hành động, tạo nghiệp ác, gây khổ cho mình và cho người khác.

Sân là thù hận, oán ghét. Nó cũng bao gồm trạng thái thụ động như hôn mê, bất mãn, ác cảm, buồn phiền ngấm ngấm trong lòng.

Si là u mê, tăm tối, chạy theo vạn vật hão huyền, là vô minh không nhận ra chân tướng, bản chất chân thật của vạn vật.

Chấp là vướng mắc vào những cảm thọ, như khen chê, được mất, hơn thua...

Ngã là mình, những gì thuộc về mình, cái Tôi vị kỷ, kiêu mạn...

Thời thì có trăm ngàn nguyên nhân làm mình khổ. Muốn chấm dứt khổ đau, được an lạc, tự tại, kinh Phật dạy muôn ngàn pháp môn. Để cho bớt rườm rà khó hiểu, tôi đơn giản hóa vấn đề, muốn tu theo Phật cho thân tâm được an lạc, một là chuyển hóa Tham Sân Si, hai là gạt bỏ Chấp và Ngã.

Con đường tu của tôi ngắn và gọn như vậy. Khi có một điều bất đắc ý xảy ra làm tôi buồn phiền đau khổ, bình tĩnh suy xét tôi thấy đúng như lời Phật dạy, căn nguyên khổ đó là do tham, sân, si, chấp và ngã đã huân tập, tiềm ẩn trong tôi từ kiếp nào mà ra. Cái chùng từ hung dữ, nóng nảy do cha mẹ di truyền lại đã sống khỏe mạnh trong tôi bấy lâu nay. Nay biết tu tập, với thời gian tôi sẽ cố gắng "bứng gốc" các chủng tử xấu đi, rồi tôi sẽ tưới tâm những "chủng tử tốt" (từ bi, hỷ xả, bao dung) bằng những trận mưa Pháp, những chủng tử tốt này sẽ nảy mầm vươn lên.

Làm việc gì muốn có kết quả nhanh chóng mình cũng phải có phương pháp, phân tích và có kế hoạch đàng hoàng. Sau khi phân tích thấy được nguyên nhân nguồn cội khổ đau là tham sân si, chấp và ngã, bây giờ làm sao diệt tham sân si, chấp và ngã?

Muốn diệt Tam Độc tham sân si, thì phải giữ Thân Khẩu ý thanh tịnh, trong sạch. Trên lý thuyết thì không khó, nhưng trên thực tế tiêu diệt ba con rắn độc này là cả một cuộc chiến gay go với nội tâm, mà chính Phật cũng phải nhìn nhận "thắng một vạn quân dễ hơn chiến thắng chính mình".

Bản tính của người phàm phu là ăn miếng trả

miếng, nhất định không thua ai. Người "biết tu" gặp nghịch cảnh phải nhịn nhục, nếu cứ chơi "xả láng" tới đâu hay tới đó, là tự biết mình đã "thua" trên mặt trận "tu tập". Nếu nhịn nhục là thân không làm điều ác, miệng không nói lời ác, thì tôi cố gắng làm được, nhưng giữ tâm ý thanh tịnh, không giận hờn, buồn phiền, bất mãn, điều này tôi thấy khó quá. Làm sao vui vẻ chấp nhận sự thiệt thòi về phần mình, làm sao chuyển hóa lấy khó khăn làm thú vị, lấy nghịch cảnh làm thắng duyên để đo lường sự tu tập của mình?

Kinh sách dạy, muốn tu chúng ta phải Học Kinh, và ứng dụng bát chánh đạo. Có chánh kiến (nhìn thấy đúng), có tư duy (suy xét đúng), có tinh tấn (cố gắng trui luyện), nước chảy đá sẽ mòn, rồi có ngày tâm ta sẽ không còn vướng mắc, chướng ngại, phiền não.

Trong kinh, Phật dạy...vạn vật Vô Thường. Với thời gian vạn vật đổi thay, không thường hằng bất biến, cho nên trong đời sống, chúng ta "nay lên voi, mai xuống chó", nay được yêu chiều, mai bị ruồng rẫy nên coi là sự thường. Đã thấu đáo lý Vô Thường thì dù cuộc đời có lúc lên hương như "điều gặp gió" chúng ta cũng không nên hả hê vui mừng đắc thắng, vì gió không bền lâu, lúc gió ngừng điều sẽ đâm đầu xuống đất, càng cao danh vọng, càng dày gian nan. Khi thành công cũng như lúc thất bại chúng ta phải cố giữ tâm thăng bằng như người làm xiếc đi trên sợi dây nhỏ. Dù đời nhiều cay đắng chúng ta cũng cố tự an ủi, đời người như một dòng sông, "sông có khúc, đời người có lúc", không nên nao núng thất vọng trước cảnh vật đổi sao đời.

Vạn vật đều Vô Ngã. Khi chấp nhận vạn vật vô ngã, không có tự tánh (sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc) thì ý thức ích kỷ, vị kỷ, chấp ngã kiêu mạn, ý niệm về "Cái Tôi" vô cùng quan trọng sẽ tan biến.

Phật cũng dạy lý Duyên Sinh. Vạn vật do duyên hợp mà thành. Dù duyên thì vạn vật tồn tại, mất duyên thì vạn vật tiêu tan. Do nhân duyên tác hợp nên vạn vật chỉ là hư ảo (huyễn). Khi thấu được lý nhân duyên thì tâm mình sẽ rộng mở, dễ cảm thông, tha thứ, chấp nhận thế giới muôn sai, nghìn khác. Từ "cảm thông" trong ta sẽ phát khởi lòng từ bi bao la, dễ hỷ xả, tha thứ những lỗi lầm của người khác.

Tôi về thăm Việt Nam, mấy đứa trẻ ăn xin hay đeo theo xin tiền. Được tiền rồi chúng cũng không đi chỗ khác, cứ lẩn quẩn quanh tôi. Chờ

lúc tôi sơ hở là tội nó "chôm" mấy thứ lật vật như máy ảnh, kính đeo mắt, cây dù xếp...từ đó tôi có ác cảm với đám trẻ ăn xin này, thấy tội nó kéo tới là tôi lo canh giữ cẩn thận, không còn tội nghiệp, thương xót như trước. Đây là phản ứng tự nhiên của người mất của. Nhưng trầm tĩnh suy nghĩ kỹ tôi mới thấy tội nghiệp những đứa trẻ thơ vô tội này. Chẳng may chúng nó sinh ra trong một gia đình nghèo ở Việt Nam, thất học, đói rách, phải ăn xin, ăn trộm để kiếm sống. Nếu chúng nó được may mắn sinh ra trong một gia đình giàu có ở Mỹ, được cha mẹ gởi tới các nhà giữ trẻ có nhiều trò giải trí, dùng máy điện tử chơi game hứng thú, thì chúng nó đâu thèm ăn cắp máy chụp hình, kính đeo mắt, và cây dù xếp để làm gì?

Cho nên trong vấn đề tu tập, Thiên Định là một phương cách đưa con người đến giải thoát. Những giây phút yên lặng, suy nghĩ sâu sắc sẽ cho ta Thấy Được Cái Bản Chất Chân Thật Của Mọi Việc.

Nhận thức được bản thể chân thật đó, con người mới có thể phát khởi đại trí, đại bi, trải rộng tình thương vô bờ tới muôn người và muôn loài.

Trong đời sống hằng ngày chúng ta bận rộn làm ăn sinh sống, không có nhiều thì giờ để ngồi thiền như những người xuất gia, nên Sư cô Thanh Lương khuyên chúng ta cố gắng Dừng Lại, cố giữ phản ứng chậm lại. Chỉ cần chậm lại một chút để có thì giờ suy nghĩ kỹ chúng ta sẽ tránh được nhiều lỗi lầm đáng tiếc, gây phiền phức cho mình và những người chung quanh, nhờ đó cuộc sống của mình được tươi đẹp, thoải mái dễ chịu hơn.

Đối với đàn bà chuyện thường xảy ra là bà này nói xấu bà kia. Phản ứng tự nhiên khi bị người khác đặt điều nói xấu là mình nổi giận. Người "biết tu" sẽ không trả thù nói xấu lại và người tu giỏi sẽ không giữ trong lòng ác cảm, phiền muộn ai .

TU ĐỂ LÀM GÌ mà xem ra người tu có vẻ thiệt thòi, chịu đựng nhiều quá vậy?

Mục đích tối thượng của người tu theo Phật là đạt đến Niết Bàn.

Niết Bàn không phải là một nơi tốt đẹp như Thiên đàng của các tôn giáo khác, khi nào chết con người mới có thể tới Thiên đàng được. Niết Bàn trong đạo Phật không chiếm không gian, không là nơi chốn nào trong vũ trụ, mà là một đạo quả, một trạng thái bình yên tối thượng.

Ở ngay trong kiếp sống này nếu chúng ta không bị tham sân si, chấp và ngã điều khiển, tâm ta sẽ có được thanh tịnh, an lạc, đạt đến Niết Bàn.

Những danh từ Duyên Sinh, Vô Thường, Vô Ngã hình như Phật tử nào cũng hiểu vì nó là nền tảng giải thoát của Đạo Phật. Nhưng hiểu là một chuyện mà có ứng dụng những điều hiểu biết này vô đời sống của mình để có được đời sống an lành yên vui hay không là chuyện khác.

Một bạn đạo của tôi luôn chạy theo Sư cô Thanh Lương, cô giảng ở đâu là có mặt chị ở đó. Chị đọc kinh nhiều đến nỗi thuộc lòng cả "Chú Đại Bi". Chị đang vận động với bạn bè mua cho Sư cô Thanh Lương một căn nhà làm chùa. Chị mê

nghe Sư cô giảng lắm. Tôi hỏi thăm, chị A còn trong hội của chị không? Hỏi câu này là bắt trúng tần số. Tôi chỉ hỏi một câu ngắn như vậy mà chị trả lời tôi tới nửa đêm, tuông ra bao nỗi hằn học, oán hận, căm thù. Tôi an ủi, thôi chị đi chùa nhiều, nên "hỷ xả". Chị ấy trả lời: "Cái hạng người đó không đáng cho tôi hỷ xả!".

Một bà khác đi chùa, công quả chuyên cần từ ngày qua Mỹ đến nay là mấy chục năm, nên

được giữ chức Phó Hội trưởng trong Ban Chấp hành của một chùa trong vùng. Bà mẹ chồng của chị đang hấp hối ở VN, tha thiết mong mỏi tất cả con cháu, dâu rể điện thoại về một lần chót trước khi nhắm mắt ra đi. Mặc cho em chồng khóc lóc

Thỉnh Kinh và đĩa CD MP3

- Kinh Hoa Nghiêm do H.T Tuyên Hoá giảng giải đã in xong **tập 15, tập 16, tập 17, tập 18, tập 19, và tập 20**. Quý vị nào thỉnh Kinh, xin liên lạc về Chùa. (Ngoài ra Chú Lăng Nghiêm tập 1 và Chú Đại Bi còn sót lại vài chục quyển, quý vị nào cần xin liên lạc. Những Kinh in đợt trước còn lại để cho thỉnh : **Kinh Hoa Nghiêm giảng giải từ tập 1 đến tập 14. Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 1 đến tập 5 (trọn bộ). Chú Lăng Nghiêm giảng giải tập 1 đến tập 3. Chú Đại Bi giảng giải.** (Tất cả đã thu âm sang đĩa CD MP3)

- Kinh Hoa Nghiêm do H.T Tuyên Hoá giảng đã được Trung Tâm Diệu Pháp Âm thu âm dạng MP3, đã sang ra đĩa CD mp3, ai muốn thỉnh thì xin liên lạc về Chùa, hoặc cũng có thể nghe trên trang web : dieuphapam.net hoặc là : chuakimquang.com.

năn nỉ, chị này nhất định không gọi về, nhất định trả thù bà mẹ chồng cho đến giờ phút chót cuộc đời bà.

Đi chùa mà giữ tâm địa ác như vậy thì đi để làm gì?

Tu không cần đi chùa nhiều, đọc kinh nhiều, ăn chay giỏi, làm công quả chuyên cần, xây chùa cất miếu...nếu làm được những điều này thì tốt. Nhưng vấn đề chính yếu của tu là thấu hiểu và "quyết tâm" ứng dụng những điều Phật dạy vào đời sống hằng ngày của mình.

Nên Từ Bi Hỷ Xả. Chỉ một chữ "xả" thôi, nếu thực hiện được là chúng ta cũng đến gần Niết Bàn rồi. Đi chùa, tham gia Phật sự là điều tốt, nhưng đó là bước đầu, nếu chúng ta bước xuống thuyền rồi đứng đó, không tự chèo thuyền đi, không ứng dụng những điều học hỏi ở kinh sách, ở chùa vào đời sống hằng ngày thì mãi mãi không bao giờ có thể đến được bến bờ giải thoát an lạc bên kia.

Thầy Thanh Từ giảng, căn phòng dù tăm tối đến đâu, bật đèn lên căn phòng cũng sáng. Chúng ta đứng ở cửa nhìn ra ngoài sẽ thấy đen tối, xoay đầu vô thì thấy sáng. Giữa tối và sáng chẳng cách nhau bao xa. Chỉ cần biết xoay đầu. Nhìn ra ngoài là bết mê, xoay đầu lại là bờ giác. Mê và giác chỉ có một cái xoay đầu. Tu dễ như vậy. Tu là hồi đầu, là xoay đầu lại. Từ bao lâu chúng ta mê nên đi trong đau khổ tử sanh, khi tỉnh chúng ta trở về sẽ hết khổ đau. Nếu chúng ta thả trôi theo giòng tăm tối thì tối mãi, biết xoay ngược lại tìm về ánh sáng thì sẽ được sáng. Một đứa con đi hoang, càng đi xa nhà càng khổ, khi biết lỗi lầm quay về với mẹ cha thì được sống trong gia đình hạnh phúc.

Hiểu như vậy thì tu không khó khăn gì cả, không cần ép xác khổ hạnh, tu luyện lâu dài, hay học cao hiểu rộng, cũng không cần xuất gia. Phật tức tâm, tâm tức Phật, tu tại gia cũng được. Chỉ cần cố chuyển hóa tham sân si, chấp và ngã.

Vạn vật đồng nhất ở bản thể, khi chúng ta đẹp được cái Tôi vị kỷ, ranh giới giữa ta và người sẽ tan biến. Từ đó lòng Từ Bi Hỷ Xả sẽ bùng nổ dâng tràn, đưa ta đến bến bờ giải thoát an lạc tự tại.

Tu là sửa đổi cho được tốt hơn, là dừng lại, là chuyển hóa cái tri thức sai lầm về thực tại. Vì tri thức sai lầm, chúng ta phát sinh tham, sân, si rồi hành động tạo nghiệp. Có chính kiến chúng ta sẽ thay đổi thái độ với vạn vật, nhờ đó thế giới trở nên an lành, vui tươi, hạnh phúc hơn.

Khi tâm ta không còn bị tham sân si điều khiển, khi tâm ta không còn vướng mắc với những cảm

thọ chấp, ngã, chúng ta sẽ đạt đến Niết Bàn. Đó là một trạng thái yên bình tối thượng, thanh tịnh, tự tại, giải thoát ở kiếp này, nhờ đó Nghiệp Lực chấm dứt, không còn sức lôi dẫn chúng ta luân hồi trong lục đạo ở kiếp sau.

Đây là mục tiêu tối thượng của việc Tu Hành theo Phật.

Theo Phật giáo nguyên thủy - Khuyết danh.

Hành hương Ấn Độ từ ngày 09/11 đến 29/11/2014

Vào tháng 11/2014 sắp tới đây, Chùa Kim Quang sẽ tổ chức hành hương, trở lại quê hương đức Phật, chiêm bái đánh lễ tứ động tâm. Những nơi Ngài đã từng thị hiện ra đời, xuất gia, tu khổ hạnh, thành đạo, chuyển bánh xe pháp, vào Niết Bàn, đem pháp mầu giáo hoá chúng sinh. Mặc dù đã trải qua nhiều thế kỷ, nhưng những Thánh tích vẫn còn đó, để cho chúng sinh thời mạt pháp sau này, đến chiêm bái đánh lễ, gieo duyên lành cho tương lai... Đây cũng là cơ hội cho hàng Phật tử chúng ta có đủ phước duyên một hoặc vài lần trong đời đến chiêm bái và đánh lễ các Thánh Tích, công đức vô lượng vô viên...

Chương trình hành hương:

09/11/2014 : Khởi hành đi Ấn Độ.

10/11/2014 : Các đoàn đến phi trường New Delhi, đón các vị về khách sạn nghỉ ngơi.

11/11/2014: Đi tham quan kỳ quan Taj Mahal và những công trình kiến trúc vĩ đại của Ấn Độ tại Agra. Chiều trở về New Delhi, nghỉ tại khách sạn.

12/11/2014 : Đánh lễ xá lợi Phật tại viện Bảo Tàng quốc gia, tham quan toà nhà quốc hội, cổng India Gate và các thắng cảnh tại New Delhi. Nghỉ tại khách sạn.

13/11/2014 : Ra phi trường đi đến Thành Ba La Nại. Chiêm bái tháp Chuyển Pháp Luân tại vườn Lộc Uyển (nơi Đức Phật thuyết Pháp lần đầu tiên cho năm anh em Ngài Kiều Trần Như). Đánh lễ Xá Lợi Phật. Nghỉ tại khách sạn.

14/11/2014 : Thành Ba La Nại, sáng tham quan sông Hằng (Một trong những con sông lớn nhất Ấn Độ, và rất nổi tiếng trong Phật giáo). Nghỉ tại khách sạn.

15/11/2014 : Rời thành Ba La Nại đến thành Xá Vệ. Chiêm bái Tịnh Xá Kỳ Viên, Vườn Cấp Cô Độc. Nghỉ tại khách sạn.

16/11/2014: Rời thành Xá Vệ đi đến Vườn Lâm Tì Ni. Chiếm bái đánh lễ Vườn Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật đã thị hiện ra đời và viếng thăm các Chùa Việt Nam tại đây. Nghỉ tại khách sạn.

17/11/2014: Thăm các Chùa Việt Nam, Tây Tạng, Chùa Hàn Quốc v.v... tại đây. Tỏi nghỉ tại khách sạn.

18/11/2014: Đi đến thành Câu Thi Na, chiêm bái Chùa Đại Niết Bàn, nơi Đức Phật thị hiện vào Niết Bàn, Bảo tháp Ramabhar tưởng niệm nơi trà tỳ nhục thân Đức Phật, và các Chùa thắng tích Phật giáo tại đây. Nghỉ tại khách sạn.

19/11/2014: Rời Câu Thi Na đến thành Vương Xá, ghé thành Tì Xá Li, tham quan thành Vương-Xá nước Ma-Kiệt-Đà (Trung tâm văn hoá Phật giáo thứ nhất thời Phật tại thế). Chiêm bái hương thất Đức Phật trên núi Linh Thứu, thạch thất của hai Tôn giả Xá-Lợi-Phất và A-Nan, nền nhà Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang. Thăm tháp Hoà Bình, nhà tù nơi vua A-Xà-Thế nhốt phụ hoàng mình là vua Tần-Bà-Sa-La, Trúc Lâm Tinh Xá, Đại học Nalanda, nhà kỷ niệm Ngài Huyền Trang (Huyền Trang Kỷ Niệm Đường) .v.v. Trở về Bồ Đề Đạo Tràng trong ngày. Nghỉ tại khách sạn.

20/11/2014: Rời Thành Vương Xá đi đến Bồ Đề Đạo Tràng. Chiêm bái Đại Tháp Giác Ngộ, Bồ Đề Linh thọ, Kim Cang Toà nơi Đức Phật nhập Đại Định và thành Phật. Tỏi nghỉ tại khách sạn.

21/11/2014: Tại Bồ Đề Đạo Tràng, sáng sớm ngồi thiền, sau đó đi chiêm bái khổ hạnh lâm, chiều trở về ghé làng Sujata nơi Đức Phật nhận bát cháo sữa, và sông Ni-Liên, trở về Bồ Đề Đạo Tràng. Tỏi nghỉ tại khách sạn.

22/11/2014: Tại Bồ Đề Đạo Tràng, sáng sớm ngồi thiền, tụng kinh, chiêm bái tu tập, tham quan các Chùa Việt Nam và Phật giáo các nước tại Bồ Đề Đạo Tràng. Nghỉ tại khách sạn.

23/11/2014: Tại Bồ Đề Đạo Tràng, sáng sớm ngồi thiền, chiêm bái và tu tập. Nghỉ tại khách sạn.

24/11/2014: Tại Bồ Đề Đạo Tràng, sáng sớm ngồi thiền, chiêm bái và tu tập, Nghỉ tại khách sạn.

25/11/2014: Tại Bồ Đề Đạo Tràng, sáng sớm ngồi thiền, chiêm bái và tu tập, Nghỉ tại khách sạn.

26/11/2014: Tại Bồ Đề Đạo Tràng, sáng sớm ngồi thiền, chiêm bái và tu tập. Nghỉ tại khách sạn.

27/11/2014: Ra phi trường trở lại New Delhi (Nếu từ Bồ Đề Đạo Tràng không có chuyến bay

về New Delhi, thì từ thành Xá Vệ Varanasi bay về New Delhi). Tỏi nghỉ tại khách sạn.

28/11/2014: Ra phi trường về lại bản xứ.

29/11/2014: Về đến bản xứ.

Chương trình có thể tuỳ nghi thay đổi một vài chi tiết để phù hợp với chuyến đi.

- Quý vị nào hành hương Đất Phật Tứ Động Tâm, xin liên lạc ghi danh. Chi phí hành hương bao gồm vé máy bay khứ hồi quốc tế và vé máy bay nội địa Ấn Độ, khách sạn 3 sao, phòng 2 người, ăn uống ngày 3 bữa (đa số ăn uống trong khách sạn), di chuyển xe car có máy điều hoà, bảo hiểm chuyến đi, visa Ấn Độ và Népal, thuế phi trường, tổng cộng là : 1950 euros. (không bao gồm tiền tip bác tài, cúng dường các chùa hoặc làm từ thiện). Hộ Chiếu (Passeport) phải còn giá trị ít nhất là 6 tháng, 4 tấm hình. Nên ghi danh càng sớm càng tốt.

Ghi chú: Chuyến đi này, một số Phật tử phát tâm tại Bồ Đề Đạo Tràng, thọ Bồ Tát giới, lễ xuống tóc xuất gia gieo duyên 1 tuần lễ, và thọ Bát quan trai.

Ấn tống Kinh

- Năm tới 2015, sẽ tiếp tục **ấn tống Kinh Hoa Nghiêm do H.T Tuyên Hoá giảng giải tập 21, tập 22, tập 23, tập 24 và tập 25** (trọn bộ). Tuỳ hỉ sự phát tâm hùn phước ấn tống Kinh, bố thí pháp, công đức vô lượng.

Thông báo

- Từ đây trở đi, các vị có thể **Đọc báo Phật Pháp trên mạng**, trên trang nhà Chùa Kim Quang, website: chuakimquang.com

- Kể từ năm tới 2015, báo Phật Pháp sẽ đưa lên mạng (internet), **sẽ không gửi đường bưu điện nữa, đỡ tốn cước phí gửi**. Sẽ gửi qua e-mail của quý vị, nếu các vị nào cho chùa e-mail, chùa sẽ gửi đến các vị đọc.

Vie et œuvre prédicante du Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

23. Des dragons qui crachaient des pluies bienfaisantes

Dans le village Đại-Nam-Câu, bourg Hương-Phường, province de Hợp-Nhĩ-Tân, vivait un homme nommé Diêu que tout le monde avait l'habitude d'appeler : le vieux Diêu. Avant de prendre Refuge auprès du Triple-Joyau, il était un aventurier, un vagabond, un toxicomane, non seulement, il prenait de l'héroïne, mais en plus, se piquait, sombrant ainsi éperdument dans des jeux et l'alcool, n'épargnant aucun vice.

A cette époque, les Japonais occupaient le Nord-Est, créant la Mandchourie, la dynastie des Thanh abrogée, le roi Tuyên-Thống fut proclamé empereur de Mandchourie ; mais celui-ci n'était qu'un fantoche, agissant sous les ordres des Japonais qui détenaient tous les pouvoirs ministériels et qui abusaient de ces pouvoirs pour manœuvrer tout le monde à leur guise. De peur que les Russes s'emparent de la Mandchourie, les Japonais faisaient construire un rempart de protection le long du fleuve Hắc (Fleuve Noire). Pour ce faire, ils réquisitionnaient des ouvriers sans rien payer. Dans les camps, les ouvriers réquisitionnés travaillaient comme des forcenés, des esclaves, ils peinaient toute la journée, sans être payés, sans aucun espoir de retourner dans leur famille, au sein d'un village plein de chaleur humaine. Les conditions de vie dans ces camps étaient, de toute évidence, lamentables, excessivement malheureuses, identiques à celles de l'enfer. Rien qu'à en entendre parler, on tremblait de terreur, cela faisait froid au dos. C'était un véritable enfer dans le monde terrestre.

Le vieux Diêu, sans métier, sans emploi, considéré évidemment par les Japonais comme un vagabond, a été immédiatement envoyé dans ces camps situés à la frontière Russe-Mandchou. Le jour, il travaillait comme des buffles, des chevaux ; la nuit, il dormait dans des pailles.

Ne pouvant supporter ces nuits glaciales, surtout cette vie de chien, à plusieurs reprises, il songeait à s'évader. Les quatre côtés du camp étaient entourés

de fils de fer électrifiés de haute tension, quiconque les touchait, serait immédiatement mort électrocuté. Néanmoins, le vieux continuait toujours à attendre l'occasion pour s'évader, car il ne pouvait plus supporter ni la tyrannie, ni l'oppression épouvantable, ni la maltraitance inhumaine de ceux qui détenaient les pouvoirs. Une nuit, dans son rêve, toujours assoiffé de liberté, bien décidé de s'évader au risques et périls de sa vie, il fut sur le point de s'enfuir, soudain, il vit un vieillard aux cheveux blancs s'approcher de lui en disant :

- « Ce n'est pas encore le moment de vous enfuir, car vous n'avez pas encore fini d'assumer toutes vos souffrances. Soyez patient, supportez encore quelque temps ; quand le moment sera venu, je vous préviendrai. J'espère que vous y prenez garde pour ne pas laisser passer une chance aussi inespérée. »

Ayant à peine terminé sa phrase, le vieillard disparut. Se fiant entièrement à ces paroles, le vieux Diêu rentra dans son camp et attendait. Environ deux semaines plus tard, toujours dans son rêve, le vieux Diêu revit le Vieillard aux cheveux blancs s'approcher de lui et lui dit :

- « Aujourd'hui, le moment est venu pour vous évader. Devant la porte, vous trouverez un chien blanc, retenez bien ceci : suivez de près ce chien pour ne pas vous égarer. Vous n'échouerez pas, soyez en sûr ! Retenez bien ce que j'ai dit ! Bonne chance ! »

Le vieux Diêu fut transporté de joie, et se réveilla. Il sortit du camp, devant la porte, il vit effectivement un chien blanc qui l'attendait. Obéissant aux instructions du Vieillard aux cheveux blancs, il suivit le chien. Arrivés devant le grillage électrique, d'un seul bond, le chien sauta par-dessus le grillage ; quant au vieux Diêu, après avoir mis de la paille sur les fils de fer, il sauta aussi par-dessus et se retrouva sain et sauf à l'autre côté des grillages. Il s'est senti comme échappé à la gueule du tigre. Retournant la tête, plus rien, le chien a disparu ; il s'est rendu compte qu'il a été aidé par les Saints Bienfaiteurs.

De peur que les Japonais le poursuivent, le jour il se cachait dans les buissons se nourrissant de légumes sauvages, buvant de l'eau de sources ; la nuit, il se hasarda de sortir pour continuer la route. Après plusieurs jours de misères et de

difficultés, il arrivait enfin dans son village natal. Cet événement l'a profondément troublé et marqué, à tel point qu'il s'éveilla, il réalisa alors que l'existence humaine n'est qu'une suite interminable de souffrances et décida de se convertir. Mais, dans toutes les pagodes où il s'est rendu, personne ne l'a accepté, ni même à la pagode Tam-Duyên, car, le voyant si mal habillé, les vêtements déchirés, sales on le prenait pour un mendiant qui voulait se convertir uniquement pour avoir de quoi manger. Juste au moment où personne ne voulait de lui ni dans les grandes, ni dans les petites pagodes il a rencontré un individu étrange venant de nulle part, d'apparence misérable comme un mendiant. Il se présentait devant lui comme un vrai pratiquant, prétendait connaître trente six étoiles de la galaxie, être doué de soixante-douze pouvoirs magiques, capable de voler dans l'espace, d'enfourcher les nuages, de braver les intempéries, de provoquer la pluie et le vent, de guérir les maladies incurables, de rajeunir la vieillesse. Personne ne croyait à ses paroles, excepté le vieux Dieu qui y croyait de tout son cœur, et l'honorait comme son maître. Par la suite, pour subvenir aux besoins de son nouveau maître, il s'est lancé dans toutes sortes de ruses malhonnêtes pour lui chercher de l'argent. Seulement longtemps après, il s'est rendu compte de la supercherie de cet individu complètement étranger, qui n'était qu'un vaurien, sans aucune qualification, complètement déçu, il partait laissant tout tomber derrière lui.

Quelque temps plus tard, apprenant que Maître Đô-Luân se trouvait lui-même dans le bourg Đai-Nam-Câu (d'après l'histoire du fidèle Bouddhiste Cao-Đức-Phước qui s'est juré de se couper la main en guise d'offrande à Bouddha pour sauver sa mère – leçon 16, et son sermon de sauver tout être humain 6^{ème} partie) le vieux Dieu venait se jeter à ses genoux et insistait pour se convertir et devenir son disciple. Au début, Maître An-Từ ne se souciait pas de sa présence, IL se tournait face au mur et méditait ...

Une heure plus tard, le Maître se retourna et le voyant toujours à genoux, IL lui demanda :

- « Qu'est-ce que vous faites ? »
- « Maître, je Vous prie de bien vouloir, par compassion, m'accepter comme disciple. »
- « Vous voulez vous convertir et me suivre ? Pourtant, je n'ai ni vertu, ni conduite méritante

pour vous enseigner, j'ai peur de vous décevoir finalement. »

- « Je vous implore juste de m'accepter comme votre disciple ; par ailleurs, je ne Vous demanderai plus rien. »

Le Maître lui disait :

- « Pratiquer le Bouddhisme tout en restant au foyer familial n'est déjà pas facile, alors que, se convertir et mener une vie monacale s'avère beaucoup plus difficile. Dans le Recueil de Métaphysique il a été dit : « Ne connaissant pas les grandes causes on porte le deuil de ses parents, connaissant parfaitement les grandes causes, on porte toujours le deuil de ses parents ». Se convertir est un acte d'abnégation extrêmement difficile, dur et pénible ; vous devez supporter ce que personne ne peut supporter, céder ce que les autres ne peuvent céder, manger ce que les autres ne peuvent manger, accepter ce que les autres ne peuvent accepter, vous devez vous oublier pour le profit des autres, vous occuper des biens d'autrui au détriment de vos propres intérêt personnels. Est-ce que vous êtes capable d'assumer tous ces actes ? Si vous le pouviez, je vous accepterais comme mon disciple, si non vous n'auriez pas besoin de vous convertir, ni de me suivre. »

Sans la moindre hésitation le vieux Dieu répondit :

- « Oh ! Merci Maître ! Je pourrai supporter toutes les pires souffrances du monde. Se convertir s'avère difficile et pénible, mais je suis convaincu que ces peines aussi grandes soient-elles, ne sont pas comparables à celles d'un réquisitionné travaillant dans un camp japonais. Je suis pleinement confiant que je pourrai tout supporter. »

Maître An-Từ récitait alors le verset suivant :

- «Pensez sans cesse aux souffrances de la naissance et la mort. »
- « Sans cesse occupez-vous de la Libération du Cycle de Réincarnations. »
- « Eloignez-vous du rivage obscur, revenez à votre origine. »
- «Détruisez le mur de l'espace, pour que s'illumine votre nature du Bouddha. »
- « L'avenir du Bouddhisme est en jeu, en déclin.»
- « Beaucoup se convertissent, »

« Mais les vrais pratiquants, combien en comptez-vous ? »
 « Sur la Voie, cheminent des dizaines de milliers, »
 « Combien parviennent au Fruit de Sauvetage du Monde. »
 « Si vous voulez sincèrement vous convertir, »
 « Formulez votre profond Sermon. »
 « Développez votre parfait Esprit-Bodhi. »
 « Dans la tempête et les ouragans, allumez votre lanterne, »
 « Comme si vous purifiez de l'or à l'aide d'un feu intense. »
 « Un beau jour, votre pratique sera absolument parfaite. »
 « Vous propagerez le Dharma du Bouddha, »
 « Vous illuminerez le Bouddhisme dans le monde entier. »
 « De cette façon, vous ne trahirez pas votre vœu de conversion. »

A travers les propos du vieux Diêu, Maître Đô-Luân était convaincu qu'il pourrait supporter toutes les peines, l'emmena à la pagode Tam-Duyên, rase sa tête, et le convertit. Le vieux Diêu reçut les Préceptes d'un Sadi, et le nom bouddhiste : Quâ-Thuần, ensuite, on lui confia la responsabilité de la cuisine. Il accomplissait sa tâche consciencieusement, soigneusement ; et par ailleurs, il s'investissait aussi entièrement dans sa pratique monacale, ne mangeant qu'un seul repas par jour, dormant dans la position assise, avant de dormir, il ne manquait jamais de méditer, parfois d'entrer dans le Samadhi durant toute la nuit. Des fois, quand Maître Đô-Luân voulait lui donner quelques instructions, IL n'avait qu'à communiquer avec son esprit, Quâ-Thuần LUI répondit immédiatement.

Une fois, Quâ-Thuần voyait une parcelle de terrain libre à côté du Temple du Roi-Dragon, au village Đại-Nam-Câu, et avec l'autorisation du Maître Đô-Luân, il s'est fait construire un petit cloître de chaume et s'y installait pour pratiquer sa Voie.

Avant de s'y installer, Quâ-Thuần invitait Maître Đô-Luân à venir célébrer la cérémonie d'Installation du Bouddha et pendre la crémaillère. Maître Đô-Luân, accompagné de ses disciples : Quâ-Năng, Quâ-Trực, Quâ-Tá, y était venu pour la cérémonie. Cette nuit-là, dix Dragons-Génies du temple du Roi-Dragon situé à côté de son cloître venaient se prosterner devant LUI, et LUI sollicitaient de prendre Refuge auprès du Triple-Joyau.

C'était l'été, il ne tombait aucune goutte de pluie ; la sécheresse régnait partout ; les jeunes plantes de riz jaunissaient, se fanaient ; et les paysans qui s'appuyaient sur les conditions atmosphériques pour vivre, s'inquiétaient, se plaignaient, ne savaient que prier le Ciel pour que, par compassion, le Ciel accepte de faire pleuvoir. Maître Đô-Luân disait aux Dragons-Génies :

- « Votre métier c'est de faire pleuvoir ; pourquoi vous laissez la sécheresse régner partout de cette façon ? Qu'attendez-vous pour faire tomber la pluie ? »

- « Maître ! Nous n'avons pas encore reçu l'autorisation du Grand-Roi de Jade, nous n'osons pas faire pleuvoir, autrement, nous en serions punis »

- « Vous devriez monter au Royaume des Cieux, solliciter Sa Majesté, par compassion, de faire pleuvoir dans un périmètre de quarante miles. Ecoutez ! Si demain, il pleuvra ; le surlendemain, vous aurez votre Prise de Refuge au Triple-Joyau. »

Le lendemain, effectivement la pluie tant attendue tombait justement dans un périmètre de quarante miles, grâce à quoi, les plantes de riz poussaient comme si elles avaient été arrosées par une sorte d'eau bienfaisante, si bien que les récoltes de cette année-là étaient très satisfaisantes, bien supérieures à celles des années précédentes.

Le troisième jour, les Dragons-Génies se rendirent dans la Salle de Cultes du Bouddha, et reçurent La Prise de Refuge au Triple-Joyau. Pour mémoriser cet événement, Maître Đô-Luân a surnommé le cloître : « Long-Vũ-Mao-Phụng » (le cloître aux Dragons qui, obéissant à l'ordre du Roi de Jade, crachaient des pluies bienfaisantes) et faisait accrocher le panneau sur la façade devant le cloître.

Quâ-Thuần s'installait dans le cloître. Peu de temps après, deux hommes dans le village nommés Lru et Dương-An-Tử venaient l'y rejoindre. Comme ils étaient aussi de bons pratiquants bouddhistes, tous les trois, ensemble, régulièrement, ils récitaient les prières matinales et nocturnes et le Mantra de l'Immense Compassion sans jamais oublier, ne serait-ce qu'une seule séance. Peu de temps après, Lru s'est converti ; quant à Dương-An-Tử, il s'est

engagé dans l'armée, sous le drapeau du régiment Bát-Lộ-Quân.

Durant les deux premières années d'engagement militaire, Dương-An-Tử envoyait régulièrement des lettres au cloître jusqu'à l'automne 1948 (37^{ème} année Dân-quốc), tout d'un coup, plus de nouvelles de Dương-An-Tử. Il fallait attendre sept ou huit mois plus tard, un jour, Quả-Thuần était en train de réciter Le Mantra de l'Immense Compassion dans le cloître, en présence du père Cao-Đức-Phúc, soudain, Dương-An-Tử revint, frappa à la porte. Quả-Thuần se précipita pour ouvrir. Dương-An-Tử, sans dire un mot, ayant à peine franchi la porte, courut directement à l'intérieur, se dirigea vers la cheminée, s'y allongea et dit :

- « Je me suis engagé dans l'armée, j'ai participé à la guerre en Corée, j'ai été gravement blessé, aujourd'hui, je suis tellement fatigué que ... je me couche ici. »

Quả-Thuần continuait à réciter Le Mantra de l'Immense-Compassion comme si rien ne s'était passé. Surprise ! Tout d'un coup, Dương-An-Tử s'est transformé en un renard, en un clin d'œil, et disparut.

En réalité, en quoi consiste cette histoire ?

En fait, Dương-An-Tử était déjà mort sur le champ de bataille, probablement, son cerveau était possédé par l'esprit d'un renard qui, par la même occasion, prit son apparence afin de tenter de détruire la pratique religieuse de Quả-Thuần. Heureusement, à cet instant même, ce dernier était en train de réciter Le Mantra De L'Immense Compassion, ajoutée à cela sa puissante énergie spirituelle résultant d'une pratique régulière et assidue, grâce à quoi, le renard-fantôme prit peur et s'enfuit.

Peu de temps après cet événement, Quả-Thuần s'est rendu compte que le Bouddhisme était en train de se désagréger, d'entrer dans la décadence. L'avenir du Bouddhisme était en jeu : les moines opprimés, persécutés, les statues des Bouddhas brisées, détruites, les Sutras brûlés. Face à ce déclin du Bouddhisme, Quả-Thuần formulait le sermon de se brûler vif, en guise d'offrande à Bouddha afin de sauver le Bouddhisme.

A la 33^{ème} année Dân-Quốc, le 15-07-1944, Maître ĐỘ-Luân, suivi de ses disciples, s'agenouillait devant l'autel du Bouddha et formulait le vœu de se brûler vif en guise d'offrande à Bouddha s'IL

pouvait prolonger sa longévité jusqu'à cent ans. Ayant suivi cet exemple, Quả-Thuần formulait aussi le même vœu de sacrifice que son Maître, et ce, dès que l'occasion se présenterait comme l'avait fait Bodhisattva ĐỘC-VƯƠNG dans le passé sans attendre jusqu'à cent ans.

A la 38^{ème} année Dân-Quốc, le 18-04-1949, le jour où Quả-Thuần réalisait son sermon. Il se préparait personnellement cent livres de bûches, et trois livres et demie d'huile d'arachides. Ensuite, assis au milieu des bûches en position du lotus, il alluma le feu, et se brûla, réduisant son corps en cendres. Le lendemain, les gens du village découvraient que le cloître des Dragons qui crachaient des pluies, avait été incendié, on voyait encore monter des traînées de fumée. Après l'examen du lieu, on a découvert que le Vénérable s'est brûlé vif en guise d'offrande à Bouddha. Quoique son corps ait été réduit en cendres, néanmoins, son cœur restait intact, épargné de toute flamme. Tous ceux qui y étaient présents, ne pouvaient s'empêcher de fondre en larmes tellement ils étaient émus devant un tel sacrifice. Ils emportèrent alors ses cendres et son cœur et les enterrèrent à ce même endroit.

Les nouvelles du décès de Dương-An-Tử et de l'Immolation du Vénérable Quả-Thuần ont été envoyées par les correspondances du Père Cao-Đức-Phúc. Les journaux chinois à Hong-Kong ont publié l'histoire intégrale le 22-09-1949. La lettre racontant l'histoire de Dương-An-Tử a été gardée par un journaliste chinois nommé Mao.

10 merveilleux présages lors de la descente du grand Bodhisattva dans le monde Saha

Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à descendre du Ciel Tushita dans le monde Saha, apparurent dix merveilleux présages. Les voici :

1. Fils du Bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à quitter le Ciel Tushita pour descendre dans le monde Saha, à son pied droit, jaillirent de brillantes lumières appelées « An Lạc Trang Nghiêm » (Ornement de Sérénité) éclairant Trois mille grands mondes. Les êtres vivants dans des mondes maléfiques et malveillants, éclairés par ces lumières s'éloignèrent des malheurs, vécurent dans le bonheur. Vivant dans le bonheur, ils comprirent alors qu'un Grand Homme s'apprêta à apparaître. C'était le 1^{er} Présage.

2. Fils du Bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à quitter le Ciel Tushita pour descendre dans le monde Saha, à partir du point centré entre ses sourcils jaillirent des lumières éclatantes appelées : « Giác Ngộ » (Éveil) éclairant le Corps de tous les Bodhisattvas en sa compagnie dans le passé. Éclairés par ces lumières, ceux-ci, sachant que le Grand Bodhisattva allait descendre dans le monde Saha, vinrent LE saluer et LUI apporter d'innombrables offrandes. C'était le 2^{ème} Présage.

3. Fils du Bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à quitter le Ciel Tushita pour descendre dans le monde Saha, de la paume de sa main droite, jaillirent des lumières éclatantes appelées : « Thanh Tịnh Cảnh Giới » (Monde de Pureté) purifiant tout être vivant dans les trois mille Grands Mondes. Ceux qui étaient déjà parvenus à l'État du « Sans émotions, sans passions » en vue de devenir Prateykas Bouddhas, grâce à ces lumières, s'éveillèrent, quittèrent immédiatement leur enveloppe humaine. Ceux qui ne l'étaient pas, grâce à la puissance de ces lumières, étaient transportés dans d'autres mondes. Tous les fantômes, les adeptes hétérodoxes possédant de vieilles connaissances erronées étaient aussi transportés dans d'autres mondes ; exceptés ceux qui possédaient déjà du potentiel, et qui étaient prédestinés à être protégés et sauvés par la puissance des Bouddhas. C'était le 3^{ème} Présage.

4. Fils du Bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à quitter le Ciel Tushita pour descendre dans le monde Saha, à partir de ses deux genoux, jaillirent de puissantes lumières éclatantes appelées : « Thanh Tịnh Trang Nghiêm » (Ornement de Pureté) illuminant tous les palais royaux célestes situés à partir du Ciel « Hộ Thế » (Protecteur du monde Saha) jusqu'au Ciel « Tịnh Cư » (Ciel Pur). Les habitants de ces lieux, sachant que le Grand Bodhisattva s'apprêta à descendre

dans le monde Saha, se sentaient extrêmement tristes, le cœur brisé. Ils se chargèrent des gerbes de fleurs, des vêtements, des parfums, des parasols, des instruments de musique, se rendirent à l'endroit où s'installait le Grand Bodhisattva afin de LUI présenter leurs offrandes. Ensuite, ils LE suivirent dans le monde Saha et y restèrent jusqu'à son accession au Nirvana. C'était le 4^{ème} Présage.

5. Fils du Bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à descendre dans le monde Saha, dans les Trois Recueils à partir des caractères « Vạn Kim Cang Trang Nghiêm » (sens propre : orné de multiples diamants excessivement durs, sens figuré : doué de forces infinies excessivement résistances) jaillirent des lumières éclatantes appelées : « Vô Năng Thắng Tràng » (invincibles étendards) illuminant tous les athlètes dans toutes les planètes des dix directions, il y en avait des centaines de milliers, ceux-ci se réunirent et suivirent le Grand Bodhisattva pour LE protéger depuis sa naissance jusqu'à son accession au Nirvana. C'était le 5^{ème} Présage.

6. Fils du bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à descendre dans le monde Saha, à partir de chaque pore de son corps, jaillirent de puissantes lumières éclatantes appelées : « Phân Biệt Chúng Sinh » (différentes de celles du monde humain) éclairant tous les milliers de grands mondes, touchant le corps de tous les Bodhisattvas, ainsi que tous les habitants célestes et terrestres ; tous ces derniers se disaient : « Je pense qu'il serait préférable que nous restions dans le monde Saha afin de faire offrandes au Tatagatha, instruire et transformer les êtres vivants ». C'était le 6^{ème} Présage.

7. Fils du Bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à descendre dans le monde Saha, dans le Palais « Đại Mani Bảo Tạng » (Grand trésor de la Perle des vœux) jaillirent de puissantes lumières éclatantes appelées : « Thiện Trụ Quán Sát » (Observation des bienfaits) éclairant le Palais Royal où naîtra le Grand Bodhisattva ; après cette illumination, tous les autres Bodhisattvas LE suivirent dans le monde Saha, en naissant : ou bien dans la même maison, ou même hameau, ou même village que LUI, dans le but d'assister le Grand Bodhisattva à instruire et transformer les êtres vivants. C'était le 7^{ème} Présage.

8. Fils du Bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à descendre dans le monde Saha, à partir de l'intérieur des palais royaux célestes, jaillirent des lumières éclatantes appelées « Nhất Thiết Cung Điện Thanh Tịnh Trang Nghiêm » (Palais royal orné totalement de pureté) éclairant le ventre de la mère. Après cette illumination, celle-ci se sentait absolument paisible, sereine et satisfaite ; elle réalisait de parfaites bénédictions. Dans le ventre de la mère, apparaissaient naturellement d'immenses palais ornés de pierres précieuses pour abriter et protéger le corps du Bodhisattva. C'était le 8^{ème} Présage.

9. Fils du bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à quitter le Ciel Tushita pour descendre dans le monde Saha, de la plante de ses pieds, jaillirent des lumières éclatantes appelées : « Thiện Trụ » (la Bienveillance s'installe). Les fils des Dieux et les habitants célestes dont l'existence allait s'achever, éclairés par ces lumières, pouvaient prolonger leur espérance de vie. Ils pourraient alors faire offrandes au Grand Bodhisattva depuis sa naissance jusqu'à son accession au Nirvana. C'était le 9^{ème} Présage.

10. Fils du Bouddha ! Quand le Grand Bodhisattva s'apprêta à quitter le Ciel Tushita pour descendre dans le monde Saha, à partir de toutes les merveilles, jaillirent des lumières éclatantes appelées : « Nhãn Trang Nghiêm » (doué de vue céleste). Apparurent tous les moments karmiques du Bodhisattva ; à ce moment, les habitants célestes ainsi que les humains, doués de vue céleste, pouvaient voir le Grand Bodhisattva, tantôt dans le Ciel Tushita, tantôt dans le ventre de sa mère, tantôt en nourrisson, tantôt au moment de sa conversion, tantôt au moment de son Éveil, tantôt dans la grotte du démon, ou en train de prêcher, ou au moment de son accession au Nirvana. C'était le 10^{ème} Présage.

Fils du Bouddha ! Après avoir fait jaillir, à partir de son corps, de son siège, de son palais des centaines de milliers de lumières éclatantes, ensuite fait apparaître tous les moments karmiques, enfin ayant réuni parfaitement toutes les bénédictions, alors du ciel Tushita, le Grand Bodhisattva descendit, fit son apparition dans le monde Saha.

Les bénédictions de la grande fête du Vésak (Bain du Bouddha-Nourrisson)

Le bain du Bouddha est considéré comme de la rosée rafraîchissante, produisant une infinité de bénédictions incommensurables et inexplicables. Dans le Sutra « Dục Phật Công Đức » il a été écrit : « Bouddha a enseigné : grâce à ce bain de statue du Bouddha, les êtres vivants peuvent bénéficier d'infinies et précieuses félicités prestigieuses, exaucer leurs vœux, vivre dans la paix, obtenir rapidement l'Éveil ».

Lors de la grande fête du Vésak, depuis le passé lointain jusqu'à nos jours, dans les quatre coins du monde, du centre ville à la campagne, de la montagne à la vallée, du continent au péninsule etc... tous les fils du Bouddha se sentent submergés de joie, de bonheur, dans l'attente comme un courant d'eau retenu depuis longtemps par des digues, aujourd'hui, prêt à déborder, c'est la signification des bénédictions résultant de l'image des neuf Dragons crachant de l'eau afin de baigner le Bouddha-nourrisson.

La Fête du Vésak est de retour ! Nous sommes à la fin du printemps et début d'été, les arbres se couvrent de feuillages verdoyants, pleins d'énergie vitale, les lotus rose-doux et blanc-rafraîchissant s'épanouissent, exposant leur beauté splendide et dégageant un parfum exquis, comme pour accueillir un Être exceptionnel, un Grand-homme. Chaque rafale de vent apporte de la vapeur d'eau de pluie printanière, plongeant le monde entier dans la fraîcheur. La terre maternelle absorbe ce crachin, s'en imprègne, déborde de vie, d'avenir brillant. C'est la signification des gouttes d'eau crachées par les Neuf Dragons pour baigner le Bouddha-Nourrisson.

La Fête du Vésak est de retour ! Tous les enfants du Bouddha, pleins de joie, se rivalisent dans la décoration de l'autel du Bouddha. Il faut que tout soit plus resplendissant, plus grandiose ; que le palanquin transportant Bouddha soit plus florissant, le design plus coloré, des fleurs plus éclatantes. Il faut que tout soit parfait, exactement

comme le Palais Tỳ-La, et le Jardin Tỳ-Ni dans le passé. Tout est neuf, tout est magnifique, car c'est la Fête du Vésak, c'est la Bénédiction des gouttes d'eau crachées par les Neuf Dragons du passé pour baigner le Bouddha-Nourrisson, car ces Dragons voulaient que Bouddha apporte une nouvelle Foi et une Vérité resplendissante à toute l'humanité.

La Fête du Vésak de retour, réveille tout le monde, ouvre nos yeux sur l'an passé. Reconnaissons-nous nos erreurs de ces quelques mois ? Avons-nous déjà ou pas encore entrepris quelque bonne action ? Sommes-nous bien décidés ou ne contentés que de l'essentiel ? A combien de personnes avons-nous apportées la joie ou causées de malheurs ? Aurions-nous l'impression de n'être pas encore bien décidés d'apprendre le Bouddha dharma ? C'est pourquoi, encore une fois, le Bain du Bouddha-Nourrisson renforce notre foi, notre volonté de progresser davantage.

C'est pourquoi, ces gouttes d'eau crachées par les Dragons pour baigner le Bouddha-Nourrisson, encore une fois, imprègne le champ spirituel de ceux qui reconnaissent leurs fautes, qui en auraient honte et voudraient se corriger. Bouddha nous a enseignés que ces personnes auraient beaucoup plus de chance de devenir Bouddhas, grâce aux Bénédiction de ces gouttes d'eau, car elles les incitent à reconnaître leurs fautes et à se corriger.

Vésak est de retour ! Tout le monde s'y met, depuis des milliers d'années, toujours avec beaucoup de respect, la même excitation, et ce, à travers de multiples changements de dynasties, de règnes, la Fête du Vésak reste toujours glorieuse, du système féodal à l'ère scientifique actuelle, le même rituel, le même respect. Et pour quelle raison ? Il n'existe qu'une seule et unique raison : Bouddha est déjà Éveillé et le Dharma du Bouddha c'est la Vérité, le chemin qu'IL a parcouru, conduit à la Félicité et à la Libération.

C'était en se baignant dans cette foi que les Neuf Dragons crachaient de l'eau pour baigner le Bouddha-Nourrisson. Ce bain exprime donc toute leur sincérité, leur respect à l'égard d'un Grand-Éveillé. C'est pourquoi, on peut dire que ce sont des gouttes d'eau d'une pure croyance pleine de Bénédiction, suffisamment pour éveiller une juste et pure croyance universelle. C'est pourquoi, cela s'appelle : la Bénédiction de la Sainte- Rosée du Bain du Tatagatha.

Vésak est de retour ! Contemplant la statue d'un Grand-Éveillé-Nourrisson, on perçoit une pureté innocente, une loyauté infinie, sans la moindre tache de souillure, la moindre poussière d'affliction du monde profane. Contempler la statue du Bouddha-Nourrisson, transporte notre esprit vers la sérénité, la lumière, nous aide à pénétrer profondément toutes les afflictions du monde profane, nous incite à réformer notre esprit en le remettant dans le droit et loyal chemin, car seul un esprit loyal et droit est capable d'éloigner toute affliction ; seule une âme sincère mérite le respect d'autrui, le bonheur familial, une société sécurisante, paisible. Tout cela prend souche à partir d'un esprit pur et serein.

Ceci est la première raison pour que notre esprit rejoigne celui du Bouddha : une Bénédiction incommensurable du physique du Bouddha, c'est pourquoi les Dragons crachaient le crachin pour baigner Notre Seigneur-Nourrisson ; aujourd'hui, nous VOUS baignons, VOUS sollicitant les mêmes Bénédiction. C'est pourquoi, cela s'appelle : « Bénédiction des gouttes d'eau baignant le Corps du Bouddha ».

A la Fête du Vésak, tout le monde, transporté d'excitation, se rend à la pagode pour assister à la cérémonie du Bain du Bouddha-Nourrisson, espérant rencontrer de bons maîtres et bons amis. Rencontrer un bon maître c'est une précieuse rencontre, car grâce à lui, en tant qu'élève, je pourrai apprendre les quatre vertus : la Compassion, la Miséricorde, la Clémence et la Générosité ; je réaliserai ce qu'est : la joie de se contenter de ce qu'on a, car il nous enseigne le Bon Dharma de tous les Bouddhas. C'est la raison pour laquelle, un bon maître est précieux et difficile à rencontrer. Et rencontrer un bon ami est aussi un bon augure ; car un bon ami ne vous causera pas d'ennuis, pas de commérage, ensemble, on étudiera le Bouddha dharma, ensemble on pratiquera la religion jusqu'au jour où l'on obtiendra la Bouddhité.

C'est pourquoi, « Un Bouddha naît, cent Bouddhas LE protègent ». Quand un Bouddha naît, des milliers de Bouddhas L'assistent pour LE protéger ; et nous, nous sommes des futurs Bouddhas, le jour de la naissance du Bouddha, en nous mettant à étudier le Bouddha dharma, nous sommes certains que, parmi les gouttes d'eau

crachées par les Dragons pour baigner le Bouddha-Nourrisson, nous y avons aussi notre part ; car, dans ces gouttes d'eau, est contenue la Bénédiction des Bodhisattvas, nos bons amis accompagnant toujours les futurs Bouddhas. Ce sont donc les Bénédiction du Bain du Bouddha-Nourrisson.

Vésak est de retour ! Personne ne rappelle personne, pourtant, tous ceux qui sont pourvus d'un bon cœur, pensent qu'ils doivent accomplir une bonne action durant la Fête du Vésak comme par exemple : manger végétarien pour bénéficier d'autres Bénédiction, apporter de l'aide aux nécessiteux, ce sont des preuves de bonté, de générosité ; à travers chacun de nos faits et gestes, il semblerait qu'il existe une sorte d'énergie merveilleuse qui nous rend plus lucides plus éveillés, notre existence plus paisible, plus sereine, ce sont les Bénédiction de l'existence paisible du Bouddha. D'ailleurs, c'est justement l'unique raison de son apparition en ce monde profane. C'est pourquoi, lors de sa naissance, les Dragons Célestes, comprenant parfaitement ces Bénédiction se mettaient joyeusement à L'arroser pour LE baigner et ces Bénédiction continuaient à être merveilleuses jusqu'à nos jours.

Comment énumérer toutes les Bénédiction du Bouddha ?

Absolument impossible ! Dans les Sutras, il a été dit souvent : « Les Bénédiction du Bouddha sont incommensurables et indiscutables ».

Dans le Sutra « Dục Phật Công Đức » il est écrit : « Le Bain du Bouddha-Nourrisson apporte 15 Bénédiction ». Celui qui accomplit de tout cœur cette offrande bénéficiera de 15 Bénédiction suprêmes suivantes :

1. Reconnaître ses fautes et s'en repentir.
2. Éprouver une pure croyance.
3. Avoir un esprit droit, loyal.
4. Se rapprocher des bons amis.
5. Parvenir à une « Sagesse de sans émotions, sans passions ».
6. Rencontrer souvent des Bouddhas.
7. Pratiquer toujours le Bon et Juste Dharma.
8. Agir conformément aux paroles.
9. Se réincarner selon son désir dans les royaumes des Bouddhas.
10. S'il doit revenir en ce monde profane, se réincarnera dans une famille honorable, digne d'être respecté, jouissant d'une existence pleine de joies.

11. S'il revient en ce monde, il saura naturellement prier Bouddha.

12/ Ne pas être perturbé par les soldats du diable.

13. Entretenir le Juste Dharma durant le déclin du Bouddhisme.

14. Être béni par les Bouddhas des dix directions.

15. Obtenir rapidement les cinq parties du Corps du Dharma.

Le Vésak : vestige du Bouddha, demeure éternellement dans le monde entier. La lumière du Juste Dharma du Bouddha se propage universellement. Il semble que la puissance des vœux de la Communauté des moines se fortifie davantage, que la foi des pratiquants bouddhiques se baigne dans la joie parfaite et absolue, dans la Bénédiction de tous les Bouddhas.

Quel bonheur que Bouddha soit né

La naissance de notre Père-Miséricorde-Sakyamuni transforme ce monde en larmes en un monde souriant, où sur les visages des milliers de milliers d'êtres vivants s'épanouissent des sourires émerveillés. En venant en ce monde, Bouddha Sakyamuni nous apporte le bonheur éternel.

Plus que jamais, si l'existence humaine manquait l'ombre du bonheur, elle n'aurait aucune raison d'exister, et n'apporterait aucune gloire à des milliers de milliers de projets en perspective dans cet univers. C'est pourquoi, en naissant, Bouddha apportait avec LUI tout un océan de bonheurs illimités sans rien déclarer, et nous, nous bénéficions d'un trésor inestimable au sein de cette œuvre merveilleuse de l'humanité.

Allant et venant, circulant dans ce monde illusoire, nous nous confrontons sans cesse aux deux domaines : bonheur et souffrances. Néanmoins, le bonheur est toujours la chose dont l'humanité a besoin pour s'affirmer, peu important les conditions dans lesquelles elle vit.

La nature proprement dite du bonheur n'a fondamentalement pas de couleur, ni d'odeur, ni de goût, et pourtant, il se manifeste clairement, à chaque fraction de seconde durant notre existence. Probablement, connaissant bien la

nécessité de ce bonheur qui ne peut absolument pas manquer à l'humanité, du Ciel Tushita, Bouddha descendit et apparut en ce monde afin de soulager les souffrances humaines à travers son message du « Bonheur » exprimé dans ses Trois Recueils d'Instruction.

Ce message du « Bonheur » retentit à travers le monde entier, pénètre jusqu'à la racine des cheveux, ancré profondément dans cette existence humaine remplie d'innombrables dettes non encore remboursées (mauvais Karmas), en même temps, se faufile dans les moindres anfractuosités des rêves de plusieurs siècles, afin de transformer les souffrances humaines, conséquences de leurs propres karmas, souffrances que l'humanité entière était et est en train de subir.

Bouddha apparaissait en ce monde sous différents aspects pour transformer les êtres vivants à travers son message du « Bonheur » sans cesse se transformant selon l'évolution de l'univers. S'il existait en ce monde une personne douée d'une puissance surhumaine, capable de remuer la terre et le ciel, déplacer les fleuves, combler les océans, apporter la paix au monde entier, elle est loin d'être comparée, pour autant, au Tatagatha, tant que l'humanité est encore plongée dans les souffrances.

La différence entre le Tatagatha et les autres souverains pontifes, réside dans le fait que le Tatagatha ne se considère jamais comme un être surhumain, absolu, envoyé au monde par la volonté de Dieu, mais qu'IL venait au monde selon les conditions conformément au rêve des millions de millions de cœurs assoiffés de bonheur dans leur existence.

Durant son existence, souvent dans son Dhyâna (extase), Bouddha observait, repérait ceux qui semblaient dans les souffrances. Immédiatement et doucement, IL venait, pas à pas, leur transmettre son message du « Bonheur » afin de soulager en partie leurs souffrances. IL restait toujours à l'écoute et comprenait parfaitement tous les drames tragiques, tous les malheurs humains afin d'apporter, selon les circonstances, son message du « Bonheur ».

Jamais IL ne se plaignait, ni ne refusait quoi que ce soit, à qui que ce soit, jamais de complexité à l'égard de qui que ce soit, pourvu que l'humanité vive dans la paix. Cela lui aurait suffi largement. IL en serait content.

Avec un aussi noble et immense vœu, IL s'est sacrifié entièrement en se lançant dans ce monde sans le moindre souci, la moindre hésitation. IL soufflait un courant d'amour, de compréhension, pour que son message du « Bonheur » puisse circuler et perpétuer éternellement à travers le monde entier, semer, s'infiltrer dans les moindres ramifications des phénomènes immanents universels.

Ce vœu qu'IL tenait à cœur, se perpétue des milliers d'années, résonne encore aujourd'hui, ne semble jamais s'interrompre tant que l'esprit humain reste toujours perturbé par les sentiments.

Durant deux mille cinq cents ans, ce message reste toujours resplendissant à travers toutes sortes de souffrances afin de changer l'existence humaine, la diriger vers la loyauté, la justice. C'était au sein de ces multiples souffrances que Bouddha était venu pour donner une note de grandeur quoique très simple et très modeste.

Une vieille soutane usée, fanée avec les années, un vieux bol à aumônes, il n'y a pas de quoi en être fier Notre Messenger voyageait par monts et par vaux, de l'Est à l'Ouest, parcourant toute la terre de l'Inde emportant son message du « Bonheur » dont l'humanité entière avait besoin pour que l'existence soit moins triste, moins fade, moins ennuyeuse.

D'un corps maigre, d'une apparence squelettique, mais une forte volonté de fer, bien convaincante, IL emportait son message, le propageait partout, apportait la joie, le bonheur à toute l'humanité entière. Quelque part à l'horizon, là où passait sa silhouette, toute affliction disparaissait, laissant la place à une existence plus noble, plus magnanime. Toute calamité douloureuse dans la vie, à sa rencontre, semblait se rendre et se fondre dans son amour immense et universel. IL n'était ni un Saint, ni quelqu'un d'exceptionnel doué de pouvoirs surhumains, et pourtant, toute haine, toute vengeance semblaient vouloir se rapprocher de LUI, gagner son amitié et se transformer en amour.

Même à l'égard d'un vagabond, solitaire, sans domicile fixe, n'ayant pas de quoi se couvrir, se nourrir etc. ... toujours d'une attitude humble, modeste, IL leur partageait, de bon cœur, les quelques grains de riz qu'IL venait d'obtenir en mendiant. Ensuite, IL leur enseignait le Dharma qui les aidait à vivre dans le vrai bonheur.

A l'égard d'un tueur sanguinaire, doucement, pas à pas, IL pénétrait dans les parages de ses pensées, afin de le convaincre à lâcher son couteau et retourner à la vie de bonne conduite. Sa présence en ce monde constitue une force immense construite de deux matières : Amour et Compréhension. L'existence humaine était encore remplie d'infinis malheurs et souffrances, sa venue en ce monde apportait de la joie à l'humanité.

A travers des milliers d'années historiques, ce message du « Bonheur » reste éternellement resplendissant.

« Aujourd'hui, en ce monde, apparaît Bouddha »
« Dans la joie, trois mille grands mondes L'accueillent »
« Sourire aux lèvres, les yeux pleins de larmes »
« A chaque minute, le monde, impatient, L'attend »
« En ce monde, IL revient, pour soulager »
« Un océan de souffrances submergeant l'être vivant »
« Le bonheur, un message grandiose et merveilleux »
« IL le propage parmi toutes les espèces vivantes »

Sur son chemin de pratiques religieuses, jamais de négligence, ne serait-ce qu'une minute, utilisant tous les moyens bienveillants, afin de faire parvenir à chaque personne ce message du « Bonheur ».

Plus que personne d'autre, IL comprenait très bien que seul le bonheur puisse soulager les souffrances humaines du passé et celles du futur, que tous les Dharmas concordent foncièrement avec toutes les circonstances, en toute relativité. Bouddha apparaissait en ce monde de poussières avec sa Doctrine du Juste-milieu sans discrimination, sans distinction.

C'est pourquoi, toute tache, toute souillure, toute affliction humaines, quoique très proches de LUI, n'arrivaient pas à LE souiller. IL n'avait pas non plus l'intention de les maîtriser selon la procédure d'un Saint, avec ses pouvoirs supranormaux, mais au contraire, calmement, IL les accueillait comme des amis intimes afin de les réformer, leur faire passer son message du « Bonheur ».

Une fois que toute affliction effacée l'être vivant vit dans la paix, la sérénité ; et si l'esprit humain était en paix, tranquille, le monde serait rempli de joie, il n'y aurait plus de haine, donc plus de guerre. Comprenant bien ce processus, notre

Messenger du « Bonheur » n'arrêtait pas de parcourir le monde, bravant les intempéries afin de faire passer son message.

En somme, l'apparition de notre Messenger-Père-Miséricorde-Sakyamuni a transformé ce monde en larmes en un monde où s'épanouit un sourire sur le visage de tout être vivant. IL venait, apportant tout un bonheur infini à l'humanité entière en train de sombrer dans la mer des souffrances.

IL comprenait très bien ces souffrances, d'où elles venaient ? Sachant bien que ces souffrances prenaient souche à partir de ses propres agissements, alors par compassion, IL apparaissait en ce monde pour enseigner à l'être vivant le moyen de s'en sortir, afin de parvenir au rivage du Bonheur.

Partout où sévissaient des souffrances, Notre Messenger s'y lançait en dépit de tout danger pour réformer, pour transformer. Cette transformation résonnait, se propageait dans tous les trois mille grands mondes, à tel point qu'il n'y ait aucun événement aussi grandiose dans l'histoire de l'humanité.

Aujourd'hui, IL revient auprès des êtres vivants pour partager avec eux leurs souffrances en ce monde souillé. Encore une fois, l'humanité entière l'accueille dans la joie, le respect absolu, dans le bonheur infini. Quelque part sur cette planète, ceux qui vivent dans le vagabondage, sans domicile, sans avenir, auront l'occasion de se confier à LUI afin de transformer leurs souffrances.

« Sept fleurs de Lotus soulèvent le Pur et Immaculé Talon »
« Trois mille grands mondes accueillent le Tatagatha »

Vraiment quel bonheur que Bouddha soit né pour apporter la paix à des milliers d'espèces vivant sur cette petite planète ! Son message du « Bonheur » se déploie, s'envole, se propage, s'infiltré dans les moindres sentiers, les moindres anfractuosités du monde entier, sans être gêné, ni contrecarré par quoi que ce soit dans l'espace infini et le temps illimité. Quoique traversant des milliers d'années historiques, ce message du « Bonheur » reste toujours présent afin d'apporter plus de fraîcheur, plus d'amour à l'humanité. Et il

en sera toujours ainsi des milliers d'années à venir.

« Quel Bonheur que Bouddha soit né ! »

« Quel Bonheur que le Bouddha dharma soit aussi profond ! »

« Quel Bonheur que le Sangha s'entende si bien ! »

« Quel Bonheur que la Communauté Bouddhiste pratique ensemble dans la bonne entente cordiale ! »

Dialogue avec Bodhidharma à propos du bouddhisme

Au début du 20^{ème} siècle, un nombre de textes anciens ont été découverts en Chine, parmi lesquels se trouvaient certains documents enregistrés par les disciples du Patriarche Bodhidharma. Voici les quelques passages extraits à partir de ces documents.

- Question : « Qu'est-ce que : l'Esprit de Bouddha ? »

- Réponse: « Votre esprit c'est l'Esprit de Bouddha. Quand vous percevez La Vraie Essence de l'esprit, c'est ce qu'on appelle : Le Tatagatha. Quand vous percevez le caractère permanent, immuable de l'esprit, appelé aussi : Les Trois Corps du Bouddha (Corps du Dharma : pháp Thân; corps divin : báo thân; corps apparu par compassion pour sauver les êtres vivants : Hóá Thân). Il ne dépend de rien, c'est pourquoi il s'appelle : Libération. Il opère facilement, en toute liberté, sans être perturbé par quoi que ce soit, c'est pourquoi il s'appelle : La Vraie Voie. Il n'a jamais été né, et ne meurt jamais, c'est ce qu'on appelle : Le NIRVANA. »

- Question : « Qu'est-ce que : Le Tatagatha ? »

- Réponse : « C'est celui qui a découvert qu'il vient de nulle part, et qu'il va nulle part. »

- Question : « Qu'est-ce qu'un Bouddha ? »

- Réponse : « C'est celui qui a découvert La Vérité, et qui a découvert aussi qu'il n'y a rien à découvrir. »

- Question : « Qu'est-ce-que Le Dharma ? »

- Réponse : « C'est ce qui ne s'est pas encore produit, donc jamais été diminué, c'est ce qu'on appelle : Le Dharma, le permanent de l'Univers. »

- Question : « Qu'est-ce-que Le Sangha ? »

- Réponse : « Il est ainsi appelé pour son harmonie, et sa bonne entente. »

- Question : « Qu'est-ce-que : Méditer sur La Vacuité de tout Dharma ? »

- Réponse : « Méditer sur tout ce qui existe en ce monde, sans pour autant oublier leur vacuité à l'origine. C'est ce qu'on appelle : Méditer sur la Vacuité de tout Dharma. »

- Question : « Comment un homme vit-il sans être un homme ? Et une femme vit-elle sans être une femme ? »

- Réponse : « Dans la nature de Bouddha, il n'y a pas de différence entre un homme et une femme il n'existe aucune substance prédestinée, bien déterminée pour désigner un homme et une femme. Comme il existe des éléments essentiels, du concours des circonstances dans la production de l'herbe et de l'arbre. Pour les distinguer, on leur donne des noms différents. On attribue un nom à chacune des espèces qui existent temporairement en ce monde. Bouddha disait : « S'il y a quelqu'un qui arrivait à réaliser que toutes les apparitions réelles en ce monde ne sont qu'illusoires, il pourrait vivre un monde meilleur que celui où nous vivons ». Tous les Bouddhas parlent de la Vacuité de toutes choses. Pourquoi ? Parce qu'ILS voulaient détruire toutes les vieilles connaissances ancrées dans l'esprit de leurs disciples. Et pourtant, si quelqu'un s'attachait fortement à cette idée de vacuité, il aurait trahi Bouddha. Certains s'attachent à La Naissance, quoiqu'il n'y ait pas de Naissance ; d'autres s'attachent à La Mort quoiqu'il n'y ait pas de Mort. En réalité, il n'y a rien qui se produit, donc rien ne se détruit. A force de s'y attacher, on finit par adopter une idée ou un objet. Or, la Vérité n'existe ni dedans, ni dehors, ni au milieu. Un ignorant crée des illusions, et souffre à cause de ses propres discriminations. La Vérité authentique ne distingue ni à droite, ni à gauche, L'ignorant les a inventés, les a adoptés, les a situés : de près, de loin, dedans, dehors. Cette distinction, cette discrimination constituent la source des afflictions. Et il en existe tellement en ce monde phénoménal. L'enseignement du Bouddha aide à éveiller notre Sagesse Absolue. Aucune parole n'est capable d'exprimer cela, seulement, par une expérience personnelle, on pourrait l'éprouver, le vivre. »

- Question : « Existe-t-il des méthodes rapides et lentes pour parvenir à la Bouddhité ? »

- Réponse : « Celui qui se sent spirituellement fondre dans le temps infini, sans commencement, ni fin parviendra rapidement à la Bouddhité ; tandis que celui qui se fixe un certain temps, et

qui vise un certain but, dans son esprit, mettra un certain temps pour parvenir à la Bouddhité. Un Sage réalise que la Bouddhité est dans son esprit, tandis qu'un ignorant dit que la Bouddhité se trouve à l'extérieur. En fait, il ne sait où se trouve la Bouddhité, il ne sait pas non plus qu'Elle se trouve juste dans son esprit. »

- Question : « Qu'est-ce qu'un disciple éclairé et un disciple ordinaire ? »

- Réponse : « Un disciple éclairé ne se limite pas aux paroles de son maître, mais recherche lui-même La Vérité à travers ses expériences personnelles. Un disciple ordinaire s'appuie sur les paroles du maître pour découvrir petit à petit La Vérité. Un maître peut avoir deux sortes de disciples. Ceux qui écoutent les paroles du maître, mais qui ne se soucient pas de ce qui est permanent, naturel ou impermanent, lucratif ; mobile ou immobile ; à la forme ou non-forme, ceux-là sont des disciples éclairés. Tandis que ceux qui sont assoiffés de connaissances, des érudits qui cherchent à accumuler des savoirs à travers des livres, mais qui n'arrivent pas à distinguer le bien du mal, sont des disciples ordinaires. Un disciple éclairé pénètre immédiatement La Vérité, ne se surestime pas en écoutant les paroles de son maître, ne cherche pas à ressembler aux grands savants. Il a largement dépassé la classe des intellectuels et celle des ignorants. Quant à celui qui écoute le Bouddha dharma, ne s'attachant pas aux désirs matériels, ne s'intéresse ni au Bouddha, ni à ses Dharma. Si on lui demandait de choisir l'un des deux, il aurait choisi la tranquillité plutôt que l'animation, l'intelligence plutôt que l'ignorance, le calme plutôt que l'agitation, qui s'attache à un certain objectif, celui-là c'est un disciple ordinaire. Celui qui dépasse toute distinction entre l'intelligence et l'ignorance, qui ne s'attache pas aux paroles du Dharma, qui ne passe pas sa vie à juger ce qui est juste, ce qui ne l'est pas, qui n'espère pas devenir Bouddha, ou Bodhisattva, celui-là c'est un disciple éclairé. »

Traduit par Chên-Thường
Extrait des Traductions du Journal Daily-Zen

Sept leçons de Sagesse dans l'existence humaine

1. « Apprendre à accepter ses erreurs »

En général, l'homme refuse de reconnaître ses erreurs et les rejette sur les autres, il se dit toujours avoir raison, ne sachant pas qu'en accusant les autres, il commet une très grande erreur.

2. « Apprendre à s'assouplir »

Les dents sont dures, tandis que la langue est molle, souple, pourtant, au cours de l'existence, les dents se cassent et finissent par tomber, alors que la langue molle, souple reste toujours intacte, comme « Le chêne et le roseau » de La Fontaine. Nous aussi, nous devons apprendre à nous assouplir, à être conciliants, pour pouvoir subsister plus longtemps. Un esprit souple, conciliant constitue donc un grand pas dans la pratique de la Voie.

3. « Apprendre à endurer »

En ce monde, si on arrive à endurer un peu, les vagues ne s'élèveront pas, la mer restera calme ; et si on recule d'un pas, la mer sera immense, et le ciel plus haut. Endurez ! Dix-mille problèmes volatilisés ! Endurer c'est précisément savoir se conduire, concilier, utiliser son intelligence, et sa compétence pour transformer un gros problème en un petit problème, et un petit problème en rien !

4. « Apprendre à comprendre profondément »

Un manque de compréhension peut engendrer toutes sortes d'allégations diffamatoires, de quiproquos, voire des disputes. Soyons compréhensifs et tolérants pour pouvoir nous entraider. Sans se comprendre mutuellement, comment pourrions-nous vivre en paix ?

5. « Apprendre à se débarrasser, à lâcher-prise »

L'existence humaine ressemble à une valise. Quand on en a besoin, on l'emporte, mais quand on n'en a plus besoin, on la dépose, on s'en débarrasse. Si on ne la dépose pas en temps voulu, on traînera ce lourd fardeau tout au long de son existence, ce sera vraiment encombrant, pas agréable du tout ! Or, l'espérance de vie humaine est limitée, les jours et les années sont comptés, savoir accepter ses erreurs, soyons respectueux, généreux pour se faire accepter. Savoir déposer, se débarrasser, lâcher-prise, on se satisfait soi-même.

6. « Apprendre à compatir »

Devant les bienfaits des autres, nous devrions nous en réjouir ; devant leurs malheurs, nous

devrions en compatir. La compassion c'est l'amour universel, c'est l'Esprit-Bodhi, l'esprit d'un Bodhisattva. En ce qui me concerne, durant les quelques dizaines d'années de mon existence, il m'arrivait maintes fois, de m'émouvoir, de compatir, aussi je m'efforce toujours de tout mon cœur, de rendre les autres capables de s'émouvoir, de compatir aussi.

7. « Apprendre à subsister »

Pour pouvoir subsister, nous devons entretenir notre corps, le garder en bonne santé. Un corps en bonne forme, non seulement, nous est utile personnellement, mais autour de nous, notre famille, nos amis seront tranquilles. C'est pourquoi, cela fait aussi partie de la Piété envers nos proches.

Si jamais on se cassait, on tomberait toujours dans la direction de l'Ouest

Autrefois, un disciple de Bouddha LUI a posé la question :

« Si jamais, on mourait subitement pour une cause imprévisible, est-ce qu'on pourrait passer au Royaume de La Terre-Pure (La Félicité) du Bouddha AMITABA ? »

Bouddha citait l'exemple suivant : « Si un arbre pousse en se penchant à l'Est, s'il se casse, forcément il tombera à l'Est ». Nous aussi, si nous récitons le Nom du Bouddha comme l'arbre qui pousse en se penchant à l'Ouest et qui grandit toujours dans cette direction ; tous les jours, nous récitons le Nom du Bouddha, si jamais nous mourions subitement, nous tomberions forcément à l'Ouest. Nous ferions mieux de nous demander si nous nous penchions vraiment à l'Ouest ? (de peur que ce ne soit pas le cas). En général, notre esprit s'éparpille dans tous les sens, mais ne se concentre

pas dans la direction de l'Ouest. Durant un jour, vingt-quatre heures, en toute franchise, combien de temps mettons-nous pour réciter le Nom du Bouddha ? Cinq minutes, même pas. Si, avec un peu plus d'effort, nous consacrons quelques heures pour réciter le Nom du Bouddha, et encore, parmi ces récitations, combien n'ont pas été récitées comme il faut (sans interruptions, sans diverses interventions). C'est pourquoi, notre arbre pousse dans tous les sens, si jamais il se cassait, personne ne saurait dans quelle direction il tomberait.

66 phrases dans l'étude du Bouddhadharma

19. Pour un si beau vase, pourquoi le remplir avec de tels poisons ? Pour une âme aussi pure, pourquoi lui infliger de telles afflictions ?

20. Tant que vous ne pouvez pas obtenir ce que vous désirez, vous pensez qu'il est beau ; c'est parce que vous ne le connaissez pas bien, car vous n'avez pas vécu longtemps avec lui. Le jour où vous le connaissez profondément vous découvrirez qu'au fond, en réalité, il n'est pas aussi beau comme vous l'avez imaginé.

21. Vivre un jour, profitez d'un jour de bonheur. Respectez-le car c'est une gratification si précieuse ! Un jour, n'ayant pas de sandales, je pleure, mais je découvre qu'il y en a qui n'ont même pas de jambes.

22. Au lieu de dépenser un peu plus d'énergie pour observer les autres, vous feriez mieux d'en économiser un peu pour vous observer vous-mêmes. Est-ce que vous comprenez ?

Ủng hộ Báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp

Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ :

Votre don :



Tết Lễ Thượng Nguyên 2014



Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel : 01.48.69.01.24 - 07.82.49.25.84
e-mail: kimquangtu@gmail.com
website : chuakimquang.com

Phật Pháp/Bouddhadharma 48

- Tờ Phật Pháp/La revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ vào những ngày lễ lớn trong năm/Edition les grandes fêtes dans une année.
- Chủ Nhiệm: vén. Thích Minh Định-Hằng Lý.
- Những bài dịch tiếng Pháp và đánh máy : Cô Lý Thị Minh Nguyệt.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, cô Giác Vân, cô Diệu Hải, cô Giác Hào, cô Đồng Thu, anh chị Phát, chị Nuôi, Chú Thiện, Chú Giác Đạo, Chú Giác Luân, Chú Giác Thuận, Cô Giác Hoa, Cô Hoa Minh, Cô Chú Sứ, Cô Li, Cô Giác Xinh....
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá, để chúng ta nghiên cứu, tu học, lợi mình, lợi người.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, là góp phần nhỏ vào việc truyền bá Phật pháp, công đức vô lượng.
- Mọi chi tiết xin liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel : 01.48.69.01.24 - 07.82.49.25.84
e-mail: kimquangtu@gmail.com
website: chuakimquang.com

Trong số này/Sommaire

Kinh Hoa Nghiêm giảng giải	3
Kinh Pháp Hoa giảng giải	6
Chú Lăng Nghiêm giảng giải	10
Chú Đại Bi giảng giải	12
Tiền không mua được thời gian	14
Pháp ngữ của H.T Hư Vân	15
Hám Sơn đại sư	17
Giáo huấn của các vị Tổ tịnh độ	20
Cuộc đời H. T Tuyên Hoá	21
Hoạ phúc tương sinh	23
70 tuổi và 10 tuổi	23
Chú Tiểu hay ăn cắp vặt	24
Con lừa trong giếng nước	24
Đùng vôi phán đoán hình dáng bên ngoài	25
Biển ước mơ thành hiện thực	26
Tu cái miệng là tu nửa đời người	26
Ứng dụng lời Phật dạy trong đời sống...	32
Hành hương Ấn Độ	36
Vie et oeuvre prédicante du Vén...	38
Dix merveilleux présage à propose...	41
Les bénédictions de la grande fête de Vesak	43
Quel bonheur que Bouddha soit né	45
Dialogue avec Boddhidharma...	48
Sept leçons de sagesse dans l'existence...	49
Si jamais on se cassait, on tombait...	50

Chùa Kim Quang sẽ tổ chức Đại lễ Phật Đản

la Grande Fête de Vesak 2014
vào ngày **chủ nhật 11/05/2014**,
tức nhằm ngày 13/04 ÂL.

Chương trình như sau :

- 09 h 30 : Chư Phật tử tề tựu.
- 10 h 15 : Khoá Lễ Phật Đản chính thức.
- 10 h 45 : Thuyết pháp.
- 11 h 15 : Tắm Phật.
 - Đôi lời về ngày Phật Đản.
 - Các em Phật tử dâng hoa cúng Phật &
 - Múa cúng dường Phật Đản.
- 11 h 45 : Cúng hương linh thờ tại Chùa.
- 12 h 00 : Thọ trai.
- 13 h 45 : Lễ quy y Tam Bảo.
- 14 h 00 : Thí thực cô hồn
- 16 h 30 : Hoàn mãn.

Chùa Kim Quang sẽ tổ chức **Hành hương Ấn Độ** từ ngày **09/11 đến 29/11/2014**.

Trở lại quê hương đức Phật, chiêm bái danh lễ Tứ Động Tâm. Những nơi Ngài đã từng thị hiện ra đời, xuất gia, tu khổ hạnh, thành đạo, chuyển bánh xe pháp, vào Niết Bàn, đem pháp mầu giáo hoá chúng sinh. Đây cũng là cơ hội cho hàng Phật tử chúng ta có đủ phước duyên một, hoặc vài lần trong đời đến chiêm bái và danh lễ các Thánh Tích, công đức thật không thể nghĩ bàn.